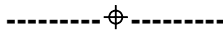


TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**TÊN ĐỀ TÀI: THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG
HOẠT ĐỘNG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐĂKLĂK**

Sinh viên thực hiện: Hồ Trương Tú

Lớp: Kinh tế đầu tư K41

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung

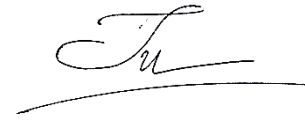
Bình Định, 2022

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan khóa luận tốt nghiệp này là do tôi tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung. Những số liệu và trích dẫn trong khóa luận tốt nghiệp này là trung thực, có tính khách quan và phù hợp với thực tiễn. Những kết luận trong khóa luận tốt nghiệp này là do tôi tự nghiên cứu ra và kế thừa từ những công trình đã nghiên cứu trước đó. Các thông tin trích dẫn trong khóa luận tốt nghiệp đã được chỉ rõ nguồn gốc.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Nhà trường về sự cam đoan này.

Bình Định, ngày 25 tháng 05 năm 2022



Hồ Trương Tú

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

Họ tên sinh viên thực hiện: HỒ TRƯỜNG TÚ

Lớp: Kinh tế đầu tư K41

Khóa: 2018 – 2022

Tên đề tài: Thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam– Chi nhánh Đông Đắk Lắk

I. Nội dung nhận xét:

1. Tình hình thực hiện:
2. Nội dung của đề tài:
 - Cơ sở lý thuyết:
 - Cơ sở số liệu:
 - Phương pháp giải quyết các vấn đề:
3. Hình thức của đề tài:
 - Hình thức trình bày:
 - Kết cấu của đề tài:
4. Những nhận xét khác:

.....
.....

II. Đánh giá cho điểm:

- Tiến trình làm đề tài:
- Nội dung đề tài:
- Hình thức đề tài:

Tổng cộng:

Bình Định, Ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN VẤN ĐÁP/PHẢN BIỆN

Họ tên sinh viên thực hiện: HỒ TRƯỜNG TÚ

Lớp: Kinh tế đầu tư K41

Khóa: 2018 – 2022

Tên đề tài: Thăm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam– Chi nhánh Đông Đắk Lắk

I. Nội dung nhận xét:

1. Nội dung của đề tài:

- Cơ sở lý thuyết:
- Cơ sở số liệu:
- Phương pháp giải quyết các vấn đề:

2. Hình thức của đề tài:

- Hình thức trình bày:
- Kết cấu của đề tài:

3. Những nhận xét khác:

.....

.....

II. Đánh giá cho điểm:

- Nội dung đề tài :
- Hình thức đề tài :

Tổng cộng:

Bình Định, Ngày tháng năm.....

Giảng viên phản biện

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài	2
4. Phương pháp nghiên cứu	2
5. Đóng góp của đề tài	3
6. Kết cấu của đề tài	3
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	5
1.1. Khái niệm cho vay theo dự án đầu tư của Ngân hàng thương mại	5
<i>1.1.1. Khái niệm, phân loại và vai trò của dự án đầu tư</i>	<i>5</i>
<i>1.1.2. Khái quát về cho vay theo dự án đầu tư của Ngân hàng thương mại</i>	<i>7</i>
1.2. Khái quát thẩm định tài chính dự án đầu tư	7
<i>1.2.1. Khái niệm</i>	<i>7</i>
<i>1.2.2. Mục đích của thẩm định tài chính dự án đầu tư</i>	<i>8</i>
<i>1.2.3. Yêu cầu của thẩm định tài chính dự án đầu tư</i>	<i>8</i>
<i>1.2.4. Nội dung thẩm định tài chính dự án đầu tư</i>	<i>8</i>
1.3. Mục đích thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng thương mại	15
1.4. Quy định về thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng thương mại	15
1.5. Phương pháp thẩm định tài chính dự án đầu tư của Ngân hàng thương mại	19
1.6. Điều kiện và quy trình cho vay theo dự án đầu tư của Ngân hàng thương mại	20
<i>1.6.1. Điều kiện cho vay theo dự án đầu tư của Ngân hàng thương mại</i>	<i>20</i>
<i>1.6.2. Quy trình cho vay theo dự án đầu tư của Ngân hàng thương mại</i>	<i>21</i>

1.6.3. Quy trình thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng thương mại	21
1.7. Chỉ tiêu đánh giá chất lượng công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư tại Ngân hàng thương mại	22
1.7.1. Khái niệm chất lượng công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư tại Ngân hàng thương mại	22
1.7.2. Chỉ tiêu đánh giá chất lượng công tác thẩm định dự án đầu tư tại Ngân hàng thương mại	22
1.8. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư tại Ngân hàng thương mại	26
1.8.1. Yếu tố khách quan	26
1.8.2. Yếu tố chủ quan	27
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG VỀ THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM BIDV – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐĂKLẮK	29
2.1. Tổng quan về Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV – Chi nhánh Đông Đắk Lắk	29
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam BIDV – Chi nhánh Đông Đắk Lắk	29
2.1.2. Cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của các phòng ban thuộc Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam BIDV – Chi nhánh Đông Đắk Lắk	29
2.1.3. Các nguồn lực chủ yếu Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam BIDV – Chi nhánh Đông Đắk Lắk	31
2.1.4. Tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam BIDV – Chi nhánh Đông Đắk Lắk	33
2.2. Văn bản nội bộ quy định hoạt động tín dụng nói chung và hoạt động cho vay, công tác thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay nói riêng tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam BIDV – Chi nhánh Đông Đắk Lắk	36
2.3. Quy trình thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đắk Lắk	37

2.4. Phương pháp thẩm định tài chính dự án đầu tư tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đắk Lắk	39
2.5. Đánh giá hoạt động cho vay đối với dự án đầu tư tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam BIDV – Chi nhánh Đông Đắk Lắk	43
<i>2.5.1. Phân tích các chỉ tiêu đánh giá về hoạt động cho vay đối với dự án đầu tư của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk</i>	43
<i>2.5.2. Kết quả đạt được</i>	46
<i>2.5.3. Hạn chế</i>	47
2.6. Đánh giá chất lượng thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam – Chi nhánh Đông Đắk Lắk	48
<i>2.6.1. Đánh giá chất lượng công tác thẩm định dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đắk Lắk</i>	48
<i>2.6.2. Đánh giá công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đắk Lắk</i>	52
<i>2.6.3. Nguyên nhân dẫn đến hạn chế ảnh hưởng đến công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển BIDV – Chi nhánh Đông Đắk Lắk</i>	54
2.7. Minh họa cụ thể bằng hai dự án tại chi nhánh BIDV Đông Đắk Lắk	55
<i>2.7.1. Trường hợp thẩm định dự án trồng chuỗi công nghệ cao của Công ty cổ phần Banana Brothers Farm</i>	56
<i>2.7.2. Trường hợp thẩm định dự án đầu tư trang trại lợn nái ứng dụng công nghệ cao</i>	68
<i>2.7.3. So sánh quá trình thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của dự án đầu tư xây dựng trang trại lợn nái ứng dụng công nghệ cao với dự án trồng chuỗi công nghệ cao</i>	81
CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP ĐỂ HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐẮKLẮK	84

3.1. Định hướng công tác thẩm định dự án đầu tư của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đắk Lắk trong thời gian tới.....	84
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện và nâng cao chất lượng công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đắk Lắk	85
3.2.1. <i>Thực hiện tốt quy trình thẩm định tài chính dự án đầu tư.....</i>	85
3.2.2. <i>Nâng cao chất lượng thẩm định tín dụng tại ngân hàng.....</i>	86
3.2.3. <i>Tăng cường kiểm tra công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư.....</i>	87
3.2.4. <i>Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thẩm định</i>	88
3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đắk Lắk	90
3.3.1. <i>Kiến nghị với chính quyền địa phương.....</i>	90
3.3.2. <i>Kiến nghị với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	90
3.3.3. <i>Kiến nghị với Chính phủ</i>	92
KẾT LUẬN	94
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	95

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nguyên văn
BIDV	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
BIDV Đông Đắk Lắk	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đắk Lắk
CBTĐ	Cán bộ thẩm định
Cty TNHH XD TM DV Đức Tài	Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ Đức Tài
DAĐT	Dự án đầu tư
DPRR	Dự phòng rủi ro
HMTD	Hạn mức tín dụng
KHCN	Khách hàng cá nhân
KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
NHTM	Ngân hàng thương mại
PGD	Phòng giao dịch
QLKH	Quản lý khách hàng
QLNB	Quản lý nội bộ
QLRR	Quản lý rủi ro
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TCTD	Tổ chức tín dụng

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU, SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ...

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức BIDV Đông ĐắkLăk.....	30
Bảng 2. 1: Nguồn lực về cơ sở vật chất của Ngân hàng BIDV Đông ĐắkLăk giai đoạn 2019 – 2021	32
Bảng 2. 2: Nguồn lực về nhân lực của BIDV Đông ĐắkLăk giai đoạn 2019 – 2021	32
Bảng 2. 3: Nguồn lực về tài chính của Ngân hàng BIDV Đông ĐắkLăk giai đoạn 2019 – 2021	33
Bảng 2. 4: Cơ cấu tín dụng của BIDV Đông ĐắkLăk giai đoạn 2019 – 2020.....	34
Bảng 2. 5: Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng BIDV Đông ĐắkLăk giai đoạn 2019 – 2021	35
Bảng 2. 6: Tình hình dư nợ cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp theo dự án đầu tư của BIDV Đông ĐắkLăk giai đoạn 2019 – 2021.....	44
Bảng 2. 7: Tỷ lệ nợ xấu và tổng dư nợ của Ngân hàng BIDV Đông ĐắkLăk giai đoạn 2019 – 2020	45
Bảng 2. 8: Dư nợ tài trợ dự án của BIDV Đông ĐắkLăk giai đoạn 2019 – 2021.....	46
Bảng 2.9: Quyết định cho vay của BIDV Đông ĐắkLăk giai đoạn 2019 - 2021.....	48
Bảng 2. 10: Kết quả công tác thẩm định dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng BIDV Đông ĐắkLăk giai đoạn 2019 – 2021	49
Bảng 2. 11: Dư nợ cho vay của Ngân hàng BIDV Đông ĐắkLăk giai đoạn 2019 – 2021	50
Bảng 2. 12: Thu nhập từ hoạt động tín dụng của Ngân hàng BIDV Đông ĐắkLăk giai đoạn 2019 – 2021	51

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, trong các hoạt động về tín dụng của NHTM thì hoạt động cho vay đóng vai trò quan trọng trong thị trường tài chính và có những ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của đất nước. Trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay đã và đang mang lại nhiều lợi ích và thử thách lớn cho nền kinh tế Việt Nam nói chung, hệ thống tài chính – Ngân hàng Việt Nam nói riêng. Cùng với xu thế hội nhập quốc tế của nước ta hiện nay, hệ thống các NHTM tại Việt Nam cũng phải chấp nhận và đối mặt với nhiều thử thách của sự phát triển ngày càng sâu rộng của các Ngân hàng và các tổ chức tài chính quốc tế có tiềm năng về mọi mặt. Chính vì vậy, đi đôi với phương châm “**Chất lượng – Tăng trưởng bền vững – Hiệu quả và an toàn**” là việc nâng cao chất lượng sản phẩm đặc biệt là các sản phẩm tài trợ dự án đầu tư và doanh nghiệp.

Trong các hoạt động với mục tiêu lợi nhuận thì hoạt động cho vay của NHTM là hoạt động truyền thống và phổ biến nhất. Hoạt động cho vay đem lại lợi nhuận trực tiếp cho NHTM đồng thời cũng là hoạt động có nhiều rủi ro nhất. Có thể thấy trong các hoạt động về tín dụng thì hoạt động cho vay dự án đầu tư là một lĩnh vực có sự cạnh tranh gay gắt giữa các NHTM với nhau. Trong những năm gần đây, hoạt động này được các NHTM cực kỳ quan tâm và đẩy mạnh nhằm đáp ứng nhu cầu về tài trợ vốn vay cho các dự án đầu tư và nâng cao sự phát triển doanh nghiệp chung với xu hướng hội nhập kinh tế toàn cầu. Do đó, các NHTM cần phải tăng cường mối quan hệ với khách hàng nhằm tăng thu nhập cho Ngân hàng. Đây là một hoạt động mang lại lợi nhuận rất cao cho Ngân hàng tuy nhiên cũng không ít rủi ro ảnh hưởng đến sự phát triển của NHTM. Chính vì vậy, để nâng cao chất lượng cho vay theo dự án đầu tư của NHTM và giảm thiểu rủi ro khi cho vay thì các NHTM buộc phải thẩm định kỹ càng và chính xác các khách hàng có nhu cầu vay vốn tại Ngân hàng đặc biệt trong vấn đề thẩm định tài chính dự án đầu tư.

Trong quá trình thực tập tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đắk Lắk, em đã nhận thức được tầm quan trọng của công tác thẩm định trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng BIDV, đặc biệt là công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay còn tồn tại nhiều hạn chế. Đây chính là lý do mà em đã lựa chọn đề tài có nội dung là “**Thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Đông Đắk Lắk**”.

Do thời gian hạn chế và điều kiện nhận thức còn nhiều hạn chế, do vậy nội dung của khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự thông cảm chia sẻ và sự góp ý, nhận xét của quý thầy cô và các anh chị trong Phòng Khách hàng Doanh nghiệp.

Em xin trân trọng cảm ơn Th. S Nguyễn Thị Thùy Dung – giảng viên Trường Đại học Quy Nhơn và các anh chị cán bộ Ngân hàng BIDV Đông ĐăkLăk, đặc biệt là các anh chị trong phòng Khách hàng doanh nghiệp đã tạo điều kiện và giúp đỡ, hướng dẫn tận tình trong thời gian em thực hiện đề tài này.

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Mục tiêu nghiên cứu của khóa luận gồm các mục tiêu sau:

Thứ nhất, làm rõ cơ sở lý luận về thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng thương mại.

Thứ hai, phân tích, đánh giá công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông ĐăkLăk và chỉ rõ những nguyên nhân, hạn chế và những kết quả đã đạt được.

Thứ ba, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Đông ĐăkLăk.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

– Đối tượng nghiên cứu: Thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng thương mại.

– Phạm vi nghiên cứu:

+ Phạm vi về không gian: Đề tài được nghiên cứu tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông ĐăkLăk, số 55 đường Nguyễn Tất Thành, huyện Eakar, tỉnh ĐăkLăk.

+ Phạm vi về thời gian: Số liệu phục vụ tài liệu nghiên cứu được thu nhập trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2021.

4. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng kết hợp trong khóa luận bao gồm:

Phương pháp phân tích: Phân tích các nguyên nhân ảnh hưởng đến công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư của các doanh nghiệp, các chỉ tiêu thẩm định tài chính dự án đầu tư, các chỉ tiêu đánh giá về hoạt động cho vay đối với dự án đầu tư, các chỉ tiêu về tình hình hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu đánh giá chất lượng thẩm định tài chính dự án

đầu tư tại chi nhánh thông qua các số liệu thu thập được từ các báo cáo của phòng Quản lý nội bộ, phòng Quản trị tín dụng và phòng Khách hàng Doanh nghiệp từ đó đưa ra các nhận xét đánh giá.

Phương pháp so sánh: Sử dụng các số liệu đã thu thập được từ các báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh của BIDV Đông Đắk Lắk và từ các báo cáo đề xuất cấp tín dụng của phòng Khách hàng Doanh nghiệp để so sánh mức tăng trưởng và mức chênh lệch về tình hình dư nợ cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp theo dự án đầu tư, tỷ lệ nợ xấu, dư nợ tài trợ dự án và các chỉ tiêu của quyết định cho vay của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk giữa năm sau so với năm trước. Đồng thời so sánh chênh lệch giữa thực hiện với kế hoạch đề ra về tình hình dư nợ cho vay đối với KHDN theo dự án đầu tư của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk và so sánh mức tăng trưởng giữa các năm về nguồn lực tài chính, cơ cấu tín dụng, các chỉ tiêu liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk.

Phương pháp thống kê: Dùng để thu thập, xử lý các số liệu đã thu thập được, từ đó thực hiện phân tích, đánh giá thực trạng về hoạt động cho vay đối với dự án đầu tư và công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại chi nhánh Đông Đắk Lắk.

Phương pháp tổng hợp: Tổng hợp các phân tích, đánh giá, dựa trên những kết quả thu được đó để đưa ra những giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk.

5. Đóng góp của đề tài

Từ những nghiên cứu của đề tài góp phần làm rõ những cơ sở lý luận về việc thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại NHTM. Dựa trên những cơ sở lý luận đó giúp phân tích, đánh giá thực trạng thẩm định tài chính dự án đầu tư tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đắk Lắk. Từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thẩm định dự án đầu tư khi đưa ra quyết định cho vay.

6. Kết cấu của đề tài

Khóa luận ngoài lời mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, các bảng biểu số liệu, sơ đồ hình vẽ, danh mục chữ viết tắt còn có các nội dung chính gồm 03 chương:

Chương I: Cơ sở lý luận về thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng thương mại.

Chương II: Thực trạng về thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đắk Lắk.

Chương III: Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đắk Lắk.

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. Khái niệm cho vay theo dự án đầu tư của Ngân hàng thương mại

1.1.1. Khái niệm, phân loại và vai trò của dự án đầu tư

1.1.1.1. Khái niệm dự án đầu tư

Xét ở các khía cạnh khác nhau thì dự án đầu tư được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Cụ thể:

Nếu xét về mặt hình thức thì dự án đầu tư được thể hiện dưới dạng một loại tài liệu, trong đó, ghi nhận toàn bộ các nội dung có liên quan đến hoạt động đầu tư như thông tin nhà đầu tư, kế hoạch thực hiện dự án, thời gian thực hiện dự án, hiệu suất đầu tư, khả năng thu hồi vốn, ...

Nếu xét ở góc độ nội dung thì dự án đầu tư là một tập hợp các hoạt động có liên quan tới nhau được kế hoạch hóa nhằm đạt được những mục tiêu đã định bằng việc tạo ra các kết quả cụ thể trong một thời gian nhất định thông qua việc sử dụng các nguồn lực xác định.

Xét trên góc độ quản lý, dự án đầu tư là một công cụ quản lý việc sử dụng vốn, vật tư, lao động để tạo ra các kết quả tài chính, kinh tế, xã hội trong một thời gian dài.

Tại khoản 4 điều 3 Luật Đầu tư 2020, quy định cụ thể như sau: “Dự án đầu tư là tập hợp đề xuất bỏ vốn trung hạn hoặc dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư kinh doanh trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định.”

Như vậy, có thể hiểu dự án đầu tư là dự án được thực hiện ở lĩnh vực đầu tư, do các nhà đầu tư lên kế hoạch nhằm thực hiện mục đích đầu tư của mình, trong một khoảng thời gian xác định nhằm đạt được kết quả mà nhà đầu tư đó mong muốn. Là cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành các biện pháp quản lý, cấp phép đầu tư. Nó là căn cứ để nhà đầu tư triển khai hoạt động đầu tư và đánh giá hiệu quả của dự án. Và đặc biệt quan trọng trong việc thuyết phục chủ đầu tư quyết định đầu tư và tổ chức tín dụng cấp vốn cho dự án.

1.1.1.2. Phân loại dự án đầu tư

Tùy vào mục đích mà dự án đầu tư được phân loại theo nhiều cách khác nhau.

Phân loại dự án đầu tư theo nguồn vốn đầu tư gồm dự án đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công (vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu chính phủ, vốn công trái quốc gia, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, ...) và dự án đầu tư bằng nguồn khác (vốn vay thương mại, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, vốn tư nhân, vốn huy động trên các thị trường tài chính).

Phân loại dự án đầu tư theo mức độ quan trọng và quy mô của dự án gồm: dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B và dự án nhóm C.

Phân loại dự án đầu tư theo tính chất đầu tư gồm dự án đầu tư có cấu phần xây dựng và dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng.

Phân loại dự án theo lĩnh vực đầu tư gồm có dự án đầu tư vào lĩnh vực giao thông vận tải, dự án đầu tư vào lĩnh vực nông – lâm – ngư nghiệp, dự án đầu tư lĩnh vực công nghiệp và dự án đầu tư vào lĩnh vực xây dựng.

Phân loại dự án đầu tư theo vùng lãnh thổ bao gồm dự án theo tỉnh, thành phố và dự án theo vùng lãnh thổ.

1.1.1.3. Vai trò của dự án đầu tư

❖ Đối với chủ đầu tư:

– Là căn cứ quan trọng nhất để nhà đầu tư quyết định có nên tiến hành đầu tư dự án hay không, để soạn thảo hợp đồng liên doanh, giải quyết các mối quan hệ tranh chấp giữa các đối tác trong quá trình thực hiện dự án, để theo dõi đánh giá và điều chỉnh kịp thời những tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện và khai thác công trình.

– Là công cụ để tìm đối tác trong và ngoài nước liên doanh bỏ vốn đầu tư cho dự án.

– Là phương tiện để chủ đầu tư thuyết phục các tổ chức tài chính tiền tệ trong và ngoài nước tài trợ hoặc cho vay vốn.

– Là cơ sở để xây dựng kế hoạch thực hiện đầu tư, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra quá trình thực hiện dự án.

❖ Đối với nhà tài trợ cụ thể là các ngân hàng thương mại:

Là căn cứ quan trọng để các cơ quan này xem xét tính khả thi của dự án, đưa ra quyết định có nên tài trợ cho dự án hay không và nếu tài trợ thì sẽ tài trợ đến mức độ nào để đảm bảo rủi ro ít nhất cho nhà tài trợ.

❖ Đối với các cơ quan quản lý Nhà nước:

Là tài liệu quan trọng để các cấp có thẩm quyền xét duyệt, cấp giấy phép đầu tư. Là căn cứ pháp lý để tòa án xem xét, giải quyết khi có sự tranh chấp giữa các bên tham gia đầu tư trong quá trình thực hiện dự án sau này.

1.1.2. Khái quát về cho vay theo dự án đầu tư của Ngân hàng thương mại

❖ *Khái niệm:* Vay đầu tư dự án là hình thức cho vay tài chính được ngân hàng hay các tổ chức tín dụng cung ứng cho các doanh nghiệp khi có nhu cầu vay vốn để thực hiện các đầu tư dự án kinh doanh nào đó. Hoặc là khi doanh nghiệp cần đầu tư dây chuyền sản xuất, mua sắm các trang thiết bị máy móc, phương tiện vận tải và văn phòng làm việc để mở rộng quy mô dự án nhưng thiếu hụt về vốn thì có thể sẽ được ngân hàng cho vay theo dự án đầu tư.

❖ *Đặc điểm của cho vay theo dự án đầu tư là:*

- Đối tượng cho vay là tất cả các doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn đầu tư.
- Đồng tiền cho vay là VNĐ hoặc ngoại tệ tùy quy định của ngân hàng.
- Thời gian cho vay đối với trung hạn là từ 12 tháng đến 60 tháng, đối với dài hạn là trên 60 tháng.
- Mức cho vay phụ thuộc vào tài sản đảm bảo, tối đa có thể lên đến 85% của dự án
- Tài sản đảm bảo là bất động sản và các giấy tờ có liên quan.
- Lãi suất tùy theo từng thời kỳ và giải ngân tùy theo tiến độ thực hiện dự án.
- Hình thức vay là vay từng lần. Hình thức trả lãi là trả vốn và lãi hàng tháng, hàng quý hoặc mỗi 06 tháng 01 lần.

❖ *Điều kiện cho vay theo dự án đầu tư:*

- Chủ doanh nghiệp và doanh nghiệp có năng lực pháp lý dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.
- Mục đích sử dụng vốn phải hợp pháp.
- Doanh nghiệp phải có một mức vốn tự có nhất định theo quy định của tổ chức cho vay.
- Thực hiện đầy đủ các quy định về đảm bảo tiền vay theo quy định Chính phủ.
- Phải có tài sản đảm bảo và các giấy tờ chứng minh liên quan.

1.2. Khái quát thẩm định tài chính dự án đầu tư

1.2.1. Khái niệm

Thẩm định tài chính dự án đầu tư là quá trình kiểm tra, đánh giá một cách khách quan, khoa học các nội dung có liên quan đến tính khả thi về tài chính của dự án đầu tư.

Thẩm định tài chính dự án đầu tư còn được hiểu là quá trình đánh giá dựa trên các phương pháp chuyên môn về tài chính các dự án, các khoản mục đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp hay một tập đoàn nhằm đưa ra ý kiến đánh giá về mặt tài chính có nên hay không nên đầu tư vào dự án này.

1.2.2. Mục đích của thẩm định tài chính dự án đầu tư

Mục đích chính của việc thẩm định tài chính dự án đầu tư chính là kiểm tra, đánh giá tính khả thi về tài chính của dự án thông qua việc:

- Kiểm tra và đánh giá khả năng thực hiện về khía cạnh tài chính của dự án đầu tư.
- Kiểm tra, đánh giá tính chính xác và độ an toàn của các chỉ tiêu hiệu quả tài chính dự án đầu tư.
- Kiểm tra, đánh giá khả năng trả nợ của dự án đầu tư.

Với những mục đích ở trên thì thẩm định tài chính dự án đầu tư có vai trò rất quan trọng trong quá trình ra quyết định đầu tư hoặc tài trợ vốn cho dự án đầu tư.

1.2.3. Yêu cầu của thẩm định tài chính dự án đầu tư

Để phát huy được vai trò và mục đích của thẩm định tài chính dự án đầu tư thì cũng cần phải có các yêu cầu sau:

- Phải kiểm tra đầy đủ các nội dung có liên quan đến khả năng thực hiện, hiệu quả tài chính và khả năng trả nợ của dự án.
- Phải sử dụng phương pháp thẩm định phù hợp trong từng nội dung thẩm định tài chính dự án đầu tư.
- Các chỉ tiêu hiệu quả được thẩm định phải xem xét có tính đến giá trị thời gian của tiền.
- Nguồn số liệu, thông tin sử dụng thẩm định tài chính phải đầy đủ, cập nhật và đảm bảo độ tin cậy cao đáp ứng mục tiêu phân tích, đánh giá.

1.2.4. Nội dung thẩm định tài chính dự án đầu tư

1.2.4.1. Thẩm định tổng vốn đầu tư và tính khả thi phương án nguồn vốn

Việc thẩm định tổng mức đầu tư là rất quan trọng để tránh việc khi thực hiện, mức đầu tư tăng lên hoặc giảm đi quá lớn so với dự kiến ban đầu, dẫn đến việc không cân đối được nguồn, ảnh hưởng đến hiệu quả và khả năng trả nợ của dự án hoặc phải trình cấp có

thẩm quyền phê duyệt lại. Xác định tổng mức đầu tư sát thực với thực tế là cơ sở để tính toán hiệu quả tài chính và dự kiến khả năng tài trợ của dự án.

– *Tổng mức đầu tư dự án*

Trong phần này, Cán bộ quan hệ khách hàng/quản lý rủi ro phải xem xét, đánh giá tổng mức đầu tư của dự án đã được tính toán đầy đủ các chi phí cấu thành hay chưa; đã tính đủ, hợp lý các khoản cần thiết chưa, cần xem xét các yếu tố làm tăng chi phí do trượt giá; lạm phát; tăng giá nguyên vật liệu xây dựng, nhân công; phát sinh thêm khối lượng, dự phòng việc thay đổi tỷ giá ngoại tệ, thay đổi chính sách của Nhà nước có liên quan; kết quả phê duyệt tổng mức đầu tư của các cấp có thẩm quyền là hợp lý chưa. Ngoài ra, cán bộ quan hệ khách hàng/quản lý rủi ro cũng cần tính toán, xác định xem nhu cầu vốn lưu động cần thiết ban đầu để thực hiện quá trình chạy thử, nghiệm thu và đảm bảo hoạt động của dự án sau này nhằm có cơ sở thẩm định giải pháp nguồn vốn và tính toán hiệu quả tài chính sau này.

– *Nhu cầu vốn đầu tư theo tiến độ thực hiện*

Cán bộ quan hệ khách hàng/quản lý rủi ro cần phải xem xét, đánh giá về tiến độ thực hiện dự án và nhu cầu vốn cho từng giai đoạn như thế nào, có hợp lý hay không. Khả năng đáp ứng nhu cầu vốn trong từng giai đoạn thực hiện dự án để đảm bảo tiến độ thi công. Ngoài ra cần phải xem xét tỷ lệ của từng nguồn vốn tham gia trong từng giai đoạn có hợp lý hay không?

Việc xác định tiến độ thực hiện, nhu cầu vốn làm cơ sở cho việc dự kiến tiến độ giải ngân, tính toán lại lãi vay trong thời gian thi công và phục vụ cho việc tính toán hiệu quả tài chính của dự án.

– *Nguồn vốn đầu tư*

Trên cơ sở tổng mức vốn đầu tư được duyệt, Cán bộ quan hệ khách hàng/quản lý rủi ro rà soát lại từng loại nguồn vốn tham gia tài trợ cho dự án, đánh giá khả năng tham gia của từng loại nguồn vốn, từ kết quả phân tích tình hình tài chính của Chủ đầu tư để đánh giá khả năng tham gia của nguồn vốn chủ sở hữu. Chi phí của từng loại nguồn vốn, các điều kiện vay đi kèm của từng loại nguồn vốn. Cân đối giữa nhu cầu vốn đầu tư và khả năng tham gia tài trợ của các nguồn vốn dự kiến để đánh giá tính khả thi của các nguồn vốn thực hiện dự án.

Việc đánh giá, phân tích khả năng tham gia vốn tự có vào dự án phải dựa vào kết quả phân tích năng lực tài chính của Chủ đầu tư hoặc khả năng, tiến độ góp vốn điều lệ/tiến độ phát hành cổ phiếu của các cổ đông, thành viên sáng lập.

Khả năng thu xếp nguồn vốn cho dự án: đánh giá mức độ chắc chắn trong cam kết tham gia tài trợ vốn cho dự án của các nguồn vốn dự kiến, các điều kiện tài trợ (lãi suất vay vốn, giá trị vốn vay, thời gian vay, thời gian ân hạn...) (nếu có).

1.2.4.2. *Đánh giá hiệu quả về mặt tài chính của dự án đầu tư*

Tất cả những phân tích, đánh giá thực hiện ở trên nhằm mục đích hỗ trợ cho phần tính toán, đánh giá hiệu quả về mặt tài chính và khả năng trả nợ của dự án đầu tư. Việc xác định hiệu quả tài chính của dự án có chính xác hay không tùy thuộc rất nhiều vào việc đánh giá và đưa ra các giả định ban đầu. Từ kết quả phân tích ở trên sẽ được lượng hoá thành những giả định để phục vụ cho quá trình tính toán, cụ thể như sau:

- Đánh giá về tính khả thi của nguồn vốn, cơ cấu vốn đầu tư: Phần này sẽ đưa vào để tính toán chi phí đầu tư ban đầu, chi phí vốn (lãi, phí vay vốn cố định), chi phí sửa chữa tài sản cố định (TSCĐ), khấu hao TSCĐ phải trích hàng năm, nợ phải trả.
- Đánh giá về mặt thị trường, khả năng tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ đầu ra của dự án và phương án tiêu thụ sản phẩm sẽ đưa vào để tính toán: Mức huy động công suất so với công suất thiết kế, doanh thu dự kiến hàng năm.
- Đánh giá về khả năng cung cấp vật tư, nguyên liệu đầu vào cùng với đặc tính của dây chuyền công nghệ để xác định giá thành đơn vị sản phẩm, tổng chi phí sản xuất trực tiếp.
- Căn cứ vào tốc độ luân chuyển vốn lưu động hàng năm của dự án, của các doanh nghiệp cùng ngành nghề và mức vốn lưu động tự có của chủ dự án (phần tài chính doanh nghiệp) để xác định nhu cầu vốn lưu động, chi phí vốn lưu động hàng năm.
- Các chế độ thuế hiện hành, các văn bản ưu đãi riêng đối với dự án để xác định phân trách nhiệm của chủ dự án đối với ngân sách.

Trên cơ sở những căn cứ nêu trên, Cán bộ quan hệ khách hàng/quản lý rủi ro phải thiết lập được các bảng tính toán hiệu quả tài chính của dự án làm cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả và khả năng trả nợ vốn vay.

Thông thường, việc tính toán sẽ sử dụng phần mềm Excel để thực hiện. Trong quá trình tính toán, cần liên kết các bảng tính lại với nhau để đảm bảo tính liên tục khi chỉnh

sửa số liệu. Các bảng tính cơ bản yêu cầu bắt buộc phải thiết lập kèm theo Báo cáo thẩm định gồm:

- Báo cáo kết quả kinh doanh (báo cáo lãi, lỗ).
- Dự kiến nguồn, khả năng trả nợ hàng năm và thời gian trả nợ.

Nguồn trả nợ của khách hàng về cơ bản được huy động từ 3 nguồn chính, gồm có:

- *Lợi nhuận sau thuế để lại (thông thường tính bằng 50 - 70% tổng lợi nhuận sau thuế).*
- *Khấu hao cơ bản.*
- *Các nguồn hợp pháp khác ngoài dự án (nếu có).*

Trong quá trình đánh giá hiệu quả về mặt tài chính của dự án đầu tư, có hai nhóm chỉ tiêu chính cần thiết phải đề cập, tính toán cụ thể, gồm có:

❖ *Nhóm chỉ tiêu về tỷ suất sinh lời của dự án:*

- Giá trị hiện tại ròng (NPV)

Giá trị hiện tại ròng của một dự án đầu tư là số chênh lệch giữa giá trị hiện tại các nguồn thu nhập ròng trong tương lai với giá trị hiện tại của vốn đầu tư.

Công thức tính: $NPV = C_0 + PV$

Trong đó: NPV: giá trị hiện tại ròng

C_0 : vốn đầu tư ban đầu vào dự án (C_0 mang dấu âm do đây là khoản đầu tư)

PV: giá trị hiện tại của các luồng tiền dự tính mà dự án mang lại trong thời gian hữu ích của nó

+ Sử dụng chỉ tiêu NPV để đánh giá dự án đầu tư theo nguyên tắc:

Nếu các dự án đầu tư thì tùy thuộc theo quy mô nguồn vốn, các dự án có $NPV \geq 0$ đều được chọn (Sở dĩ dự án $NPV = 0$ vẫn có thể chọn vì khi đó có nghĩa là các luồng tiêu thụ của dự án vừa đủ để hoàn vốn đầu tư và cung cấp một tỷ lệ lãi suất yêu cầu cho khoản vốn đó). Ngược lại $NPV < 0 \Rightarrow$ bác bỏ dự án.

+ Sử dụng phương pháp NPV để đánh giá, lựa chọn dự án đầu tư có ưu nhược điểm sau:

- *Ưu điểm:*

Phương này tính toán dựa trên cơ sở dòng tiền có chiết khấu là hợp lý vì tiền có giá trị theo thời gian.

Lựa chọn dự án theo chỉ tiêu NPV là thích hợp vì nó cho phép chọn dự án nào có làm tối đa hoá sự giàu có của chủ đầu tư.

Phương pháp này ngầm giả định rằng tỷ lệ lãi suất mà tại các luồng có tiền có thể được tái đầu tư là chi phí sử dụng vốn, nó là giả định thích hợp nhất.

- *Nhược điểm:*

Phụ thuộc nhiều vào tỷ lệ chiết khấu r được lựa chọn. Cụ thể: r càng nhỏ \Rightarrow NPV càng lớn và ngược lại. Trong khi đó, việc xác định đúng r là rất khó khăn.

Chỉ phản ánh được quy mô sinh lời

Với các dự án có thời gian khác nhau, dùng NPV để lựa chọn dự án là không có ý nghĩa. Muốn so sánh được, phải giả định rằng dự án có thời gian ngắn hơn sẽ được đầu tư bổ sung với số liệu lặp lại như cũ để sao cho các dự án có thời gian bằng nhau. Thời kỳ phân tích dự án là bội số chung nhỏ nhất của các thời gian dự án. Đây là việc tính toán phức tạp mất thời gian.

- Chi tiêu tỷ lệ hoàn vốn nội bộ (IRR)

Tỷ suất hoàn vốn nội bộ đo lường tỷ lệ hoàn vốn đầu tư của một dự án. Về mặt kỹ thuật tính toán, IRR của một dự án đầu tư là tỷ lệ chiết khấu mà tại đó NPV=0, tức là thu nhập ròng hiện tại đúng bằng giá trị hiện tại của vốn đầu tư. Đối với dự án đầu tư có thời gian là T năm, ta có công thức:

$$NPV = C_0 + \frac{C_1}{(1 + IRR)^T} + \frac{C_2}{(1 + IRR)} + \dots + \frac{C_T}{(1 + IRR)^2} = 0$$

Người ta sử dụng hai cách:

Tính trực tiếp: Đầu tiên chọn 1 lãi suất chiết khấu bất kỳ, tính NPV. Nếu NPV>0, tiếp tục nâng mức lãi suất chiết khấu và ngược lại. Lặp lại cách làm trên cho tới khi NPV= 0 hoặc gần bằng 0, khi đó mức lãi suất này bằng IRR của dự án đầu tư.

Phương pháp nội suy tuyến tính: thường được sử dụng. Đầu tiên chọn 2 mức lãi suất chiết khấu sao cho: Với $r_1 \Rightarrow$ có NPV₁> 0

Với $r_2 \Rightarrow$ có NPV₂< 0

Áp dụng công thức: $IRR = r_1 + \frac{NPV_1(r_1 - r_2)}{NPV_1 - NPV_2}$

+ Sử dụng IRR để đánh giá, lựa chọn dự án sau:

Trước hết lựa chọn một mức lãi suất chiết khấu làm IRR_{DM} . So sánh nếu $IRR \geq IRR_{DM}$ thì dự án khả thi về tài chính, tức là: nếu là các dự án đầu tư là độc lập tùy theo quy mô nguồn vốn, các dự án có $IRR \geq IRR_{DM}$ được chấp nhận.

+ Khi sử dụng phương pháp này có các ưu, nhược điểm sau:

- *Ưu điểm:*

Phương pháp IRR chú trọng xem xét tính thời gian của tiền. Sự thừa nhận giá trị thời gian của tiền làm cho kỹ thuật xác định hiệu quả vốn đầu tư ưu điểm hơn các phương pháp khác.

Phản ánh hiệu quả sinh lời của một đồng vốn (tính tỉ lệ %) nên có thể sử dụng so sánh chi phí sử dụng vốn. IRR cho biết mức lãi suất tiền vay tối đa mà dự án có thể chịu được. Giải quyết được vấn đề lựa chọn các dự án khác nhau.

- *Nhược điểm:*

Không đề cập đến độ lớn, quy mô của dự án, sử dụng IRR để lựa chọn dự án loại trừ có quy mô, thời gian khác nhau nhiều khi sai lầm. Với dự án có những khoản đầu tư thay thế lớn, dòng tiền đổi dấu liên tục dẫn tới hiện tượng IRR đa trị, và như vậy việc áp dụng IRR không còn chính xác.

Phương pháp IRR ngầm định rằng thu nhập ròng của dự án được tái đầu tư tại tỷ lệ lãi suất IRR nghĩa là không giả định đúng tỷ lệ tái đầu tư.

- *Nhóm chỉ tiêu về khả năng trả nợ.*

- Thời gian hoàn trả vốn vay (PP)

Thời gian hoàn vốn của một dự án là độ dài thời gian để thu hồi đủ vốn đầu tư ban đầu.

Có hai cách tính chỉ tiêu này: thời gian hoàn vốn không chiết khấu (không tính đến giá trị thời gian của tiền) và thời gian hoàn vốn có chiết khấu (quy tất cả các khoản thu nhập chi phí hiện tại theo tỷ suất chiết khấu lựa chọn).

+ Sử dụng chỉ tiêu thời gian hoàn vốn để đánh giá, lựa chọn dự án đầu tư theo nguyên tắc: Dự án có thời gian hoàn vốn càng nhỏ càng tốt, chọn dự án có thời gian hoàn vốn nhỏ nhất trong các dự án loại trừ nhau.

+ Sử dụng phương pháp này có ưu, nhược điểm như sau:

- *Ưu điểm của phương pháp này:*

Đơn giản, dễ áp dụng và được sử dụng như một công cụ sàng lọc. Nếu có một dự án nào đó không đáp ứng được kỳ hoàn vốn trong thời gian đã định thì việc tiếp tục nghiên cứu dự án là không cần thiết. Vì luồng tiền mong đợi trong một tương lai xa được xem như rủi ro hơn một luồng tiền trong một tương gần thời gian thu hồi vốn được sử dụng như một thước đo để đánh giá mức độ rủi ro của dự án.

Việc thấy rõ được thời gian thu hồi vốn cho phép đề xuất những giải pháp để rút ngắn thời hạn đó.

- *Nhược điểm:*

Tuy nhiên phương pháp thời gian hoàn vốn có một số hạn chế mà có thể dẫn tới những quyết định đó là: thời gian hoàn vốn không chiết khấu không tính tới những sai biệt về thời điểm xuất hiện luồng tiền, tức là yếu tố giá trị thời gian của tiền tệ không được đề cập. Phần thu nhập sau thời điểm hoàn vốn bị bỏ qua hoàn toàn, như vậy không đánh giá được hiệu quả tài chính của cả đời dự án. Yếu tố rủi ro đối với luồng tiền tương lai của dự án không được xem xét và đánh giá. Xếp hạng các dự án không phù hợp với mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận của chủ sở hữu.

- Chi số đánh giá khả năng trả nợ dài hạn của dự án (DSCR)

Chỉ số khả năng trả nợ DSCR là một tỷ số tài chính nhằm đánh giá khả năng thanh toán nợ nói chung của doanh nghiệp.

$$\text{Công thức tính: } DSCR = \frac{\text{Thu nhập hoạt động ròng} - \text{Chi phí hoạt động}}{\text{Tổng nợ phải trả}}$$

Trong đó: Thu nhập hoạt động ròng (EBIT) = Doanh thu – Chi phí hoạt động

$$\text{Tổng nợ phải trả} = \text{Nợ gốc} + \text{Lãi vay} * (1 - \text{Thuế TNDN})$$

+ DSCR < 1: Phản ánh doanh nghiệp không thể thanh toán các nghĩa vụ nợ hiện tại nếu chỉ dựa vào năng lực tài chính có sẵn. Đòi hỏi doanh nghiệp cần dựa vào các nguồn lực đi vay bên ngoài để đảm bảo khả năng chi trả nợ

+ DSCR > 1: Cho thấy doanh nghiệp có đủ tiềm lực để thanh toán các khoản nợ mà không cần nhiều đến nguồn vốn vay.

- Nguồn trả nợ hàng năm

Ngoài ra, tùy theo đặc điểm và yêu cầu cụ thể của từng dự án, các chỉ tiêu khác như: khả năng tái tạo ngoại tệ, khả năng tạo công ăn việc làm, khả năng đổi mới công nghệ, đào tạo nhân lực, v.v. ... sẽ được đề cập tới tùy theo từng dự án cụ thể.

1.3. Mục đích thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng thương mại

Ngân hàng thu lợi chủ yếu nhờ vào hoạt động cho vay theo dự án đầu tư đây là một nghiệp vụ có khả năng sinh lời cao nhưng cũng chứa đựng nhiều rủi ro. Để giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra, các Ngân hàng phải tiến hành thẩm định các dự án đầu tư mà công việc quan trọng nhất chính là thẩm định tài chính dự án đầu tư. Vai trò quan trọng của thẩm định tài chính dự án thể hiện ở chỗ nó chính là căn cứ chính yếu nhất để NHTM đưa ra quyết định tài trợ của mình. Thẩm định tài chính dự án là nội dung quan trọng nhất và phức tạp nhất trong quá trình thẩm định dự án. Bởi vì nó đòi hỏi sự tổng hợp của tất cả các biến số tài chính, kỹ thuật, thị trường... đã được lượng hóa trong các nội dung thẩm định nhằm phân tích, tạo ra những bảng dự kiến tài chính, những chỉ tiêu tài chính phù hợp có ý nghĩa. Những chỉ tiêu tài chính này là thước đo quan trọng giúp cho Ngân hàng đưa ra quyết định cuối cùng chấp nhận tài trợ cho dự án hay không?

Để đáp ứng được điều kiện và nhu cầu vay vốn của dự án đầu tư thì các chủ đầu tư hay doanh nghiệp sẽ thổi phồng dẫn đến sai lệch các thông tin tài chính trong bản dự án đầu tư theo hướng có lợi nhất cho dự án. Khi NHTM thực hiện công tác thẩm định tài chính giúp cho Ngân hàng nhìn nhận được một cách khách quan và thực tế hơn về tình hình của dự án, phát hiện ra được những lỗi sai cũng như những thông tin không đáp ứng đủ điều kiện tài chính về cho vay theo dự án đầu tư. Mục đích chính của việc thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng thương mại chính là:

- Giúp cho Ngân hàng loại bỏ những dự án xấu, lựa chọn những dự án tốt và từ đó đưa ra được quyết định sử dụng tài chính một cách chính xác. Thông qua quá trình thẩm định, Ngân hàng cũng sẽ nắm được các nguồn chi phí và giá trị thu được từ dự án khi quyết định đầu tư.
- Đánh giá được khả năng thanh toán của khách hàng trong quá trình thực hiện dự án, đảm bảo được an toàn cho ngân hàng.
- Định hướng việc đưa ra quyết định cho vay, xác định được loại vốn vay cũng như định mức cho vay đối với khách hàng.
- Giúp Ngân hàng đưa ra được những quyết định cho vay chính xác hơn và phù hợp hơn, từ đó có thể giảm bớt rủi ro, tăng hiệu quả trong hoạt động cho vay của NHTM.

1.4. Quy định về thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng thương mại

Khi quyết định cho dự án đầu tư vay thì NHTM sẽ thu được nhiều lợi nhuận từ lãi khi cho vay nhưng lại đi kèm với rất nhiều rủi ro có thể xảy ra ảnh hưởng trực tiếp đến sự an toàn, tồn tại và phát triển của NHTM. Hay nói cách khác, xảy ra rủi ro là dự án đầu tư không thể trả những khoản nợ phát sinh, nợ gốc và nợ lãi cho NHTM theo đúng cam kết khi tham gia vay vốn tại NHTM. Đây là rủi ro cơ bản nhất của NHTM và mức độ rủi ro phát sinh do các nguyên nhân như: khả năng đánh giá rủi ro tín dụng khi thẩm định hồ sơ đề nghị vay vốn của dự án đầu tư; khả năng giám sát việc sử dụng nguồn vốn vay và tài sản bảo đảm, khả năng thẩm định, phân tích, đánh giá tình hình tài chính của dự án đầu tư. Trong quy trình thẩm định các điều kiện cho vay đối với khách hàng, ngoài thẩm định các điều kiện về chủ thể, mục đích vay vốn hay tính khả thi, khả năng hoàn vốn thì NHTM còn phải chú trọng đến công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay để đảm bảo an toàn cho nguồn vốn của NHTM khi quyết định cho vay.

Tại khoản 4 Điều 7 Thông tư 39/2016/TT-NHNN thì một trong những điều kiện mà NHTM cần thẩm định về điều kiện cho vay là dự án có phương án sử dụng vốn khả thi. Tại khoản 6 Điều 2 Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định phương án sử dụng vốn là tập hợp các thông tin về việc sử dụng vốn của dự án đầu tư, bao gồm: Tổng nguồn vốn cần sử dụng, chi tiết các loại nguồn vốn trong tổng nguồn vốn cần sử dụng (trong đó có nguồn vốn cần vay tại NHTM); mục đích sử dụng vốn; thời gian sử dụng vốn; nguồn trả nợ của khách hàng; phương án, dự án thực hiện hoạt động kinh doanh. Theo các quy định này thì các cán bộ thẩm định của NHTM buộc phải thẩm định các chỉ tiêu nêu trên để biết được tiềm lực tài chính của dự án đầu tư đó có lớn mạnh hay không và mức cho vay đối với dự án đó là như thế nào cho phù hợp.

Mặc dù công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của NHTM rất quan trọng trong quy trình quyết định cho vay nhưng hiện nay vẫn chưa có văn bản pháp luật riêng biệt nào để điều chỉnh công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của NHTM. Nhưng công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư được quy định rải rác ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Đây là những quy định pháp lý ràng buộc NHTM thực hiện theo. Căn cứ theo các quy định pháp luật đó mà cán bộ NHTM thực hiện đúng quy tắc, chuẩn mực trong công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trước khi cho vay. Khi thẩm định tài chính dự án đầu tư, cán bộ ngân hàng phải kiểm tra đầy đủ các nội dung có liên quan, phải sử dụng phương pháp thẩm định phù hợp trong từng nội dung thẩm định tài chính của dự án. Để thực hiện được yêu cầu của thẩm định tài chính dự án đầu tư, nội dung thẩm định tài chính của dự án đầu tư bao gồm: tổng mức đầu tư của dự án; nhu cầu vốn theo tiến độ triển khai thực hiện dự án; khả năng đảm bảo vốn từ mỗi nguồn; tỷ suất hoàn

vốn nội bộ; các khoản thu và các khoản chi phí hằng năm của dự án; giá trị hiện tại ròng của dự án; khả năng trả nợ và rủi ro về các chỉ tiêu hiệu quả tài chính của dự án đầu tư.

Vì dự án đầu tư là tập hợp những đề xuất về nhu cầu vốn, cách thức sử dụng vốn, kết quả tương ứng thu được trong một khoảng thời gian xác định cụ thể để sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và phục vụ đời sống. Chính vì vậy, khi thẩm định tình hình tài chính và khả năng tài chính của dự án đầu tư thì NHTM đặc biệt chú ý đến thẩm định tình hình tài chính và khả năng tài chính của dự án đầu tư đó.

Tại *khoản 4 Điều 7 Thông tư 39/2016/TT-NHNN* quy định một trong các điều kiện cho vay của khách hàng là được tổ chức tín dụng đánh giá là có tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh. Quy định này đặt ra nhằm khuyến khích một số khách hàng có khả năng thực hiện những nhu cầu vốn thuộc các lĩnh vực ngành nghề được Nhà nước ưu tiên, phát triển và đầu tư nhằm hỗ trợ, cho hưởng ưu đãi vay ngắn hạn đối với các dự án nhỏ và vừa có tiềm năng. Nếu trong mọi trường hợp, dự án đầu tư phải có khả năng tài chính để trả nợ thì điều kiện tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh chỉ đặt ra đối với các dự án vay vốn ngắn hạn đối với một số nhu cầu vay vốn đặc biệt được quy định cụ thể tại *khoản 2 Điều 13 Thông tư này*, các dự án như: dự án phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; dự án thực hiện phương án kinh doanh hàng xuất khẩu theo quy định tại Luật thương mại và các văn bản hướng dẫn Luật thương mại; dự án phục vụ kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; dự án phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ theo quy định của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ; dự án phục vụ kinh doanh của doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Luật công nghệ cao và các văn bản hướng dẫn Luật công nghệ cao.

Theo các quy định tại *Điều 15 về bảo đảm tiền vay, Điều 19 về cơ cấu lại thời gian trả nợ hay Điều 28 về thời hạn cho vay của Thông tư 39/2016/TT-NHNN* thì NHTM có thể căn cứ vào kết quả của công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư, căn cứ vào phương án sử dụng vốn, khả năng tài chính của dự án đầu tư, các giới hạn cấp tín dụng của dự án đầu tư và khả năng nguồn vốn của NHTM để thỏa thuận với chủ dự án về mức cho vay. NHTM dựa trên kết quả thẩm định tài chính dự án đầu tư để quyết định có cần phải áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay đối với dự án đầu tư hay không. Bên cạnh đó, thẩm định tài chính dự án đầu tư có thể đánh giá được khả năng trả nợ của dự án đầu tư, từ đó có thể cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi dự án đầu tư không có khả năng trả hết nợ gốc và tiền lãi theo đúng thời hạn đã thỏa thuận.

Trong nội dung thẩm định tài chính dự án đầu tư, thẩm định tổng mức đầu tư là nội dung quan trọng đầu tiên khi thẩm định tài chính dự án đầu tư. Để thẩm định được đầy đủ các khoản mục cấu thành tổng mức đầu tư của dự án hay thẩm định sự phù hợp của phương pháp xác định mức đầu tư thì các bộ thẩm định phải dựa vào các văn bản hiện hành như *Nghị định số 68/2019/NĐ-CP* về quản lý chi phí thầu để xác định được các khoản mục phải thẩm định tổng mức đầu tư và phương pháp xác định tổng mức đầu tư. Hay theo *Nghị định số 15/2021/NĐ-CP* quy định chi tiết nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. Không chỉ dựa vào các văn bản có liên quan đến chuyên ngành ngân hàng, tín dụng hay quy định nội bộ của NHTM mà cán bộ ngân hàng còn phải tìm hiểu thêm quy định pháp luật khác để có thể thẩm định tài chính dự án đầu tư được chính xác hơn.

Các chính sách pháp luật điều chỉnh về thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của NHTM hiện nay của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa nhiều, chỉ xuất hiện một số ít trong các văn bản quy phạm pháp luật. Trong khi đó, khía cạnh tài chính của mỗi dự án đầu tư là một trong những khía cạnh đóng vai trò quan trọng và có tính quyết định cao trong quyết định cho vay đối với dự án đầu tư của NHTM. Quy định về thẩm định tài chính dự án đầu tư hầu như không được nhắc đến hay nhấn mạnh trong quy định pháp luật mà được NHTM chịu trách nhiệm về quy định trong quy định nội bộ, điều này dễ xảy ra tình trạng xung đột pháp luật giữa quy định nội bộ giữa NHTM và quy định pháp luật có liên quan. Hơn nữa, không có quy định pháp luật cụ thể về tiêu chí, yêu cầu đánh giá yêu cầu các quy định nội bộ đạt yêu cầu để có thể được áp dụng trực tiếp trong quá trình thẩm định. Và trên hết, quy định pháp luật cũng không có quy định chi tiết hướng dẫn cách xử lý, gỡ rối khi có sự xung đột pháp luật gây khó khăn cho cán bộ thẩm định trong việc áp dụng pháp luật để thẩm định tài chính dự án đầu tư.

Như vậy, có thể thấy thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của NHTM được thực hiện trước hết là bằng các biện pháp pháp lý, tiếp đến là các biện pháp do chính các NHTM xác lập và thực hiện theo yêu cầu của hoạt động NHTM trên cơ sở không trái với các quy định của pháp luật. Từ đó cho thấy quy định về thẩm định tài chính dự án đầu tư là tổng thể những biện pháp và cách thức mà các NHTM phải thực hiện để tăng cường bảo đảm an toàn trong hoạt động cho vay đối với dự án đầu tư và bảo đảm an toàn đối với nền kinh tế; là việc thực hiện và đưa ra các giải pháp nhằm bảo đảm an toàn, hạn chế phòng ngừa rủi ro, tổn thất khi cho vay đối với các dự án đầu tư. Công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư được hiểu là việc các NHTM thực hiện theo quy trình trong quy định của pháp luật và yêu cầu của NHTM sao cho đảm bảo cho hoạt động cho vay đối với dự án đầu tư được an toàn và hiệu quả.

1.5. Phương pháp thẩm định tài chính dự án đầu tư của Ngân hàng thương mại

❖ *Phương pháp thẩm định theo trình tự.*

Theo phương pháp này, thẩm định dự án được tiến hành theo một trình tự biện chứng từ tổng quát đến chi tiết, lấy kết luận trước làm tiền đề cho kết luận sau:

Thẩm định tổng quát: là việc xem xét một cách khái quát các nội dung cơ bản thể hiện tính pháp lý, tính phù hợp, tính hợp lý của dự án. Thẩm định tổng quát cho phép hình dung khái quát dự án, hiểu rõ quy mô, tầm quan trọng của dự án trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước, xác định các căn cứ pháp lý của dự án đảm bảo khả năng kiểm soát được của bộ máy quản lý dự án dự kiến.

Thẩm định chi tiết: là việc xem xét một cách khách quan, khoa học, chi tiết từng nội dung cụ thể ảnh hưởng trực tiếp đến tính khả thi, tính hiệu quả, tính hiện thực của dự án trên các khía cạnh pháp lý, thị trường, kỹ thuật công nghệ, môi trường, kinh tế... phù hợp với các mục tiêu cho vay vốn tại NHTM. Thẩm định chi tiết được tiến hành sau khi thẩm định tổng quát kết thúc.

❖ *Phương pháp so sánh các chỉ tiêu.*

Đây là phương pháp phổ biến và đơn giản, được các cán bộ thẩm định sử dụng trong hầu hết các dự án đặc biệt là các dự án của doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nội dung của phương pháp này là so sánh, đối chiếu các nội dung kinh tế - kỹ thuật - xã hội của dự án với các chuẩn mực pháp luật, với các tiêu chuẩn định mức phù hợp với ngành, lĩnh vực và thông lệ trong nước cũng như quốc tế. Qua đó, các cán bộ thẩm định có thể đưa ra nhận xét về dự án và lấy đó làm căn cứ để quyết định có cho vay vốn hay không. Phương pháp này giúp cho các cán bộ thẩm định - đặc biệt là những cán bộ không am hiểu chuyên môn sâu về công nghệ nghiên cứu có trọng tâm và đưa ra các kết luận đúng. Một số chỉ tiêu được sử dụng để so sánh về hiệu quả tài chính như NPV, IRR, thời gian hoàn vốn.

❖ *Phương pháp phỏng vấn trực tiếp*

Phỏng vấn không chỉ đơn giản là để thẩm định dự án mà rộng hơn nó còn thể hiện văn hoá, hình ảnh của đơn vị thẩm định đối với khách hàng, chiến lược kinh doanh, sự thiện chí hợp tác, hướng dẫn khách hàng có điều kiện tốt nhất tiếp cận nguồn vốn vay. Qua tiếp xúc trực tiếp khách hàng, cán bộ thẩm định sẽ phần nào có cảm quan cá nhân để nhận xét tình hình doanh nghiệp, tư cách người vay và một số yếu tố thuộc về cảm quan rất cần thiết

khác. Phương pháp này cũng được sử dụng rộng rãi cho các dự án của doanh nghiệp vừa và nhỏ khi mà các phương pháp yêu cầu kỹ thuật cao chưa thể áp dụng.

❖ *Phương pháp phân tích độ nhạy*

Phân tích độ nhạy của dự án là khảo sát sự thay đổi các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính của dự như lợi nhuận, NPV, IRR, DSCR... khi các yếu tố có liên quan tới các chỉ tiêu đó thay đổi.

Phân tích độ nhạy nhằm khảo sát, đánh giá mức độ nhạy cảm của dự án đối với sự biến động của các yếu tố liên quan. Hay nói cách khác, phân tích độ nhạy nhằm xác định hiệu quả của dự án trong điều kiện biến động của các yếu tố đầu vào có liên quan đến chỉ tiêu hiệu quả tài chính.

Các bước thực hiện:

+ Xác định các yếu tố đầu vào trọng yếu sẽ ảnh hưởng lớn các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính của dự án. Các yếu tố này đều phải được tập hợp trong bảng thông số đầu vào của dự án.

+ Lập bảng khảo sát độ nhạy của dự án theo các biến/yếu tố đầu vào trọng yếu đã xác định. Kết quả khảo sát độ nhạy có thể biểu diễn, minh họa bằng đồ thị trực quan để hỗ trợ trong việc phân tích đánh giá.

+ Phân tích, đánh giá, nhận xét về hiệu quả tài chính của dự án trên cơ sở kết quả khảo sát độ nhạy.

1.6. Điều kiện và quy trình cho vay theo dự án đầu tư của Ngân hàng thương mại

1.6.1. Điều kiện cho vay theo dự án đầu tư của Ngân hàng thương mại

Theo quy định tại *Điều 17 Thông tư 39/2016/TT-NHNN*, tổ chức tín dụng thẩm định khả năng đáp ứng các điều kiện vay vốn của khách hàng để xem xét quyết định cho vay. Trong quá trình thẩm định, tổ chức tín dụng được sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, kết hợp với các thông tin tại Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam, các kênh thông tin khác. Vậy, tổ chức tín dụng sẽ xem xét, quyết định cho vay khi khách hàng có đủ các điều kiện sau đây:

1. Khách hàng là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật. Khách hàng là cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật hoặc từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Nhu cầu vay vốn để sử dụng vào mục đích hợp pháp.
3. Có phương án sử dụng vốn khả thi.
4. Có khả năng tài chính để trả nợ.

1.6.2. Quy trình cho vay theo dự án đầu tư của Ngân hàng thương mại

Bước 1: Cán bộ tín dụng được phân công giao dịch với khách hàng có nhu cầu vay vốn hướng dẫn khách hàng lập hồ sơ vay vốn và tiến hành thẩm định các điều kiện vay vốn theo quy định.

Bước 2: Trưởng phòng tín dụng hoặc tổ chức tín dụng có trách nhiệm:

Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ và báo cáo thẩm định do CBTĐTD lập.

Tiến hành xem xét, tái thẩm định nếu cần thiết hoặc trực tiếp thẩm định trong trường hợp kiêm làm CBTĐTD.

Bước 3: Ghi ý kiến vào báo cáo thẩm định, tái thẩm định nếu có và trình giám đốc duyệt quyết định.

Bước 4: Giám đốc tổ chức tín dụng căn cứ báo cáo thẩm định, tái thẩm định do phòng tín dụng trình, quyết định cho vay hoặc không cho vay.

Bước 5: Nếu đáp ứng điều kiện cho vay, tổ chức tín dụng lập Hợp đồng tín dụng hoặc Hợp đồng bảo đảm tiền vay. Nếu không vay được thì tổ chức tín dụng thông báo cho khách hàng biết.

Bước 6: Hồ sơ vay được giám đốc ký duyệt cho vay chuyển cho kế toán thực hiện nghiệp vụ hạch toán kế toán, thanh toán, chuyển thủ quỹ để giải ngân cho khách hàng.

1.6.3. Quy trình thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng thương mại

Bước 1: Thu thập số liệu thông tin về đơn vị vay vốn và về các khía cạnh liên quan đến dự án đầu tư

Đơn vị sẽ lập hồ sơ vay vốn rồi nộp cùng hồ sơ pháp lý của mình, của dự án và các báo cáo tài chính

Ngân hàng sẽ tra cứu thu thập các thông tin pháp lý, báo cáo của cơ quan ngành, báo chí về doanh nghiệp, thông tin do trung tâm nghiên cứu doanh nghiệp cung cấp.

Bước 2: Xử lý và đánh giá thông tin

Xem xét tính chính xác của thông tin, tính toán các chỉ tiêu, so sánh chỉ tiêu, hỏi ý kiến chuyên gia tư vấn về những lĩnh vực cán bộ NHTM chưa rõ để có kết quả thẩm định tối ưu.

Bước 3: Sau khi thẩm định, cán bộ tín dụng cho ý kiến của mình rồi trình bày giám đốc, phó giám đốc NHTM có cho vay hay không? Nếu có thì các điều khoản như thế nào?

1.7. Chỉ tiêu đánh giá chất lượng công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư tại Ngân hàng thương mại

1.7.1. Khái niệm chất lượng công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư tại Ngân hàng thương mại

Tùy vào mục đích thẩm định và đứng trên nhiều góc độ khác nhau của người thẩm định mà chất lượng thẩm định tài chính dự án đầu tư được hiểu theo các cách khác nhau. Tuy nhiên ở góc độ NHTM thì chất lượng công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư được hiểu như sau:

Chất lượng thẩm định tài chính dự án đầu tư thể hiện ở việc trên cơ sở phân tích, đánh giá một cách khách quan, toàn diện sâu sắc Ngân hàng quyết định tài trợ cho những dự án mà sau này khi đi vào thực hiện mang lại hiệu quả tài chính cũng như trả được nợ Ngân hàng như dự kiến, do đó Ngân hàng đạt được mục tiêu kinh doanh của mình, ở khía cạnh nào đó, chất lượng thẩm định tài chính dự án đầu tư được thể hiện ở chất lượng tín dụng hay bảo đảm cho dự án.

1.7.2. Chỉ tiêu đánh giá chất lượng công tác thẩm định dự án đầu tư tại Ngân hàng thương mại

❖ Chất lượng báo cáo thẩm định

Báo cáo thẩm định DADT là văn bản tổng kết toàn bộ các kết quả cuối cùng của quá trình thẩm định dự án, đây là căn cứ hàng đầu để các NHTM ra quyết định cho vay hay không, do vậy báo cáo thẩm định có vai trò rất quan trọng. Rõ ràng, chất lượng của công tác thẩm định được thể hiện trong báo cáo thẩm định nên nếu như báo cáo thẩm định đạt chất lượng tốt thì hoạt động cho vay của ngân hàng mới đạt được hiệu quả. Một bản báo cáo thẩm định có chất lượng tốt phải được trình bày khoa học, đầy đủ, chính xác, khách quan và sát với thực tế khi DADT đi vào hoạt động. Báo cáo thẩm định có chất lượng sẽ giúp người đọc nắm bắt được đầy đủ thông tin về dự án, chứng minh được dự án có xứng đáng được tài trợ vốn hay không.

❖ Chất lượng các quyết định cho vay

Vì mục tiêu cuối cùng của thẩm định DADT là để ngân hàng ra các quyết định cho vay nên chất lượng các quyết định cho vay cũng là một chỉ tiêu phản ánh chất lượng thẩm định DADT. Chất lượng các quyết định cho vay thể hiện ở việc các dự án được ngân hàng tài trợ vốn trả đủ vốn và lãi vay theo đúng cam kết trong hợp đồng vay vốn. Chất lượng các quyết định cho vay được thể hiện cụ thể qua các chỉ tiêu tỷ lệ nợ nhóm 2 và nợ xấu của các dự án.

Theo *khoản 1 Điều 10 Thông tư 11/2021/TT-NHNN* quy định cụ thể về phân loại nợ và cam kết ngoại bảng theo phương pháp định lượng thì TCTD, các ngân hàng nước ngoài thực hiện phân loại nợ (trừ các khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng) theo 05 nhóm sau:

- Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn) bao gồm:
 - + Khoản nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn;
 - + Khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn;
 - + Khoản nợ được phân loại vào nhóm 1 theo quy định tại khoản 2 Điều này.
 - Nhóm 2 (Nợ cần chú ý) bao gồm:
 - + Khoản nợ quá hạn đến 90 ngày, trừ khoản nợ quy định tại điểm a (ii) Khoản này, khoản 3 Điều này;
 - + Khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn, trừ khoản nợ quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều này;
 - + Khoản nợ được phân loại vào nhóm 2 theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.
 - Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn) gồm:
 - + Khoản nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày, trừ khoản nợ quy định tại khoản 3 Điều này;
 - + Khoản gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn, trừ khoản nợ quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều này;
 - + Khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận, trừ khoản nợ quy định tại khoản 3 Điều này;
 - + Khoản nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi:
 - + Khoản nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra;
 - + Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng vi phạm thỏa thuận với tổ chức tín dụng,

chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi;

- + Khoản nợ được phân loại vào nhóm 3 theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này;
- + Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 3 theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư này.
 - Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ) bao gồm:
 - + Các khoản nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày.
 - + Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.
 - + Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai.
 - Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn) bao gồm:
 - + Các khoản nợ quá hạn trên 360 ngày.
 - + Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.
 - + Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai.
 - + Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn.
 - + Các khoản nợ khoanh, nợ chờ xử lý.

Nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu trong tổng dư nợ

Theo *quyết định số 493/2005-QĐ-NHNN* của Ngân hàng Nhà nước thì nợ xấu là những khoản nợ được phân loại từ nhóm 3 (dưới tiêu chuẩn), nhóm 4 (nghi ngờ) và nhóm 5 (khả năng mất vốn cao). Cụ thể nhóm 3 trở lên, gồm các khoản nợ quá hạn trả lãi và/hoặc gốc trên 90 ngày. Nợ xấu là nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5.

Nợ xấu là một phần của nợ quá hạn song có mức nguy hiểm cao hơn bởi khi nợ xấu xảy ra ngân hàng hoàn toàn có thể nghi ngờ về khả năng trả nợ lẫn khả năng thu hồi vốn của chủ nợ, điều này thường xảy ra khi các con nợ đã tuyên bố phá sản hoặc đã tẩu tán tài sản.

Tỷ lệ nợ xấu được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu} = \frac{\text{Tổng nợ xấu}}{\text{Tổng dư nợ}} * 100\%$$

Tỷ lệ nợ xấu cho biết chất lượng và rủi ro của danh mục cho vay của ngân hàng. Tỷ lệ này cao so với trung bình ngành và có xu hướng tăng lên có thể là dấu hiệu cho thấy ngân hàng đang gặp khó khăn trong việc quản lý chất lượng các khoản cho vay. Ngược lại, tỷ lệ này thấp so với các năm trước cho thấy chất lượng các khoản tín dụng được cải thiện. Hoặc cũng có thể ngân hàng có chính sách xóa các khoản nợ xấu hay thay đổi các phân loại nợ.

Thẩm định DADT là căn cứ quan trọng nhất để NHTM ra quyết định cho vay hay không. Điều này đồng nghĩa với việc các DADT được ngân hàng tài trợ vốn là các dự án được ngân hàng thẩm định là có đủ khả năng trả được vốn và lãi vay đúng kỳ hạn cam kết. Vì vậy, các dự án đã được xét duyệt cho vay hoạt động tốt theo đúng dự kiến chứng tỏ Ngân hàng đã ra quyết định đúng đắn hay chất lượng thẩm định DADT tốt. Ngược lại, nếu dự án đã được cho vay hoạt động không hiệu quả như dự kiến thể hiện sự yếu kém trong chất lượng thẩm định DADT. Hiệu quả hoạt động của các dự án tác động trực tiếp đến kết quả hoạt động cho vay theo dự án của ngân hàng, hay nói cách khác kết quả hoạt động cho vay theo dự án phần nào cũng phản ánh chất lượng các quyết định cho vay. Nếu các quyết định cho vay đúng đắn, dự án hoạt động có hiệu quả sẽ làm tăng dư nợ, giảm tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn của hoạt động cho vay theo dự án. Ngược lại, nếu các quyết định cho vay là sai, dự án hoạt động không hiệu quả sẽ làm tăng tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn nghiêm trọng hơn có thể làm cho ngân hàng bị mất vốn.

❖ *Thời gian thẩm định*

Để hoàn thành những công việc của quá trình thẩm định dự án đầu tư cần phải tốn một thời gian nhất định. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt như hiện nay, chi phí cơ hội của dự án là rất lớn, các doanh nghiệp khi đến với ngân hàng luôn mong muốn được ngân hàng phúc đáp sớm nhất dù cho yêu cầu vay vốn của họ có được chấp nhận hay không. Chính vì lý do đó, yêu cầu đặt ra cho các NHTM là phải tổ chức và thiết lập một hệ thống công nghệ hỗ trợ công tác thẩm định sao cho thời gian tiến hành thẩm định vừa đủ để các chủ đầu tư không bị mất chi phí cơ hội, có như vậy thì mới đảm bảo được lợi ích cho cả chủ đầu tư và ngân hàng.

❖ *Chi phí thẩm định*

Chi phí thẩm định bao gồm tất cả các khoản phí cần thiết mà ngân hàng phải trả cho quá trình tiến hành thẩm định dự án. Mặt khác, trong quá trình hoạt động, cùng một lúc ngân hàng phải trả lời nhiều dự án khác nhau vì vậy chi phí cơ hội của các ngân hàng là rất lớn vì bao gồm chi phí cơ hội của nhiều dự án khác nhau tại cùng một thời điểm. NHTM cũng là một doanh nghiệp và hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận nên trước khi tiến hành thẩm

định, các NHTM cũng cần phải so sánh giữa thu nhập nhận được và chi phí cơ hội phải bỏ ra. Thu nhập của ngân hàng đối với các dự án chính là tiền lãi vay và một số khoản phí cung ứng dịch vụ. Trong trường hợp chi phí thẩm định quá lớn so với thu nhập nhận được thì ngân hàng sẽ từ chối cho vay, dù dự án có hiệu quả hay không.

1.8. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư tại Ngân hàng thương mại

1.8.1. Yếu tố khách quan

Yếu tố khách quan là những yếu tố không nằm trong tầm kiểm soát của Ngân hàng, khi đó Ngân hàng chỉ có thể khắc phục và thích nghi. Các yếu tố khách quan có thể được kể đến như sau:

❖ Từ phía doanh nghiệp:

Cơ sở quan trọng để giúp Ngân hàng thẩm định chính là hồ sơ dự án do chủ đầu tư trình lên. Do đó khi trình độ lập, thẩm định, thực hiện dự án của chủ đầu tư yếu kém sẽ ảnh hưởng xấu đến chất lượng thẩm định của Ngân hàng như phải kéo dài thời gian phân tích, tính toán, thu thập thông tin... đặc biệt là đối với các doanh nghiệp Việt Nam thì khả năng quản lý cũng như tiềm lực tài chính rất hạn chế rủi ro làm cho dự án hoạt động không hiệu quả như dự kiến với Ngân hàng.

Mặt khác, chủ đầu tư có cung cấp trung thực các thông tin cho Ngân hàng về tình hình sản xuất kinh doanh, khả năng tài chính hiện có, thông số trong dự án... hay không.

❖ Môi trường kinh tế:

Tùy vào mức độ phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia mà quy định kinh nghiệm năng lực phổ biến của chủ thể trong nền kinh tế cũng như độ tin cậy của các thông tin. Do đó ảnh hưởng tới chất lượng thẩm định của Ngân hàng. Khi nền kinh tế chưa phát triển cộng thêm cơ chế kinh tế thiếu đồng bộ cùng với sự bất ổn của các điều kiện kinh tế vĩ mô đã làm hạn chế việc cung cấp các thông tin xác thực phản ánh đúng diễn biến, môi quan hệ thị trường, những thông tin về dự báo tình trạng của nền kinh tế. Bên cạnh đó các định hướng, chính sách phát triển kinh tế, xã hội cũng chưa được xây dựng một cách cụ thể, đồng bộ và ổn định cũng là yếu tố rủi ro trong phân tích, chấp nhận hay phê duyệt dự án.

❖ Môi trường pháp lý:

Những khiếm khuyết trong tính hợp lý đồng bộ và hiệu quả của các văn bản pháp lý Nhà nước đều có tác động xấu đến chất lượng thẩm định của Ngân hàng thương mại. Ví dụ như sự mâu thuẫn chông chéo giữa các văn bản với nhau, sự thay đổi liên tục những văn

bản về quy chế quản lý tài chính, tính không hiệu lực của pháp lệnh kế toán thống kê... làm thay đổi tính khả thi của dự án theo thời gian cũng như khó khăn cho Ngân hàng trong việc đánh giá, dự báo rủi ro, làm hạn chế việc thu thập các thông tin chính xác. Đồng thời sự bất ổn về mặt chính trị còn tác động đến việc thẩm định tài chính dự án đầu tư khi được thực hiện ở những khu vực nhạy cảm, có tranh chấp, tạo ra mối quan ngại cho tất cả các bên khi tham gia dự án.

1.8.2. Yếu tố chủ quan

❖ Nhân tố con người:

Con người là động lực cho sự phát triển xã hội cũng là chủ thể và là đối tượng phục vụ mà các hoạt động xã hội hướng đến. Nhân tố con người luôn là một trong những nhân tố quan trọng trong mọi công việc. Các chỉ tiêu, quy trình, phương pháp... trong hoạt động thẩm định dự án đều do chính con người xây dựng. Cụ thể hơn ở bài luận này chỉ đề cập đến nhân tố con người ở góc độ là người trực tiếp tổ chức và thực hiện thẩm định tài chính dự án đầu tư.

Con người đóng vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng thẩm định ở các khía cạnh như kiến thức, kinh nghiệm, năng lực và phẩm chất đạo đức của người thẩm định. Người thẩm định không chỉ cần có kiến thức về nghiệp vụ chuyên môn mà còn phải hiểu biết về khoa học – kinh tế - xã hội. Trình độ của cán bộ thẩm định ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thẩm định dự án đặc biệt là với chất lượng thẩm định tài chính dự án đầu tư. Bên cạnh đó, người thẩm định phải có tính kỷ luật cao, lòng say mê với công việc và đạo đức nghề nghiệp tốt thì mới đủ điều kiện để bảo đảm cho chất lượng thẩm định tốt nhất. Những sai lầm trong thẩm định dự án tài chính đầu tư từ nhân tố con người dù vô tình hay cố ý đều dẫn đến một hậu quả là đánh giá sai lệch hiệu quả, khả năng tài chính cũng như khả năng hòa vốn vay Ngân hàng, do đó Ngân hàng gặp khó khăn trong thu hồi nợ hoặc nghiêm trọng hơn là nguy cơ mất vốn, suy giảm lợi nhuận kinh doanh.

❖ Quy trình thẩm định:

Là căn cứ cho cán bộ thẩm định thực hiện công việc một cách khách quan, khoa học và đầy đủ. Quy trình thẩm định tài chính dự án đầu tư được xây dựng một cách khoa học, tiên tiến và phù hợp với thể mạnh lẫn đặc trưng của Ngân hàng nhằm góp phần nâng cao chất lượng thẩm định tài chính. Nội dung thẩm định cần phải đề cập đến tất cả các vấn đề về tài chính dự án đứng trên góc độ Ngân hàng bao gồm vấn đề vốn đầu tư, hiệu quả tài chính, khả năng tài trợ và rủi ro dự án. Nội dung càng đầy đủ, càng chi tiết bao nhiêu thì càng đem lại độ chính xác bấy nhiêu cho CBTD.

Các nội dung thẩm định tài chính dự án đầu tư được sắp xếp theo một trình tự hợp lý, logic thể hiện được mối liên hệ, hỗ trợ lẫn nhau giữa việc phân tích các khía cạnh tài chính của dự án, báo cáo thẩm định sẽ chặt chẽ và có sức thuyết phục hơn.

❖ *Thông tin:*

Thông tin chính là nguyên liệu cho quá trình tác nghiệp của cán bộ thẩm định. Do đó số lượng cũng như chất lượng và tính kịp thời của thông tin có tác động rất lớn đến chất lượng thẩm định. Hồ sơ dự án của chủ đầu tư gửi đến là nguồn thông tin cơ bản nhất cho việc thẩm định của Ngân hàng. Vai trò của thông tin rõ ràng là quan trọng, song để có thể thu thập, xử lý và lưu trữ thông tin một cách có hiệu quả, phải kể đến nhân tố thiết bị, kỹ thuật. Công nghệ thông tin được ứng dụng vào ngành Ngân hàng đã làm tăng khả năng thu thập, xử lý, lưu trữ thông tin đầy đủ, nhanh chóng. Như vậy các thông tin đầu vào đầu ra của việc thẩm định dự án sẽ được cung cấp đầy đủ kịp thời.

❖ *Tổ chức điều hành:*

Là việc bố trí sắp xếp quy định trách nhiệm, quyền hạn của các cá nhân, bộ phận khi tham gia thẩm định, trình tự tiến hành cũng như mối quan hệ giữa các cá nhân, bộ phận trong việc thực hiện thẩm định. Cần phải kiểm tra, giám sát chặt chẽ và phân công nhiệm vụ cụ thể, khoa học. Với mục đích phát huy tối đa năng lực sáng tạo của cá nhân và sức mạnh tập thể làm nâng cao chất lượng thẩm định.

❖ *Phương pháp thẩm định:*

Với nguồn thông tin đã thu thập được, do mỗi dự án có một đặc trưng riêng nhất định nên cán bộ thẩm định phải lựa chọn, đưa ra được các phương pháp thẩm định thống nhất và phù hợp. Giúp cho Ngân hàng hoạt động một cách hiệu quả và thành công.

Phương pháp thẩm định tài chính dự án đầu tư gồm các chỉ tiêu đánh giá, cách thức xử lý thông tin có trong hồ sơ dự án và các thông tin liên quan khác nhằm đem lại những thông tin cần thiết về tính khả thi tài chính của dự án cũng như khả năng trả nợ Ngân hàng. Phương pháp hiện đại, khoa học giúp các CBTĐ phân tích tính toán hiệu quả tài chính dự án một cách nhanh chóng và chính xác hơn, đồng thời dự báo được rủi ro, làm cơ sở cho lãnh đạo ra quyết định tài trợ đúng đắn.

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG VỀ THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM BIDV – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐĂKLĂK

2.1. Tổng quan về Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV – Chi nhánh Đông ĐăkLăk

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam BIDV – Chi nhánh Đông ĐăkLăk

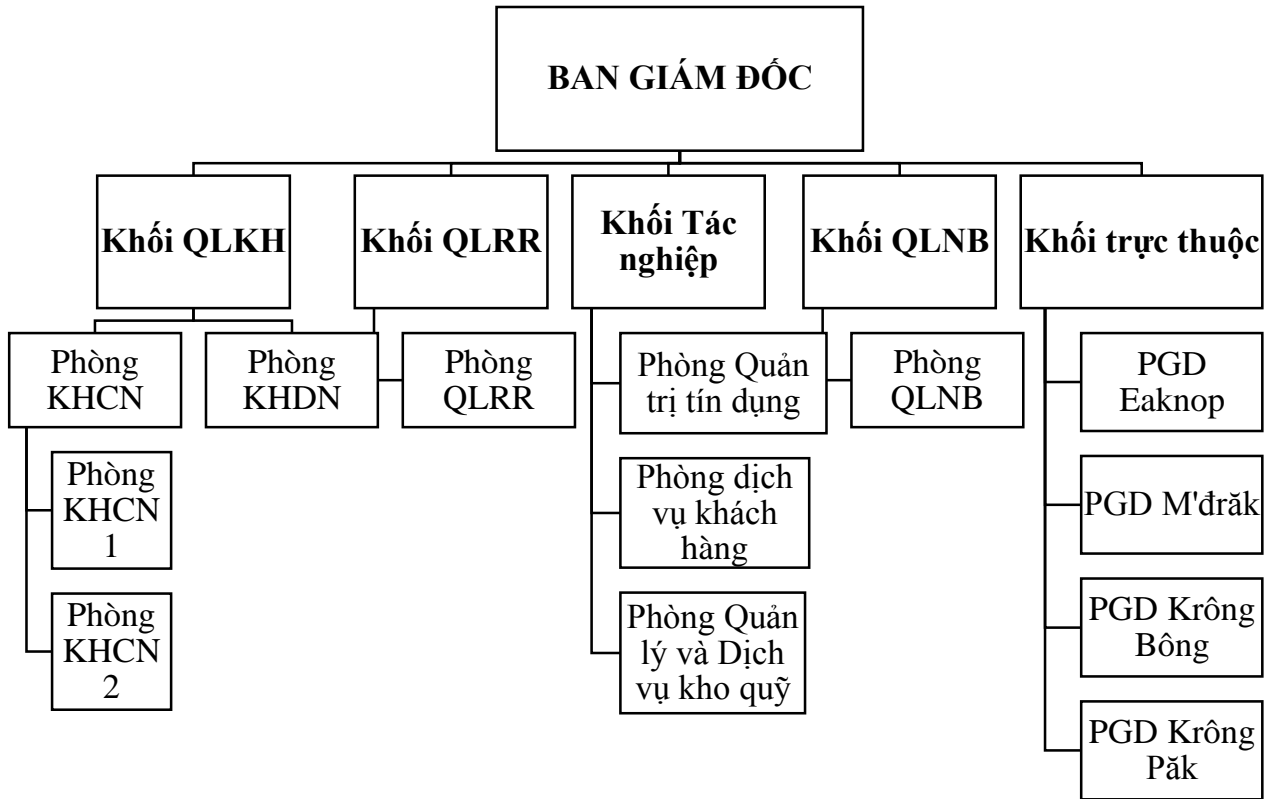
Thành lập năm 1986, sau chặng đường 36 năm không ngừng phấn đấu và phát triển, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông ĐăkLăk đã trở thành một thương hiệu lớn mạnh trong ngành tài chính ngân hàng trong địa bàn cũng như trong khu vực. Quá trình hình thành và phát triển của BIDV Đông ĐăkLăk được chia thành hai giai đoạn chính:

Giai đoạn trước ngày 01/10/2006: Trước ngày 01/10/2006 với cơ cấu là chi nhánh cấp II của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đông ĐăkLăk trực thuộc chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển ĐăkLăk.

Giai đoạn sau ngày 01/10/2006: Từ một chi nhánh trực thuộc Ngân hàng TMCP ĐT&PT Tỉnh ĐăkLăk được nâng cấp thành chi nhánh cấp I. Chỉ sau 6 tháng hoạt động BIDV Đông ĐăkLăk đã phát triển 01 địa điểm giao dịch tại thị trấn Eaknop, tiếp tục khẳng định sự phát triển bền vững và sự cam kết phục vụ lâu dài cho cộng đồng sở tại. BIDV Đông ĐăkLăk chính thức khai trương và đưa vào hoạt động phòng giao dịch thị trấn Phước An, tiếp sau đó là phòng giao dịch Eaknop, phòng giao dịch M’Đrăk và gần đây nhất là phòng giao dịch Krông Bông. Hiện nay có tổng 06 máy ATM hoạt động trên 04 huyện là Eakar, Krông Păk, M’Đrăk và Krông Bông với mục đích tạo thuận lợi cho khách hàng khi thanh toán chi trả lương qua tài khoản.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của các phòng ban thuộc Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam BIDV – Chi nhánh Đông ĐăkLăk

2.1.2.1. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Đông ĐăkLăk



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức BIDV Đông Đắk Lắk

(Nguồn: Phòng Quản lý nội bộ BIDV Đông Đắk Lắk)

2.1.2.2. Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban thuộc Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Đông Đắk Lắk

❖ *Ban giám đốc:*

– Giám đốc: Chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, là người chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị mình.

– Phó giám đốc: Điều hành công việc và tham mưu cho giám đốc.

❖ *Phòng Khách hàng Doanh nghiệp:*

Tham mưu, đề xuất chính sách, kế hoạch phát triển quan hệ khách hàng và thị trường khách hàng doanh nghiệp. Trực tiếp tiếp thị và bán sản phẩm. Đề xuất cấp tín dụng, theo dõi quản lý tình hình hoạt động của khách hàng. Kiểm tra giám sát quá trình sử dụng vốn vay, tài sản đảm bảo nợ vay. Đôn đốc khách hàng trả nợ gốc, lãi (kể cả các khoản nợ đã chuyển ngoại bảng). Phát hiện kịp thời các khoản vay có dấu hiệu rủi ro và đề xuất xử lý.

❖ *Phòng Khách hàng Cá nhân:*

Phòng KHCN cũng có những nhiệm vụ tương tự như Phòng KHDN tuy nhiên đối tượng khách hàng ở đây là các hộ gia đình và các cá thể liên quan đến hoạt động tài chính bán lẻ của Chi nhánh.

❖ *Phòng Quản lý rủi ro:*

Tham mưu đề xuất chính sách, biện pháp phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng. Đề xuất các phương án xử lý và trực tiếp xử lý các khoản nợ xấu, xem xét trình lãnh đạo về việc giảm lãi suất, miễn lãi, quản lý, lưu trữ hồ sơ các khoản nợ xấu đã được xử lý. Thu thập, quản lý thông tin về tín dụng, thực hiện công tác quản lý rủi ro tín dụng, rủi ro tác nghiệp, công tác kiểm tra nội bộ...

❖ *Phòng Quản trị tín dụng:*

Trực tiếp thực hiện tác nghiệp và quản trị cho vay, bảo lãnh, kiểm tra rà soát đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ tín dụng. Quản lý kế hoạch giải ngân, theo dõi thu nợ và thông báo các khoản nợ đến hạn chuyển giao cho phòng quan hệ khách hàng xử lý. Giám sát khách hàng thực hiện đúng các khoản hợp đồng tín dụng, bảo lãnh và đảm bảo nợ vay, theo dõi diễn biến các khoản tín dụng.

❖ *Phòng dịch vụ khách hàng:*

Trực tiếp bán sản phẩm dịch vụ tại quầy, giao dịch với khách hàng, quản lý tài khoản, mở tài khoản tiền gửi, xử lý giao dịch tài khoản theo yêu cầu của khách hàng, nhận tiền gửi, rút tiền, thanh toán, chuyển tiền trong nước và quốc tế, thu đổi mua bán ngoại tệ. Giải ngân vốn, trực tiếp thực hiện các giao dịch về thẻ; chi trả kiều hối đối với khách hàng; tiếp nhận các ý kiến phản hồi của khách hàng về sản phẩm, dịch vụ, thủ tục, phong cách giao dịch... để phản ánh với lãnh đạo.

❖ *Tổ quản lý và dịch vụ kho quỹ:*

Trực tiếp thực hiện nhiệm vụ về quản lý kho và xuất/nhập quỹ. Quản lý kho tiền và quỹ nghiệp vụ (tiền mặt, hồ sơ tài sản thế chấp, cầm cố, chứng từ có giá, vàng, bạc, đá quý...) của ngân hàng và khách hàng. Đề xuất, tham mưu với giám đốc chi nhánh về các biện pháp, điều kiện đảm bảo an toàn kho, quỹ và an ninh tiền tệ...

2.1.3. Các nguồn lực chủ yếu Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam BIDV – Chi nhánh Đông Đắk Lắk

2.1.3.1. Cơ sở vật chất

Nhìn chung nguồn lực về cơ sở vật chất của BIDV Đông Đắk Lắk ngày càng gia tăng về số lượng qua các năm và liên tục đổi mới, đặc biệt là các thiết bị tin học. Với mục đích là gia tăng năng suất, chất lượng hoạt động của Ngân hàng cũng như khả năng cạnh tranh của Ngân hàng với các NHTM khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Nguồn lực về cơ sở vật chất của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk trong giai đoạn 2019 – 2021 được thể hiện như sau:

Bảng 2. 1: Nguồn lực về cơ sở vật chất của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk giai đoạn 2019 – 2021

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Phòng giao dịch	Phòng	4	4	4
Máy ATM	Chiếc	6	6	6
Máy in	Chiếc	25	28	30
Máy vi tính văn phòng	Bộ	90	95	100
Máy chủ	Bộ	1	1	1
Xe oto giao dịch	Chiếc	6	6	7

(Nguồn: Phòng Quản lý nội bộ Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk)

2.1.3.2. Nhân lực

Công tác phát triển nguồn nhân lực và tăng cường các công tác đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, chính trị và ngoại ngữ cho các cán bộ của Ngân hàng được ban lãnh đạo Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk rất quan tâm. Nguồn nhân lực của Ngân hàng thay đổi qua các năm từ 2019 đến 2021 được thể hiện qua bảng dưới đây:

Bảng 2. 2: Nguồn lực về nhân lực của BIDV Đông Đắk Lắk giai đoạn 2019 – 2021

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Đại học	Người	70	71	72
	%	84,34	86,59	88,89
Cao đẳng	Người	13	11	9
	%	15,66	13,41	11,11
Tổng số	Người	83	82	81
	%	100	100	100

(Nguồn: Phòng Quản lý nội bộ Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk)

2.1.3.3. Tài chính

Nhìn chung, nguồn lực về tài chính của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk giai đoạn 2019 – 2021 tăng dần qua các năm với tổng tài sản tăng từ 3.439 tỷ đồng lên 4.103 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế tăng từ 91 tỷ đồng lên 118 tỷ đồng và số dư quỹ DPRR tăng từ 18,5 tỷ đồng lên đến 32,3 tỷ đồng. Cụ thể được thể hiện qua bảng số liệu dưới đây:

Bảng 2. 3: Nguồn lực về tài chính của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk giai đoạn 2019 – 2021

Chỉ tiêu	Số tiền (Tỷ đồng)			Tăng trưởng (%)	
	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	2020/2019	2021/2020
Tổng tài sản	3.439	3.571	4.103	3,84	14,9
Lợi nhuận trước thuế	91	93	118	2,2	26,88
Số dư quỹ DPRR	18,5	14,3	32,3	-22,7	125,87

(Nguồn: Phòng Quản lý nội bộ Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk)

Qua bảng trên thấy được tổng tài sản của giai đoạn 2019 – 2021 tăng, cụ thể tổng tài sản năm 2019 là 3.439 tỷ đồng; năm 2020 có tổng tài sản là 3.571 tỷ đồng, tăng 3,84% so với cùng kỳ năm 2019; năm 2021 có tổng tài sản là 4.103 tỷ đồng, tăng 14,9% so với năm 2020.

Giai đoạn 2019 – 2021 lợi nhuận trước thuế tăng dần, cụ thể lợi nhuận trước thuế năm 2019 là 91 tỷ đồng; năm 2020 có lợi nhuận trước thuế là 93 tỷ đồng, tăng 2,2% so với năm 2019; năm 2021 có lợi nhuận trước thuế là 118 tỷ đồng, tăng 26,88% so với năm 2020.

Số dư quỹ DPRR của giai đoạn 2019 – 2021 tăng tuy nhiên có biến động, cụ thể năm 2019 có số dư quỹ DPRR là 18,5 tỷ đồng; số dư quỹ DPRR năm 2020 là 14,3 tỷ đồng, giảm 22,7% so với cùng kỳ năm 2019 là do diễn biến của dịch Covid – 19 dẫn đến lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng tăng ít nên buộc phải tăng trích lập quỹ dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu của các khách hàng; năm 2021 có số dư quỹ DPRR là 32,3 tỷ đồng, tăng 125,87% so với cùng kỳ năm 2020.

2.1.4. Tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam BIDV – Chi nhánh Đông Đắk Lắk

Bảng 2. 4: Cơ cấu tín dụng của BIDV Đông Đắk Lắk giai đoạn 2019 – 2020

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tăng trưởng (%)	
					2020/2019	2021/2020
Tổng dư nợ cho vay		3.380,1	3.523,5	4.060,2	4,2	15,2
<i>- Cơ cấu theo kỳ hạn</i>						
+ Ngắn hạn	Số tiền	2.734,5	2.883,7	3.339	5,5	15,8
	Tỷ trọng (%)	80,9	81,8	82,2		
+ Trung, dài hạn	Số tiền	645,6	639,8	721,2	-0,9	12,7
	Tỷ trọng (%)	19,1	18,2	17,8		
<i>- Cơ cấu theo loại tiền</i>						
+ VNĐ	Số tiền	3.349	3.497,3	4.045,1	4,4	15,7
	Tỷ trọng (%)	99,1	99,3	99,6		
+ Ngoại tệ (quy đổi)	Số tiền	31,1	26,2	15,1	-15,8	-42,4
	Tỷ trọng (%)	0,9	0,7	0,4		

(Nguồn: Phòng Quản lý nội bộ Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk)

Về cơ cấu tín dụng của BIDV Đông Đắk Lắk nhìn chung tổng dư nợ cho vay tăng dần qua các năm. Năm 2019, cơ cấu tín dụng là 3.380,1 tỷ đồng. Năm 2020, cơ cấu tín dụng là 3.523,5 tỷ đồng, tăng 4,2 so với cùng kỳ năm 2019. Cơ cấu tín dụng năm 2021 là 4.060,2 tỷ đồng, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Nếu xét cơ cấu tín dụng theo kỳ hạn gồm 2 nhóm là ngắn hạn và trung, dài hạn. Năm 2019, tín dụng theo ngắn hạn là 2.734,5 tỷ đồng (chiếm 80,9% tổng tín dụng); tín dụng theo trung, dài hạn là 645,6 tỷ đồng (chiếm 19,1% tổng cơ cấu tín dụng). Năm 2020, tín dụng ngắn hạn là 2.883,7 tỷ đồng (chiếm 81,8% tổng tín dụng), tăng 5,5% so với năm 2019; tín

dụng trung, dài hạn là 639,8 tỷ đồng (chiếm 18,2% tổng tín dụng), giảm 0,9% so với năm 2019. Năm 2021, tín dụng ngắn hạn là 3.339 tỷ đồng (chiếm 82,2% tổng tín dụng), tăng 15,8% so với năm 2020; tín dụng trung, dài hạn là 721,2 tỷ đồng (chiếm 17,8% tổng tín dụng), tăng 12,7% so với năm 2020.

Nếu xét cơ cấu tín dụng theo loại tiền gồm 2 nhóm là VNĐ và ngoại tệ (quy đổi). Năm 2019, tín dụng VNĐ là 3.349 tỷ đồng (chiếm 99,1% tổng tín dụng); tín dụng ngoại tệ (quy đổi) là 31,1 tỷ đồng (chiếm 0,9% tổng tín dụng). Năm 2020, tín dụng của VNĐ là 3.497,3 tỷ đồng (chiếm 99,3% tổng tín dụng), tăng 4,4% so với năm 2019; tín dụng của ngoại tệ (quy đổi) là 26,2 tỷ đồng (chiếm 0,7% tổng tín dụng), giảm 15,8% so với năm 2019. Năm 2021, tín dụng của VNĐ là 4.045,1 tỷ đồng (chiếm 99,6% tổng tín dụng), tăng 15,7% so với năm 2020; tín dụng ngoại tệ (quy đổi) là 15,1 tỷ đồng (chiếm 0,4% tổng tín dụng), giảm 42,4% so với cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân tín dụng ngoại tệ (quy đổi) của năm 2020 và năm 2021 giảm mạnh là do từ đầu năm 2020 đại dịch Covid – 19 xuất hiện dẫn đến hạn chế các hoạt động xuất, nhập khẩu do đó nhu cầu về quy đổi tiền cũng giảm sút theo.

Bảng 2. 5: Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk giai đoạn 2019 – 2021

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	2020/2019		2021/2020	
				Chênh lệch	Tăng trưởng (%)	Chênh lệch	Tăng trưởng (%)
Lợi nhuận trước thuế	91	93	118	2	2,20	25	26,88
LNTT bình quân đầu người	1,09	1,13	1,45	0,04	3,67	0,32	28,32
Huy động vốn bình quân	976	1.038	1.243	62	6,35	205	19,75
Dư nợ bình quân	2.984,63	3.153,53	3.737,26	168,90	5,66	583,73	18,51
Thu dịch vụ rông	9,50	11,10	15,40	1,60	16,84	4,30	38,74

(Nguồn: Phòng Quản lý nội bộ BIDV Đông Đắk Lắk)

Nhìn chung, LNTT của BIDV Đông Đắk Lắk tăng dần trong qua năm trong giai đoạn 2019 – 2021 cụ thể: Năm 2019, LNTT đạt 91 tỷ đồng, LNTT bình quân đầu người đạt 1,09 tỷ đồng; Năm 2020, LNTT đạt 93 tỷ đồng (tăng 2 tỷ đồng và tăng 2, 20% so với cùng kỳ năm 2019) đồng thời LNTT bình quân đầu người cũng tăng thêm 0,04 tỷ đồng (đạt 1,13 tỷ đồng); Năm 2021, LNTT đạt 118 tỷ đồng (tăng 25 tỷ đồng và tăng 26,88% so với năm 2020) và LNTT bình quân đầu người đạt 1,45 tỷ đồng (tăng 0,32 tỷ đồng so với năm 2020).

Huy động vốn bình quân trong giai đoạn 2019 – 2021 cũng tăng dần qua các năm cụ thể, năm 2019 huy động vốn bình quân là 976 tỷ đồng; năm 2020 đạt 1.038 tỷ đồng (tăng 62 tỷ đồng so với năm 2019); huy động vốn bình quân của năm 2021 đạt 1.243 tỷ đồng (tăng 205 tỷ đồng so với năm 2020).

Giai đoạn 2019 – 2021 dư nợ bình quân cũng tăng dần. Năm 2019, dư nợ bình quân đạt 2.984,63 tỷ đồng. Năm 2020, dư nợ bình quân đạt 3.153,53 tỷ đồng (tăng 168,90 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019). Dư nợ bình quân của năm 2021 đạt 3.737,26 tỷ đồng (tăng 583,73 tỷ đồng so với năm 2020).

Thu dịch vụ ròng giai đoạn 2019 – 2021 cũng tăng qua các năm. Năm 2019 thu dịch vụ ròng đạt 9,50 tỷ đồng. Năm 2020 thu dịch vụ ròng đạt 11,1 tỷ đồng (tăng 1,6 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019). Thu dịch vụ ròng năm 2021 đạt 15,4 tỷ đồng (tăng 4,3 tỷ đồng so với năm 2020).

2.2. Văn bản nội bộ quy định hoạt động tín dụng nói chung và hoạt động cho vay, công tác thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay nói riêng tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam BIDV – Chi nhánh Đông Đắk Lắk

Triển khai từ cách đây gần 20 năm, hiện nay đã có nhiều văn bản được ban hành liên tục để điều chỉnh đối với hoạt động cấp tín dụng bao gồm các văn bản điều chỉnh theo quy trình chung và các văn bản hướng dẫn riêng theo từng loại cấp tín dụng. Các văn bản quan trọng nhất trong điều chỉnh hoạt động cấp tín dụng nói chung và hoạt động cho vay, công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay nói riêng của Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Đông Đắk Lắk có thể kể đến:

- Quyết định số 1138/QĐ-HĐQTT ngày 11/11/2011 của Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam ban hành chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp;

- Quyết định số 2271/QĐ-PTSP ngày 25/04/2012 về Tài trợ doanh nghiệp dệt may;
- Quyết định số 2425/QĐ-PTSP ngày 27/04/2012 về Tài trợ doanh nghiệp chế xuất;
- Quyết định số 379/QĐ-QLTD ngày 24/01/2013 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp tín dụng đối với khách hàng là doanh nghiệp;
 - Công văn số 8320/CV-PTSPBB ngày 31/12/2013 về hướng dẫn triển khai sản phẩm tài trợ xuất khẩu trọn gói;
 - Quy định số 2462/QyĐ-BIDV ngày 24/05/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam quy định về quy trình cấp tín dụng đối với khách hàng tổ chức;

Ngoài ra, còn có nhiều văn bản công văn hướng dẫn cấp tín dụng đối với một số hoạt động đặc thù nhằm nâng cao chất lượng tín dụng cũng như tạo cơ chế đối với khách hàng. Một mặt giúp đáp ứng được nhu cầu trong cho vay, một mặt nhằm thỏa mãn được nhu cầu của khách hàng.

Công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay rất quan trọng và đang dần hoàn thiện hơn trong thời gian qua, điều này được thể hiện ở việc đã có rất nhiều văn bản liên quan đến cấp tín dụng và hướng dẫn công tác thẩm định cấp tín dụng được ban hành hướng dẫn, thay thế và bổ sung. Văn bản mới nhất được ban hành điều chỉnh hoạt động thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của BIDV Đông Đắk Lắk là *Quy định số 2462/QĐ-BIDV ngày 24/05/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam về quy trình cấp tín dụng đối với khách hàng tổ chức* hoặc văn bản *Quyết định số 379/QĐ-QLTD ngày 24/01/2013 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp mới được ban hành*. Đây là những văn bản có nội dung chung nhất, và cũng là hướng dẫn mới nhất cho các cán bộ thẩm định của BIDV Đông Đắk Lắk tiếp tục nâng cao và hoàn thiện công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng. Bên cạnh đó BIDV Đông Đắk Lắk còn ban hành rất nhiều văn bản hướng dẫn cụ thể đối với công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư.

2.3. Quy trình thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đắk Lắk

Ngân hàng BIDV chi nhánh Đông Đắk Lắk đã ban hành quy định nội bộ riêng trong hoạt động cho vay. Trong đó có quy định về nội dung thẩm định tài chính dự án đầu tư tại *Quyết định số 379/QĐ-QLTD ngày 24/01/2013 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp và Quy định số 2462/QyĐ-BIDV ngày 24/05/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam quy định về quy trình cấp tín dụng đối với khách hàng tổ chức.*

Theo quy định nội bộ của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk tại mẫu báo cáo đề xuất tín dụng dùng trong trường hợp cho vay đầu tư dự án, phân tích tình hình tài chính khách hàng bao gồm:

- Phân tích tài chính doanh nghiệp vay vốn cần phải căn cứ vào Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và một số thông tin khác như số lượng lao động, bảng thanh toán lương cho nhân công.

- Cán bộ thẩm định lập báo cáo đề xuất tín dụng cần phải đưa ra các nhận xét về chỉ tiêu trong báo cáo tài chính và tìm ra mối liên hệ giữa các tỷ số tính toán để có thể đưa ra được những kết luận về tình hình tài chính của khách hàng.

- Các nhóm chỉ tiêu tài chính cần phân tích gồm nhóm chỉ tiêu thanh khoản; nhóm chỉ tiêu hoạt động; nhóm chỉ tiêu cân nợ; nhóm chỉ tiêu dòng tiền từ hoạt động kinh doanh; nhóm chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng lao động; nhóm chỉ tiêu thu nhập và nhóm chỉ tiêu tăng trưởng.

Quy trình thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của BIDV Đông Đắk Lắk được quy định cụ thể tại *Hướng dẫn tính toán hiệu quả tài chính, khả năng trả nợ và các chỉ tiêu tài chính của dự án đầu tư* của Phụ lục VIII/TDDN về hướng dẫn thẩm định dự án đầu tư như sau:

Bước 1: Lập bảng thông số: Là bảng tổng hợp các thông số cơ bản của dự án, số liệu đưa vào bảng thông số bao gồm: số liệu từ dự án, số liệu có được từ kết quả phân tích định lượng các nội dung có liên quan tới dự án. Bảng thông số nên được kết cấu theo các nhóm chỉ tiêu, để thuận tiện trong việc sử dụng và kiểm soát các chỉ tiêu này trong quá trình tính toán.

Bước 2: Xây dựng Lịch đầu tư: Căn cứ tiến độ triển khai thực hiện dự án, kế hoạch huy động vốn tham gia để xây dựng Lịch đầu tư cụ thể của dự án phù hợp với tiến độ đầu tư đến thời điểm thẩm định dự án. Lưu ý đến yếu tố trượt giá, tỷ giá ngoại tệ hàng năm, nếu

cần thiết thì xây dựng bảng tính các chỉ số lạm phát, tỷ giá qua các năm để điều chỉnh các khoản mục ở các bước trung gian tiếp theo.

Bước 3: Lập các bảng tính trung gian, bao gồm: Bảng kế hoạch khấu hao cơ bản; Bảng kế hoạch trả nợ vốn vay; Chi phí biến đổi cho 1 đơn vị sản phẩm; Bảng tính sản lượng, tồn kho, tiêu thụ, doanh thu; Bảng chi phí sản xuất (chi phí cố định và chi phí biến đổi); Bảng nhu cầu vốn lưu động.

Bước 4: Xác định kết quả kinh doanh

Bước 5: Xây dựng báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo các quan điểm khác nhau.

Bước 6: Phân tích độ nhạy và phân tích tình huống

Lưu ý: Trong quá trình tính toán, tùy theo đặc điểm, yêu cầu của từng dự án cụ thể mà cán bộ thẩm định có thể linh hoạt lựa chọn các bảng tính để tính toán.

2.4. Phương pháp thẩm định tài chính dự án đầu tư tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đắk Lắk

Các phương pháp thẩm định mà BIDV Đông Đắk Lắk sử dụng khi tiến hành thẩm định tài chính dự án đầu tư gồm phương pháp thẩm định theo trình tự, phương pháp so sánh đối chiếu các chỉ tiêu, phương pháp phân tích độ nhạy, phương pháp phỏng vấn trực tiếp, phương pháp triệt tiêu rủi ro.

❖ Phương pháp thẩm định theo trình tự:

Phương pháp này được áp dụng đối với tất cả các dự án tại BIDV Đông Đắk Lắk. Các cán bộ thẩm định thường tiến hành theo trình tự từ tổng quát đến chi tiết. Thẩm định tổng quát được tiến hành khi các cán bộ thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ dự án. Sau khi thẩm định tổng quát, nếu hồ sơ của khách hàng đã đầy đủ thì các CBTĐ mới tiến hành thẩm định chi tiết, kỹ từng nội dung cụ thể của dự án. Nếu thẩm định tổng quát phát hiện hồ sơ của khách hàng còn thiếu thì cán bộ thẩm định có thể yêu cầu khách hàng bổ sung thêm. Nếu trong quá trình thẩm định chi tiết mà cán bộ thẩm định phát hiện hồ sơ của khách hàng có một nội dung nào đó không đảm bảo tính khả thi, gây ảnh hưởng đến hiệu quả và khả năng trả nợ của dự án đối với ngân hàng thì CBTĐ sẽ dừng việc thẩm định lại.

Ví dụ: “Dự án trang trại trại lợn nái ứng dụng công nghệ cao”

Ngay sau khi nhận được hồ sơ vay vốn của dự án từ phía chủ đầu tư, các CBTĐ tại phòng KHDN đã thực hiện công tác thẩm định như sau:

Thẩm định tổng quát: Các CBTĐ đã kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ vay vốn đồng thời thu thập các thông tin như giấy đề nghị vay vốn theo quy định của BIDV, túi hồ sơ dự án vay vốn, giấy photo CMND và giấy chứng nhận tạm trú của ông Nguyễn Văn C, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các giấy tờ về tài sản bảo đảm, các báo cáo tài chính của công ty trong 3 năm gần nhất.

Thẩm định chi tiết: Sau khi nhận được bản kế hoạch trả nợ bổ sung của công ty, các CBTĐ đã bắt tay vào việc thẩm định chi tiết ngay và thẩm định đầy đủ tất cả các nội dung theo đúng quy định và trình tự của ngân hàng BIDV từ thẩm định khách hàng đến thẩm định các nội dung của dự án đến thẩm định tài sản đảm bảo sau đó đưa ra các rủi ro và biện pháp phòng tránh. Tại mỗi nội dung thẩm định, các CBTĐ đều đánh giá chi tiết tính khả thi của từng nội dung thẩm định.

❖ *Phương pháp so sánh đối chiếu các chỉ tiêu*

Đây là phương pháp được CBTĐ tại Chi nhánh sử dụng trong tất cả các nội dung thẩm định của dự án, đặc biệt là trong thẩm định tài chính dự án đầu tư. Cơ sở để các CBTĐ tại chi nhánh sử dụng để so sánh đối chiếu là các văn bản pháp lý hiện hành của Nhà nước, các tiêu chuẩn, định mức phù hợp với mỗi ngành, nghề, lĩnh vực hay các dự án đã có thuộc cùng lĩnh vực.

Khi thẩm định khía cạnh pháp lý của dự án: Các CBTĐ so sánh đối chiếu với các văn bản quy phạm pháp luật, các nghị định, thông tư, các chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương và các cơ quan quản lý có liên quan. Khi thẩm định khía cạnh thị trường: Các CBTĐ so sánh giá cả, chất lượng, mẫu mã của dự án với các dự án tương tự trong tỉnh hoặc ngoài tỉnh.

Ví dụ: “Dự án trồng chuỗi công nghệ cao”

Khi thẩm định về khía cạnh pháp lý: Ngành nghề ghi trong đăng ký kinh doanh với ngành nghề kinh doanh hiện tại phù hợp với phương án vay vốn, phù hợp với giấy phép kinh doanh, phù hợp với chiến lược, định hướng của Ngân hàng BIDV và của địa phương

Khi thẩm định khía cạnh thị trường của dự án: chất lượng sản phẩm dịch vụ sẽ đáp ứng được yêu cầu của thị trường do sản phẩm được trồng bởi công nghệ cao, giá cả được thông báo công khai.

❖ *Phương pháp phân tích độ nhạy:*

Phương pháp này được CBTĐ tại chi nhánh sử dụng khi thẩm định nội dung tài chính của dự án. Hầu hết các CBTĐ thường dự kiến các yếu tố rủi ro với DA đó là: Giá bán, lãi

vay hay tổng mức đầu tư. Sau đó cho mức sai lệch so với dự kiến ở trong khoảng từ 5% đến 10%. Trên cơ sở đó CBTĐ tính toán lại các chỉ tiêu hiệu quả tài chính của dự án như NPV, IRR hay thời gian thu hồi vốn T. Trên cơ sở các kết quả mới đánh giá, CBTĐ đưa ra các kết luận về tính chắc chắn của các chỉ tiêu hiệu quả tài chính.

Ví dụ: “Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến tinh bột sắn”

– Khi chưa thực hiện khảo sát độ nhạy thì ta thấy dự án có hiệu quả về mặt tài chính cụ thể như sau:

- NPV = 37.399.404.000đ
- IRR = 16,7%
- DSCR = 1,99 lần

– Để xem xét hiệu quả dự án thay đổi thế nào khi các yếu tố sản xuất thay đổi.

Qua khảo sát độ nhạy ta thấy:

+ Nếu nhà máy chỉ hoạt động 50% công suất thì các chỉ tiêu tài chính sẽ là:

- NPV = 18.699.702.000đ
- IRR = 8,3%
- DSCR = 1 lần

+ Nếu giá bán sản phẩm giảm đến 20% còn 7.200 ngàn đồng/tấn thành phẩm thì các chỉ tiêu tài chính sẽ là:

- NPV = 29.919.523.000đ
- IRR = 13,3%
- DSCR = 1,59 lần

Có thể thấy sau khi thực hiện khảo sát độ nhạy thì dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến tinh bột sắn vẫn có hiệu quả về mặt tài chính.

Kết luận: Mỗi dự án ở mỗi lĩnh vực khác nhau sẽ có mức độ biến động khác nhau nên các CBTĐ không thể áp dụng tỷ lệ thay đổi tại mức 5% đến 10% cho tất cả các dự án. Việc phân tích độ nhạy mới chỉ dừng lại ở đánh giá ảnh hưởng của từng yếu tố đến chỉ tiêu hiệu quả chứ chưa xem xét đến ảnh hưởng của nhiều yếu tố và chưa tính đến xác suất xảy ra đối với các tình huống đó.

❖ *Phương pháp phỏng vấn trực tiếp:*

Khi tiến hành thẩm định tính đầy đủ và tính pháp lý của hồ sơ dự án thì các CBTĐ mới sử dụng đến phương pháp phỏng vấn trực tiếp. Phương pháp này được áp dụng khi các CBTĐ nhận thấy hồ sơ dự án của doanh nghiệp có vấn đề về tính minh bạch hay thiếu sót

các giấy tờ chứng thực. Các CBTĐ sẽ liên hệ trực tiếp với người đại diện doanh nghiệp qua điện thoại để trao đổi và yêu cầu cung cấp thêm các thông tin còn thiếu hoặc cung cấp lại các thông tin bị sai.

❖ *Phương pháp triệt tiêu rủi ro*

Bất kỳ là một dự án đều tiềm ẩn rất nhiều rủi ro khi thực hiện vì vậy các CBTĐ đã áp dụng phương pháp triệt tiêu rủi ro khi tiến hành thẩm định rủi ro của dự án. Để đảm bảo tính vững chắc về hiệu quả cũng như khả năng trả nợ của dự án, các CBTĐ phân tích và dự đoán những rủi ro có thể xảy ra đối với dự án từ khi xây dựng đến khi đi vào hoạt động. Ngoài việc tìm ra các rủi ro tiềm ẩn các CBTĐ còn phải đưa ra các biện pháp phòng ngừa. Từ phương pháp này để các CBTĐ ra quyết định cho vay, định mức lãi suất cũng như giải ngân đối với mỗi dự án.

Ví dụ: “Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến tinh bột sắn”

– Rủi ro thường gặp

+ Rủi ro cơ chế, chính sách: Hiện nay, do ảnh hưởng của các Nhà máy sản xuất tinh bột sắn đối với môi trường nên Chính Phủ đang hạn chế việc mở mới các Nhà máy sản xuất tinh bột sắn, và có những quy định nghiêm ngặt đối với hoạt động sản xuất tinh bột sắn.

+ Rủi ro thị trường, thu nhập, thanh toán:

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm của dự án chủ yếu là thị trường nước ngoài, hiện tại việc sản xuất tinh bột sắn được nhiều doanh nghiệp đầu tư làm cho tình hình cạnh tranh giữa các nhà máy với nhau cả về thị trường tiêu thụ lẫn thị trường cung cấp nguyên liệu đầu vào càng trở nên gay gắt.

- Thị trường xuất khẩu chủ yếu của công ty là thị trường Trung Quốc (dự kiến chiếm 80% sản lượng của công ty). Tuy là thị trường rộng lớn nhưng tiềm ẩn nhiều bất ổn và giá cả không ổn định.

- Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt từ các doanh nghiệp trong nước và các nhà cung cấp tinh bột từ các nước khác, đặc biệt là Thái Lan và Ấn Độ.

+ Rủi ro về cung cấp các yếu tố đầu vào:

- Hiện nay, Nhà máy chưa có chính sách hỗ trợ đối với người nông dân để tạo ra mối liên kết bền vững nhà máy với người nông dân trồng sắn. Trong khi đó, người dân thì thường thấy lợi trước mắt để đầu tư, nếu sắn được giá thì đua nhau trồng sắn, đường được giá thì bỏ sắn trồng mía. Điều này sẽ tiềm ẩn nguy cơ bất ổn cho nguồn nguyên liệu của công ty.

- Sắn là loại cây trồng gây nên sự bạc màu của đất, ảnh hưởng đến chất lượng sắn

trong những vụ trồng tiếp theo. Đây cũng là một rủi ro đối với nguồn nguyên liệu của công ty.

+ Rủi ro môi trường và xã hội: Các nhà máy sản ảnh hưởng rất lớn đến môi trường, nếu không đảm bảo một hệ thống xử lý chất thải tốt thì Nhà máy sẽ phải đối mặt với sự phải đối của xã hội cũng như các chế tài của cơ quan chức năng.

+ Rủi ro kinh tế vĩ mô, tỷ giá: Phần lớn sản phẩm của công ty là xuất khẩu nên công ty phải chịu rủi ro về tỷ giá. Ngoài ra, các chính sách vĩ mô của Nhà nước như chính sách thắt chặt tín dụng cũng sẽ tác động không nhỏ đến doanh nghiệp. Các chính sách bảo hộ thương mại của các nước cũng sẽ gây khó khăn cho hoạt động xuất khẩu của công ty.

– Biện pháp từ khách hàng:

+ Đơn vị cần chú trọng chất lượng sản phẩm để có thể có những giấy chứng nhận chất lượng nhằm tạo thương hiệu và uy tín với các bạn hàng trong nước và nước ngoài.

+ Để có thị trường ổn định cho sản phẩm của dự án công ty luôn chú trọng đến chính sách đầu tư và chiếm lĩnh thị trường bằng chất lượng sản phẩm, giá cả, phương thức mua bán và tạo thương hiệu cho sản phẩm của mình.

+ Công ty đã đầu tư vào hệ thống xử lý chất thải rộng 5 ha trong thời gian tới công ty sẽ có kế hoạch đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất phân hữu cơ từ nguồn bã sắn. Công ty luôn thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường.

+ Xây dựng chính sách hỗ trợ đối với người nông dân trồng sắn về vốn, giống, kỹ thuật và có kế hoạch bao tiêu vùng nguyên liệu để tạo ra mối liên kết bền vững giữa Nhà máy và người dân, tạo ra sự ổn định cho nguồn nguyên liệu đầu vào.

– Biện pháp từ Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk

+ Cung cấp cho công ty các sản phẩm kỳ hạn để doanh nghiệp hạn chế rủi ro về tỷ giá.

+ Kiểm soát các Hợp đồng đầu ra, kiểm soát L/C hàng xuất, thường xuyên kiểm soát diễn biến của Thị trường để có biện pháp mở rộng hoặc hạn chế cho vay.

+ Thường xuyên kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất của Nhà máy, kiểm tra sử dụng vốn vay.

+ Mua bảo hiểm Nhà xưởng, máy móc thiết bị và lô hàng xuất khẩu.

2.5. Đánh giá hoạt động cho vay đối với dự án đầu tư tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam BIDV – Chi nhánh Đông Đắk Lắk

2.5.1. Phân tích các chỉ tiêu đánh giá về hoạt động cho vay đối với dự án đầu tư của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk

Trong suốt những năm qua, Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk luôn chú trọng và không ngừng nâng cao hoạt động cho vay. Không chỉ nâng cao hoạt động cho vay đối với khách

hàng cá nhân mà BIDV Đông Đắk Lắk còn tăng cường tìm kiếm và chọn lọc nhiều khách hàng doanh nghiệp, chủ đầu tư có tiềm năng trên địa bàn huyện Eakar và các huyện lân cận trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Hoạt động tín dụng không chỉ giúp cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư dễ dàng hơn mà còn đem lại nhiều lợi ích cho sự phát triển của hệ thống BIDV nói chung và Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk nói riêng có một nguồn thu đáng kể từ hoạt động cho vay. Số dư nợ mà mỗi cán bộ Ngân hàng phải xử lý ngày càng tăng đồng thời số hồ sơ vay vốn đối với mỗi dự án đầu tư cũng ngày một tăng thêm.

Sau đây là một số chỉ tiêu hoạt động cho vay của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk giai đoạn 2019 – 2021.

Bảng 2. 6: Tình hình dư nợ cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp theo dự án đầu tư của BIDV Đông Đắk Lắk giai đoạn 2019 – 2021

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Chênh lệch thực hiện	
	Thực hiện	TH/KH (%)	Thực hiện	TH/KH (%)	Thực hiện	TH/KH (%)	2020/2019	2021/2020
Dư nợ tín dụng	3.380	-15,95	3.523	-20,32	4.060	-4,24	143	537
KHDN lớn	983	-9,69	995	-2,53	1.015	17,59	12	20
KHDN SEMS	671	15,71	710	19,13	727	-32,85	39	17

(Nguồn: Phòng Quản trị tín dụng BIDV Đông Đắk Lắk)

Qua bảng số liệu thu thập được ở trên, ta thấy các chỉ tiêu về dư nợ tín dụng, KH DN lớn và KH DN SEMS đều tăng qua các năm. Cụ thể:

Về dư nợ tín dụng, năm 2019 đạt 3.380 tỷ đồng, thấp hơn 15,95% so với kế hoạch đề ra. Năm 2020, dư nợ tín dụng đạt 3.523 tỷ đồng, thấp hơn 20,32% so với kế hoạch đề ra và tăng 143 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019. Năm 2021, dư nợ tín dụng đạt 4.060 tỷ đồng, thấp hơn kế hoạch đề ra là 4,24% và tăng 537 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020.

Về KH DN lớn, năm 2019 đạt 983 tỷ đồng và thấp hơn kế hoạch đề ra là 9,69%. Năm 2020, KH DN lớn đạt 995 tỷ đồng, thấp hơn 2,53% so với kế hoạch đề ra và tăng 12 tỷ

đồng so với năm 2019. KH DN lớn của năm 2021 đạt 1.015 tỷ đồng, tăng 17,59% so với kế hoạch đã đề ra và tăng 20 tỷ đồng so với năm 2020.

Về KH DN SEMS, năm 2019 là 671 tỷ đồng và cao hơn kế hoạch đề ra là 15,71%. Năm 2020, KH DN SEMS đạt 710 tỷ đồng, cao hơn kế hoạch đề ra là 19,13% và tăng 39 tỷ đồng so với năm 2019. KH DN SEMS của năm 2021 đạt 727 tỷ đồng, giảm 32,85% so với kế hoạch đề ra và tăng 17 tỷ đồng so với năm 2020.

Bảng 2. 7: Tỷ lệ nợ xấu và tổng dư nợ của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk giai đoạn 2019 – 2021

Chỉ tiêu		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Dư nợ tín dụng (tỷ đồng)		3.380	3.523	4.060
Nợ xấu	Số tiền (tỷ đồng)	29,87	36,50	21,56
	Tỷ lệ (%)	0,89	1,04	0,54

(Nguồn: Phòng Quản trị tín dụng BIDV Đông Đắk Lắk)

Qua bảng 2.7 ta thấy rằng tỷ lệ nợ xấu chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng dư nợ tín dụng cụ thể: năm 2019, số tiền nợ xấu là 29,87 tỷ đồng, chiếm 0,89% tổng dư nợ tín dụng. Số tiền nợ xấu của năm 2020 là 36,50 tỷ đồng, chiếm 1,04% tổng dư nợ tín dụng và tăng 6,63 tỷ đồng so với năm 2019. Nợ xấu năm 2020 tăng lên cao là do tình hình dịch bệnh Covid – 19 khiến cho nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong quá trình hoạt động dẫn đến tình trạng nợ xấu xảy ra nhiều. Năm 2021, số tiền nợ xấu là 21,56 tỷ đồng, chiếm 0,54% dư nợ tín dụng và giảm 14,94 tỷ đồng so với năm 2020. Đến năm 2021, nợ xấu giảm từ 36,50 tỷ đồng còn 21,56 tỷ đồng là do lúc này nền kinh tế của nước ta đã đi vào hoạt động trở lại, các doanh nghiệp cũng đã bắt đầu đi vào hoạt động bình thường nên tình trạng nợ xấu không còn diễn ra, chỉ có một số doanh nghiệp vẫn chưa kịp thời khắc phục hậu quả do dịch bệnh nên còn nợ xấu.

Nợ xấu là cách gọi chung cho những người có khoản vay tín dụng trả chậm hoặc không trả cả gốc lẫn lãi đúng theo thời gian quy định trên hợp đồng. Tùy vào mức độ nghiêm trọng mà ngân hàng sẽ xếp vào các nhóm nợ xấu là nợ nhóm III, nợ nhóm IV, nợ nhóm V.

Bảng 2. 8: Dư nợ tài trợ dự án của BIDV Đông Đắk Lắk giai đoạn 2019 – 2021

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Dư nợ tài trợ dự án	Số tiền	906	920	933
	Tỷ lệ (%)	27	26	23
Dư nợ tín dụng		3.380	3.523	4.060

(Nguồn: Phòng Khách hàng doanh nghiệp BIDV Đông Đắk Lắk)

Theo các bảng thống kê trên cho thấy, dư nợ tài trợ dự án của BIDV Đông Đắk Lắk liên tục tăng qua các năm. Cụ thể, dư nợ tài trợ dự án năm 2019 đạt 906 tỷ đồng, chiếm 27% tổng dư nợ tín dụng. Năm 2020, dư nợ tài trợ dự án đạt 920 tỷ đồng, chiếm 26% tổng dư nợ tín dụng và tăng 14 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019. Dư nợ tài trợ dự án của năm 2021 đạt 933 tỷ đồng, chiếm 23% tổng dư nợ tín dụng và tăng 13 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020. Điều này cho thấy, với các chính sách thu hút sự tham gia của các chủ dự án và các doanh nghiệp cùng với mức lãi suất cho vay hợp lý của Ngân hàng đã giúp lĩnh vực cho vay dự án đầu tư của Ngân hàng ngày càng được mở rộng và phát triển.

2.5.2. Kết quả đạt được

Qua những phân tích các số liệu dư nợ cho vay đối với dự án đầu tư của BIDV Đông Đắk Lắk, có thể thấy hoạt động cho vay đối với dự án đầu tư của BIDV Đông Đắk Lắk từ năm 2019 đến năm 2021 đã đạt được một số kết quả nhất định. Nhìn chung, giai đoạn 2019 – 2021 hoạt động cho vay đối với dự án đầu tư của BIDV đã có sự tăng trưởng qua các năm, góp phần ngày càng nhiều vào doanh thu của ngân hàng. Khi có những biến đổi bất lợi từ nền kinh tế, BIDV Đông Đắk Lắk vẫn chủ động điều chỉnh hoạt động này để đảm bảo công tác quản trị rủi ro. Cùng với đó, chất lượng của các dự án luôn được quan tâm. Điều này cho thấy sự linh hoạt và định hướng phát triển bền vững trong chính sách kinh doanh của BIDV Đông Đắk Lắk.

Với bề dày kinh nghiệm trong hoạt động tín dụng, đặc biệt là trong hoạt động cho vay, BIDV Đông Đắk Lắk đã có sự vận dụng các văn bản pháp luật có liên quan và quy định nội bộ của Ngân hàng trong hoạt động cho vay đối với dự án đầu tư và công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay đảm bảo tính chặt chẽ, chuẩn xác, an toàn, góp phần hạn chế rủi ro tại BIDV Đông Đắk Lắk cũng như toàn hệ thống Ngân hàng BIDV. Hoạt động cho vay đối với dự án đầu tư là hoạt động cấp tín dụng cần được phát triển mạnh mẽ trên địa bàn. Đây là hoạt động mang lại lợi nhuận cao cho Ngân hàng chi nhánh nói

riêng và toàn bộ hệ thống Ngân hàng BIDV nói chung, góp phần vào phát triển kinh tế, phát triển đất nước.

Lượng khách hàng là dự án đầu tư ổn định và có tăng trưởng nhẹ qua các năm. Đây chính là nỗ lực phát triển Chi nhánh của ban lãnh đạo cũng như cán bộ có nghiệp vụ chuyên môn trong những năm qua nhằm xây dựng chi nhánh BIDV Đông Đắk Lắk ngày càng phát triển.

Chất lượng cho vay đối với dự án đầu tư ngày càng được nâng cao, tỷ lệ nợ xấu ngày càng giảm, quản lý được nợ từ khách hàng, đây có thể nói là thành công của ngân hàng trong kiểm soát hoạt động cho vay. Do quy trình chặt chẽ từ các khâu thẩm định, phân tích tình hình tài chính kỹ càng, cẩn thận đến xét duyệt cho vay nên đã hạn chế được khá nhiều rủi ro.

2.5.3. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động cho vay đối với dự án đầu tư của BIDV Đông Đắk Lắk vẫn còn những hạn chế cần được khắc phục. Cụ thể:

- Đối với các dự án đầu tư có vốn hoặc tài sản bảo đảm là bất động sản thì việc thẩm định giá đối với tài sản bất động sản vẫn còn gặp khó khăn. Vẫn còn tồn tại sự khác biệt về quan điểm giữa ngân hàng và khách hàng trong việc định giá bất động sản. Mặt khác, ngoài các yếu tố như vị trí, quy mô của dự án thì các quy định pháp luật hay bảng giá đất cũng có những ràng buộc nhất định tới công tác định giá.

- Chủ dự án hoặc doanh nghiệp không thực hiện cân đối các nhu cầu đầu tư trên cơ sở dự báo dòng tiền dài hạn gây khó khăn cho cán bộ thẩm định trong đánh giá chính xác dự báo dòng tiền dài hạn và khả năng huy động vốn của dự án.

- Khách hàng dự báo doanh thu quá lạc quan khi lập dự án đưa lên cho NHTM thẩm định. Tuy nhiên khi triển khai trên thực tế do tác động từ nhiều yếu tố khác nhau làm cho kết quả thấp hơn so với dự kiến ban đầu.

- Khách hàng ấn định chi phí sử dụng vốn thấp hơn so với số vốn bỏ ra trên thực tế. Điều này gây khó khăn trong việc xác định chính xác cơ sở sử dụng vốn của khách hàng.

- Quy trình trong hoạt động cho vay chặt chẽ là rất tốt nhưng việc chặt chẽ quá sẽ khiến cho việc cấp tín dụng trở nên khó khăn. Tính linh động trong giải quyết bị thu hẹp lại.

- Mặc dù với quy mô khá nhỏ trong lĩnh vực nhưng việc cho vay đối với các doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, hoạt động cho vay đối với dự án đầu tư vẫn bị tiềm ẩn nhiều rủi ro bởi những rủi ro xuất phát từ hoạt động của các dự án.

2.6. Đánh giá chất lượng thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam – Chi nhánh Đông ĐắkLắk

2.6.1. Đánh giá chất lượng công tác thẩm định dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông ĐắkLắk

2.6.1.1. Về quyết định cho vay

Để đánh giá chất lượng thẩm định dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của BIDV Đông ĐắkLắk trước hết cần phải đánh giá các chỉ tiêu về quyết định cho vay tại Ngân hàng trong giai đoạn 2019 – 2021.

Sau đây là bảng quyết định cho vay của BIDV Đông ĐắkLắk giai đoạn 2019 – 2021.

Bảng 2.9: Quyết định cho vay của BIDV Đông ĐắkLắk giai đoạn 2019 - 2021

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Chênh lệch (tỷ đồng)	
					2020/2019	2021/2020
1	Tổng dư nợ cho vay	3.380,51	3.522,42	4.060,19	141,91	537,77
Nợ nhóm <i>I</i>	Số tiền (tỷ đồng)	3.323,51	3.471,50	4.016,46	146,99	544,96
	Tỷ trọng (%)	98,32	98,53	98,92		
Nợ nhóm <i>II</i>	Số tiền (tỷ đồng)	26,77	15,42	22,17	-11,35	6,75
	Tỷ trọng (%)	0,79	0,44	0,55		
Nợ nhóm <i>III</i>	Số tiền (tỷ đồng)	10,35	6,93	5,92	-3,42	-1,01
	Tỷ trọng (%)	0,31	0,20	0,15		
Nợ nhóm <i>IV</i>	Số tiền (tỷ đồng)	8,84	16,48	10,12	7,64	-6,36
	Tỷ trọng (%)	0,26	0,47	0,25		
Nợ nhóm <i>V</i>	Số tiền (tỷ đồng)	10,68	13,09	5,52	2,41	-7,57
	Tỷ trọng (%)	0,32	0,37	0,14		
2	Nợ quá hạn (tỷ đồng)	629,75	572,02	904,83	-57,73	332,81

3	Dư nợ ngoại bảng (tỷ đồng)	55,17	53,29	65,94	-1,88	12,65
4	Số dư quỹ DPRR (tỷ đồng)	32,12	36,51	45,05	4,39	8,54

(Nguồn: Phòng Quản lý nội bộ BIDV Đông Đắk Lắk)

Qua bảng số liệu trên nhìn chung trong giai đoạn 2019 – 2021, tỷ trọng nợ xấu của nợ nhóm III, nhóm IV, nhóm V đều nằm trong mức an toàn theo quy định của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk là không vượt quá 0,5% tổng dư nợ cho vay. Bên cạnh đó số dư quỹ DPRR có xu hướng tăng qua các năm, cụ thể: năm 2019 số dư quỹ DPRR là 32,12 tỷ đồng; năm 2020 là 36,51 tỷ đồng (tăng 4,39 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019); năm 2021 là 45,05 tỷ đồng (tăng 8,54 tỷ đồng so với năm 2020).

Riêng đối với nợ quá hạn và dư nợ ngoại bảng năm 2020 giảm so với năm 2019 là do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19, cụ thể: năm 2019, nợ quá hạn là 629,75 tỷ đồng và dư nợ ngoại bảng là 55,17 tỷ đồng. Nợ quá hạn và dư nợ ngoại bảng năm 2020 lần lượt là 53,29 tỷ đồng (giảm 57,73 tỷ đồng so với năm 2019) và 36,51 tỷ đồng (giảm 1,88 tỷ đồng so với năm 2020). Năm 2021, nợ quá hạn là 904,83 tỷ đồng (tăng 332,81 tỷ đồng so với năm 2020) và dư nợ ngoại bảng là 65,29 tỷ đồng (tăng 12,65 tỷ đồng so với năm 2020).

Nợ quá hạn là món nợ không trả đúng thời hạn theo như hợp đồng đã ký. Nợ quá hạn là khoản nợ đã trở thành toán, cho dù trễ 01 ngày hay 01 năm cũng đều được gọi là khoản nợ quá hạn. Nợ quá hạn gồm các nhóm II, III, IV và V bao gồm cả nợ xấu và nợ cần chú ý nợ. Tại Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk nợ quá hạn gồm nợ nhóm I tình trạng B

2.6.1.2. Kết quả công tác thẩm định dự án đầu tư

Sau khi đã đánh giá các chỉ tiêu liên quan đến quyết định cho vay của Ngân hàng thì việc đánh giá kết quả công tác thẩm định dự án đầu tư cũng là một việc quan trọng trong việc đánh giá chất lượng thẩm định dự án đầu tư.

Dưới đây là kết quả công tác thẩm định dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của BIDV Đông Đắk Lắk giai đoạn 2019 – 2021.

Bảng 2. 10: Kết quả công tác thẩm định dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk giai đoạn 2019 – 2021

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
----------	----------	----------	----------

Số dự án	13	10	12
Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	682,3	475,4	598,7
Tổng số tiền đề nghị vay vốn (tỷ đồng)	468,5	247,6	397,4

(Nguồn: Phòng Quản lý rủi ro của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk)

Nhìn chung qua bảng số liệu trên cho thấy kết quả công tác thẩm định dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk giai đoạn 2019 – 2021 gặp nhiều biến động, cụ thể:

Số dự án của năm 2019 là 13 dự án với tổng số tiền đề nghị vay vốn là 468,5 tỷ đồng và tổng vốn đầu tư của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk là 682,3 tỷ đồng.

Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 mà số dự án đầu tư giảm còn 10 dự án dẫn đến tổng số tiền đề nghị vay vốn và tổng vốn đầu tư cũng giảm mạnh, cụ thể tổng số tiền đề nghị vay vốn giảm còn 247,6 tỷ đồng và tổng vốn đầu tư giảm còn 475,4 tỷ đồng.

Đến năm 2021, nền kinh tế của cả nước bắt đầu khôi phục lại nên số dự án đầu tư tăng lên 12 dự án với tổng số tiền đề nghị vay vốn tăng lên 397,4 tỷ đồng và tổng vốn đầu tư cũng tăng lên 598,7 tỷ đồng.

Tổng vốn đầu tư em nói đến ở bảng 2.10 là bao gồm cả vốn đầu tư cho khách hàng cá nhân và cho khách hàng doanh nghiệp. Còn tổng số tiền đề nghị vay vốn là tổng số tiền đề nghị vay vốn theo dự án của khách hàng doanh nghiệp.

Bảng 2. 11: Dư nợ cho vay của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk giai đoạn 2019 – 2021

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Chênh lệch	
				2020/2019	2021/2020
Tổng dư nợ cho vay (tỷ đồng)	3.380	3.524	4.060	144	536
<i>DN</i>	702	660	724	-42	64
<i>Bán lẻ</i>	2.678	2.864	3.336	186	472
Số lượng khách hàng (người)	8.186	9.020	9.397	834	377
<i>DN</i>	24	28	35	4	7

<i>Cá nhân</i>	8.162	8.992	9.362	830	370
----------------	-------	-------	-------	-----	-----

(Nguồn: Phòng Quản lý nội bộ của BIDV Đông Đắk Lắk)

Qua bảng số liệu trên cho thấy, tổng dư nợ của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk giai đoạn 2019 – 2021 tăng dần qua các năm. Năm 2019, tổng dư nợ cho vay là 3.380 tỷ đồng trong đó DN là 702 tỷ đồng (chiếm 20,77% tổng dư nợ cho vay) bán lẻ là 2.678 tỷ đồng (chiếm 79,23% tổng dư nợ cho vay). Năm 2020, tổng dư nợ cho vay là 3.524 tỷ đồng, (tăng 144 tỷ đồng so với năm 2019), trong đó DN là 660 tỷ đồng (giảm 42 tỷ đồng so với năm 2019), chiếm 18,73% tổng dư nợ cho vay và bán lẻ là 2.864 tỷ đồng (tăng 186 tỷ đồng so với năm 2019), chiếm 81,27% tổng dư nợ cho vay. Tổng dư nợ cho vay của năm 2021 là 4.060 tỷ đồng (tăng 536 tỷ đồng so với năm 2020), trong đó DN là 724 tỷ đồng (tăng 64 tỷ đồng so với năm 2020), chiếm 17,83% tổng dư nợ cho vay và bán lẻ là 3.336 tỷ đồng (tăng 472 tỷ đồng so với năm 2020), chiếm 82,17% tổng dư nợ cho vay.

Số lượng khách hàng của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk cũng tăng dần qua các năm trong giai đoạn 2019 – 2021. Năm 2019, số lượng khách hàng là 8.186 người trong đó có 24 DN và 8.162 cá nhân. Tổng số lượng khách hàng năm 2020 là 9.020 người (tăng 834 người so với năm 2019), trong đó có 28 khách hàng doanh nghiệp và 8.992 khách hàng cá nhân. Năm 2021, tổng số lượng khách hàng là 9.397 người (tăng 377 người so với năm 2020) trong đó có 35 khách hàng doanh nghiệp và 9.362 khách hàng cá nhân.

Bảng 2. 12: Thu nhập từ hoạt động tín dụng của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk giai đoạn 2019 – 2021

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Chênh lệch	
				2020/2019	2021/2020
Thu nhập từ hoạt động tín dụng	3,6	3,8	4,3	0,2	0,5
Tỷ trọng/Tổng thu nhập (%)	30	35	32	5	-3
Trong đó					

<i>Thu nhập từ thu lãi cho vay</i>	0,29	0,3	0,32	0,01	0,02
<i>Thu nhập từ thu phí tín dụng</i>	2,3	1,2	1,3	-1,1	0,1

(Nguồn: Phòng Quản lý nội bộ BIDV Đông Đắk Lắk)

Nhìn chung thu nhập từ hoạt động tín dụng của chi nhánh Đông Đắk Lắk tăng dần qua các năm. Cụ thể năm 2019, thu nhập từ hoạt động tín dụng là 3,6 tỷ đồng. Năm 2020, thu nhập từ hoạt động tín dụng là 3,8 tỷ đồng (tăng 0,2 tỷ đồng so với năm 2019). Thu nhập từ hoạt động tín dụng của năm 2021 là 4,3 tỷ đồng (tăng 0,5 tỷ đồng so với năm 2020).

Tỷ trọng/Tổng thu nhập của năm 2019, năm 2020 và năm 2021 lần lượt là 30%, 35% và 32%. Trong đó thu nhập từ thu lãi cho vay của năm 2019 là 0,29 tỷ đồng; năm 2020 là 0,3 tỷ đồng (tăng 0,01 tỷ đồng so với năm 2019) và năm 2021 là 0,32 tỷ đồng (tăng 0,02 tỷ đồng so với năm 2020). Thu nhập từ thu phí tín dụng năm 2019 là 2,3 tỷ đồng; năm 2020 là 1,2 tỷ đồng (giảm 1,1 tỷ đồng so với năm 2019) và năm 2021 là 1,3 tỷ đồng (tăng 0,1 tỷ đồng so với năm 2020).

Thời gian thẩm định tài chính dự án đầu tư của Ngân hàng thường kéo dài từ 1 tháng đến 3 tháng. Hiện tại ở chi nhánh BIDV Đông Đắk Lắk không được phép thẩm định các dự án đầu tư lớn mà chỉ ở Trung ương mới được phép thẩm định, sau đó gửi vào chi nhánh để chi nhánh góp vốn đầu tư.

2.6.2. Đánh giá công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đắk Lắk

Thẩm định tài chính dự án đầu tư tại ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk dựa theo quy định nội bộ số 2642/QyĐ-BIDV năm 2019, số 379/QĐ-QLTD năm 2013 và các văn bản pháp luật của Nhà nước có liên quan đến hoạt động cho vay làm căn cứ để lên kế hoạch, phương pháp và quy trình thẩm định tài chính dự án đầu tư trước khi quyết định cho vay.

Chất lượng thẩm định tài chính dự án dưới góc độ chi nhánh là xem xét dự án đó có đáp ứng tốt nhất những yêu cầu đặt ra thông qua chỉ tiêu như: tính khoa học và toàn diện của quy trình thẩm định và phân tích tài chính; thời gian thẩm định tài chính của dự án; chi phí chi cho công tác thẩm định; tính chính xác trong việc lựa chọn phương pháp thẩm định...

Tuỳ theo loại dự án đầu tư, quy mô của dự án đầu tư mà cán bộ BIDV lựa chọn quy trình và phương pháp thẩm định tài chính sao cho phù hợp. Đối với các dự án có nhu cầu

vay tại BIDV chi nhánh Đông Đắk Lắk thì thời gian thẩm định và phân tích tài chính mất khoảng 01 tháng và chi phí thẩm định thường không cao. Bởi lẽ, cơ sở thẩm định tài chính dự án tại BIDV thường dựa vào tài liệu mà khách hàng cung cấp. Cán bộ thẩm định căn cứ vào hồ sơ xin vay vốn của khách hàng gửi đến, phỏng vấn trực tiếp người xin vay vốn, điều tra nơi hoạt động của dự án đầu tư và các báo cáo tài chính theo quy định mà người xin vay vốn cung cấp. Mặt khác, cán bộ thẩm định còn dựa vào thông tin trong hồ sơ dự án từ trung tâm tín dụng ngân hàng nhà nước như: sổ sách của các ngân hàng mà dự án đó đã từng có quan hệ để thấy được năng lực vay nợ và uy tín của dự án.

2.6.2.1. Những thành tựu đạt được

Cán bộ thẩm định tài chính dự án đầu tư thực hiện tốt quy trình thẩm định tài chính dự án đầu tư theo quy định nội bộ của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk. Tuân thủ tốt các quy định pháp luật về hoạt động cho vay và công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư.

Đối với BIDV Đông Đắk Lắk, các cán bộ thẩm định tài chính dự án đầu tư ý thức được tầm quan trọng của công tác này nên thực hiện có kế hoạch và nghiêm túc. Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk tập trung vào phân tích, đánh giá tình hình tài chính của Doanh nghiệp xin vay vốn qua 03 năm gần nhất. Điều này thể hiện qua bảng thống kê tài sản, kết quả hoạt động kinh doanh mà khách hàng cung cấp. Trong thẩm định tài chính dự án đầu tư, BIDV Đông Đắk Lắk tập trung phân tích, đánh giá các mặt của dự án như:

- Sự cần thiết của dự án đầu tư: Các cán bộ đánh giá dựa trên xu hướng phát triển của thị trường tiêu thụ, năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
- Hiệu quả của dự án đầu tư: Chủ yếu là đánh giá hiệu quả tài chính của dự án dựa trên doanh thu dự kiến và chi phí dự kiến;
- Khả năng trả nợ của dự án: Thời gian trả nợ của dự án được tính toán dựa trên nguồn vốn trả nợ từ khấu hao cơ bản và lợi nhuận sau thuế.

Nghiệp vụ thẩm định tài chính dự án đầu tư của các cán bộ ngân hàng được bồi dưỡng thường xuyên, có nhiều hoạt động liên quan để giúp cán bộ ngân hàng tích lũy được thêm kinh nghiệm trong công tác thẩm định từ đó nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ thẩm định.

Hệ thống trang thiết bị tại Ngân hàng BIDV để phục vụ cho quá trình thẩm định luôn được nâng cao về hệ thống máy tính hiện đại và các phần mềm chuyên dụng đã giúp cho công tác thẩm định tài chính dự án diễn ra thuận lợi hơn trong việc tính toán các chỉ tiêu tài chính nên thời gian thẩm định tài chính được rút ngắn, chất lượng thẩm định ngày càng được nâng cao.

Các báo cáo thẩm định rõ ràng, minh bạch, cung cấp đầy đủ các thông tin về dự án giúp ra quyết định cho vay vốn hay không một cách dễ dàng.

2.6.2.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk thì vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Cụ thể:

- Tính linh động trong giải quyết khó khăn của các cán bộ trong quá trình thẩm định còn hạn chế;
- Vẫn còn tồn tại trường hợp không có công tác thẩm định lại các chỉ tiêu tài chính dự án dựa trên tình hình thực tế của thị trường, hoặc nếu có thì chỉ phụ thuộc vào số liệu của chủ dự án cung cấp là chủ yếu.
- Mặc dù BIDV Đông Đắk Lắk đã sử dụng phối hợp nhiều phương pháp khác nhau nhưng có thể thấy các phương pháp này vẫn chưa được áp dụng một cách có hiệu quả và hầu hết chỉ áp dụng một số cách máy móc.
- Một số dự án mất nhiều thời gian thẩm định hơn so với thời gian quy định của BIDV Đông Đắk Lắk.
- Ngoài các dự án được các cán bộ thẩm định một cách kỹ càng, khách quan thì đôi khi vẫn có một số ít dự án mà các cán bộ chỉ thẩm định một cách qua loa, hời hợt, bỏ qua các phân tích rủi ro, tính toán các chỉ tiêu hiệu quả tài chính không chính xác đôi khi còn chưa kỹ càng. Việc thẩm định không kỹ càng dẫn đến làm giảm tính chính xác của các chỉ tiêu từ đó làm đưa ra các quyết định sai lệch khi quyết định đầu tư vào dự án hay không.

2.6.3. Nguyên nhân dẫn đến hạn chế ảnh hưởng đến công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển BIDV – Chi nhánh Đông Đắk Lắk

Một số nguyên nhân dẫn đến hạn chế ảnh hưởng đến công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại BIDV Đông Đắk Lắk như:

- Các dự án thường kéo dài, do đó rủi ro mà các yếu tố khách quan mang lại rất khó dự báo như: thiên tai, khủng bố, dịch bệnh, chiến tranh, tai nạn. Các nhân tố này sẽ ảnh hưởng tới tình hình kinh tế, chính trị, các cơ chế chính sách, pháp luật của nhà nước... khi các nhân tố này thay đổi sẽ nằm ngoài tầm kiểm soát của ngân hàng và chủ dự án.
- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chưa hoàn thiện, thống nhất. Quốc hội và Chính phủ vẫn chưa có những văn bản pháp luật cụ thể để hướng dẫn công tác thẩm định trong hoạt động cho vay của NHTM. Ngân hàng nhà nước Việt Nam chỉ mới ban hành quy

định pháp luật về hoạt động cho vay đối với khách hàng nói chung và vẫn chưa có văn bản riêng hướng dẫn cụ thể hoạt động cho vay đối với dự án đầu tư. Điều này dẫn tới nhiều cách hiểu khác nhau và áp dụng khác nhau.

- Các dự án lớn có thời gian kéo dài và thường liên quan đến nhiều văn bản luật, dưới luật về các lĩnh vực như các văn bản về quản lý tài chính trong các doanh nghiệp, các văn bản về thuế, luật doanh nghiệp. Nếu các văn bản này không có tính ổn định trong thời gian dài cũng như không rõ ràng, minh bạch, chồng chéo... sẽ làm thay đổi tính khả thi của dự án theo thời gian cũng như gây khó khăn cho ngân hàng trong việc phân tích, đánh giá các chỉ tiêu hiệu quả, dự báo rủi ro, ảnh hưởng lợi nhuận của ngân hàng và khả năng thu hồi nợ của ngân hàng.

- Hồ sơ do chủ dự án hay doanh nghiệp trình lên cho Ngân hàng thẩm định chưa đáp ứng được chất lượng, yêu cầu cần cho thẩm định tài chính dự án đầu tư. Điều này ảnh hưởng đến chất lượng thẩm định và thời gian thẩm định của Ngân hàng.

- Ngân hàng chủ yếu phân tích tài chính của dự án đầu tư dựa trên các số liệu mà chủ dự án đưa ra trong báo cáo dự án để phân tích các hiệu quả về mặt tài chính.

- Chưa có sự liên kết trong phân tích khía cạnh thị trường và khả năng tiêu thụ sản phẩm dịch vụ đầu ra của dự án trong thẩm định lại doanh thu của dự án làm cho căn cứ tính doanh thu của dự án thiếu tính khách quan và đầy đủ.

- Trong quy trình thẩm định các chỉ tiêu tài chính, cán bộ ngân hàng thường thẩm định những chỉ tiêu thông dụng như NPV, IRR, thời gian hoàn vốn. Bên cạnh các chỉ tiêu tổng quát, các chỉ tiêu như tỷ suất khả năng trả nợ vay, tỷ suất khả năng trả lãi vay là chỉ tiêu cần thiết nhưng đôi lúc vẫn còn bị bỏ quên khi thẩm định tài chính các dự án đầu tư mà cán bộ ngân hàng cho là có hiệu quả, có tiềm năng. Sự nhầm lẫn của các cán bộ thẩm định tài chính về tỷ suất chiết khấu và tỷ suất ngưỡng khi xem xét tính hiệu quả của dự án đầu tư vô tình làm cho đồng nhất rủi ro của Ngân hàng và rủi ro của dự án trong khi dự án đầu tư có thể không phải toàn bộ được cho vay bởi nguồn vốn của ngân hàng mình mà còn có các tổ chức, cá nhân khác.

- Vẫn còn tồn tại một số tiêu cực trong công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư. Bởi lẽ, khách hàng vì muốn được vay nhưng không đủ điều kiện về mặt tài chính theo quy định mà có tác động đến cán bộ thẩm định. Từ đó, gây ra khó khăn cho việc thu hồi nợ và giám sát sau giải ngân của dự án.

2.7. Minh họa cụ thể bằng hai dự án tại chi nhánh BIDV Đông Đắk Lắk

Để hiểu rõ hơn về công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk, sau đây là hai dự án cụ thể đã được các cán bộ tại phòng Khách hàng Doanh nghiệp của Chi nhánh tiến hành thẩm định và cho vay vốn.

2.7.1. Trường hợp thẩm định dự án trồng chuối công nghệ cao của Công ty cổ phần Banana Brothers Farm

Sau đây là một số nội dung được trích trong BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP TÍN DỤNG được thực hiện tại Phòng Khách hàng Doanh nghiệp BIDV Đông Đắk Lắk

2.7.1.1. Thông tin khách hàng

Tên khách hàng: Công ty cổ phần Banana Brothers Farm

Địa chỉ: Thôn 1 – Xã Ea Riêng – Huyện M’Đrăk – Tỉnh Đắk Lắk

Hoạt động kinh doanh chính: Bổ sung vốn lưu động trồng chuối công nghệ cao

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số [REDACTED] do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày Đăng ký lần đầu ngày [REDACTED]/2020, thay đổi lần thứ nhất ngày [REDACTED]/2021.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng

Hình thức sở hữu: Công ty cổ phần

Cấp phê duyệt tín dụng: Giám đốc chi nhánh

2.7.1.2. Đề xuất của khách hàng

- Giấy đề nghị cấp hạn mức ngày: 20/12/2021
- Hạn mức tín dụng đề xuất lần này: 10.000.000.000 đồng
- Thời hiệu của HMTD: 01 năm
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động trồng chuối công nghệ cao
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: QSDĐ số CU 494251 được mô tả như sau thửa đất có 26,01m mặt đường và nằm gần cuối đường có mặt tiền tiếp giáp đường nhựa và mặt hồ Ea Cuor Kap với giá trị là 3.771.000.000 đồng; hệ số quy đổi là 0,8; giá trị quy đổi là 3.016.800.000 đồng.

2.7.1.3. Đánh giá chung về khách hàng

❖ *Tư cách và năng lực pháp lý, năng lực điều hành và quản lý sản xuất kinh doanh của khách hàng:*

- Đánh giá về lịch sử hoạt động của khách hàng:

Lịch sử công ty: Công ty được thành lập ngày Đăng ký lần đầu ngày 13/04/2020, thay đổi lần thứ nhất ngày 03/02/2021. Từ ngày thành lập, vốn điều lệ công ty đăng ký là 50 tỷ

đồng của 03 thành viên là Bà Lê Thị MH 98% vốn điều lệ, Dương Thị H 1% vốn điều lệ và Nguyễn Thị NT 1% vốn điều lệ.

Công ty chuyên về trồng và sản xuất chuối quả... công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Hệ thống trồng chuối theo công nghệ sạch, hệ thống ròng rọc vận chuyển chuối quả từ vườn cây đến khu làm sạch và phân loại, các hệ thống máy móc, thiết bị phục vụ trồng và thu hoạch chuối, hệ thống kho lạnh để lưu trữ chuối trước khi chở đi tiêu thụ. Hiện tại Công ty đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty 715 A, nhằm thuê đất 150ha để trồng chuối với nhãn hiệu là Cavendis, hiện tại trong giai đoạn 1 công ty đã trồng được 100ha cây chuối. Ngoài ra Công ty còn ký hợp đồng đầu ra với Công ty TNHH thương mại quốc tế Hướng Dương Hải Nam.

Hiện nay loại hình kinh doanh của công ty chính là trồng và sản xuất chuối quả công nghệ sạch. Với điều kiện địa lý (địa lý kinh tế) thích hợp: việc công ty lựa chọn khu vực sản xuất của mình là Huyện M'Đrak là do tại đây có diện tích đất nông nghiệp của công ty 715A với diện tích khác lớn, phù hợp với quy mô hoạt động của công ty; ngoài ra vùng đất ở đây thuộc nhóm đất phù sa được vun đắp bởi hệ thống sông, ngòi, suối, ao, hồ... với chất màu nâu xám phù hợp với việc thích nghi của cây chuối quả.

– Đánh giá về tư cách và năng lực pháp lý

Khách hàng vay vốn là công ty cổ phần có đầy đủ tư cách pháp nhân và năng lực pháp luật dân sự.

Điều lệ của khách hàng vay vốn thể hiện rõ về phương thức tổ chức, quản trị, điều hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số [REDACTED] do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày [REDACTED]/2021 còn hiệu lực.

Khách hàng đã đăng ký mẫu dấu, chữ ký đầy đủ theo quy định.

– Đánh giá về mô hình tổ chức và bố trí lao động của khách hàng

Quy mô hoạt động của doanh nghiệp gồm 170 người trong đó 20 người là CBNV trực tiếp và 150 người là CBNV gián tiếp với trình độ của các CBCNV từ trung cấp trở lên. Đây là mô hình Công ty cổ phần do bà Lê Thị MH – chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc công ty trực tiếp điều hành, bà Dương Thị H – Phó chủ tịch HĐQT – Phó T. Giám đốc công ty và bà Nguyễn Thị Ngọc T – thành viên HĐQT, công ty có mô hình tổ chức gọn nhẹ, hiệu quả.

– Đánh giá về năng lực quản trị điều hành

Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc: Bà Lê Thị MH

Hiện 48 tuổi có sức khỏe tốt với thời gian đã đảm nhiệm chức vụ là 02 năm. Có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực trồng chuối quả sạch với vai trò là thành viên thuộc một công ty khách trú đóng tại Vụ Bồn, đến nay đã thực hiện rút vốn để đầu tư vào mô hình công ty hiện tại. Là người có uy tín trong và ngoài doanh nghiệp, ý thức tổ chức và đạo đức tốt. Đồng thời có khả năng nắm bắt thị trường rất nhanh nhạy từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Lãnh đạo công ty có khả năng ra các quyết định dựa vào thông tin tài chính.

❖ *Đánh giá hoạt động kinh doanh của khách hàng*

– Thông tin chung:

Công ty có trụ sở kinh doanh chính tại Xã EaRieng – Huyện M’Đrak – Tỉnh ĐắkLắk với mặt bằng kinh doanh thuận lợi diện tích rộng 150ha, hệ thống kho hàng, thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty luôn diễn ra có hiệu quả và được đánh giá cao. Ngành nghề ghi trong đăng ký kinh doanh với ngành nghề kinh doanh hiện tại phù hợp với phương án dự kiến vay vốn. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của doanh nghiệp là buôn bán chuối quả với thành phẩm chuối sạch do chính Công ty trồng. Mặc dù công ty mới được thành lập nhưng ít nhiều cũng có được tiếng tăm trên địa bàn hoạt động nói riêng và địa bàn tỉnh ĐắkLắk nói chung. Đơn vị sẽ thực hiện nghiên cứu các chiến lược sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm tại địa bàn các tỉnh ĐắkLắk, ĐắkNong, TP HCM... trong thời gian sắp tới.

– Tình hình sản xuất kinh doanh:

+ **Đánh giá năng lực kinh doanh:** Công ty là một đơn vị có năng lực kinh doanh rất tốt trên địa bàn, mặc dù mới đi vào hoạt động, chưa có doanh thu, lợi nhuận trong báo cáo tài chính đang âm nhưng là âm theo kế hoạch định hướng của công ty. Nhưng công ty đã ký được hợp đồng đầu ra ổn định với giá đầu ra khá thuận lợi, hứa hẹn đem lại doanh thu và lợi nhuận trong tương lai khá lớn. Đội ngũ nhân công nhiệt tình và có kiến thức sâu rộng về lĩnh vực trồng chuối quả sạch. Sản phẩm được trồng bởi công nghệ cao nên sẽ đáp ứng được yêu cầu của thị trường.

+ **Đánh giá khả năng cung cấp sản phẩm và các yếu tố đầu vào:** Doanh nghiệp là đơn vị chuyên về trồng và sản xuất chuối quả, thực hiện phân loại, đóng thùng và xuất thành phẩm qua đối tác để xuất khẩu hoặc tiêu thụ trực tiếp trong nước. Công ty sử dụng giống chuối Cavendis là nguồn nguyên liệu đầu vào với cây giống được trồng theo phương pháp cấy mô, được nhập từ các doanh nghiệp cung cấp giống của Việt Nam. Công ty ký hợp

đồng mua mô giống với công ty phân phối hoặc hợp đồng lẻ với đơn vị cung cấp khác chuyển tiền trước cho nơi cung cấp hàng và nhận hàng sau. Công ty theo hình thức cổ phần nên bộ máy gọn nhẹ, đội ngũ nhân viên có trình độ nên quản lý dễ dàng tránh được thất thoát vốn trong suốt quá trình kinh doanh.

+ Đánh giá phương thức tiêu thụ và mạng lưới phân phối: Hiện công ty đã ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với đối tác nước ngoài, tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh luôn diễn ra có hiệu quả. Đồng thời thanh toán trước khi nhận hàng hoặc cho trả chậm tùy theo hợp đồng đã ký.

+ Đánh giá về khả năng xuất khẩu hàng hóa: Công ty đã ký hợp đồng với công ty xuất khẩu của Trung Quốc là công ty thương mại quốc tế Hướng Dương Hải Nam.

+ Đánh giá, phân tích về sản lượng và doanh thu:

Phân tích kết quả kinh doanh

(ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	06 tháng đầu năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	0	0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	0	0
4. Giá vốn hàng bán	0	0
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	0	0
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1	2
7. Chi phí hoạt động tài chính	0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	569	114
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	0	0
10. Thu nhập khác	0	0
11. Chi phí khác	0	0
12. Lợi nhuận khác	0	-1
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-569	-113

14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-569	-113

(Nguồn: Báo cáo đề xuất tín dụng thẩm định dự án trồng chuối công nghệ cao)

Kết quả kinh doanh hiện tại đang âm lợi nhuận tính đến 30/06/2021 là -569 triệu đồng, điều này là phù hợp với mô hình công ty mới thành lập, nguồn vốn hiện tại được đầu tư cho tài sản cố định và cây giống, hiện tại cây chuối quả chưa có thu nên chưa có doanh thu, chưa có lợi nhuận và phần lợi nhuận âm này là lỗ theo kế hoạch của công ty đề ra. Tuy nhiên theo kế hoạch là khoảng tháng 02/2022 công ty sẽ có thành phẩm và bắt đầu xuất hàng, tình trạng cây chuối đang được chăm sóc tốt nên hứa hẹn có doanh thu, lợi nhuận trong tương lai.

❖ *Phân tích hoạt động và triển vọng của khách hàng*

	ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
Thị trường	Nguồn nhân lực ổn định, có kinh nghiệm và năng động, phương thức tiêu thụ được vận hành linh hoạt và nhanh chóng nhờ đội ngũ nhân công và phương tiện vận tải đông đảo nên doanh nghiệp có sức cạnh tranh trên thị trường	Hiện tại công ty mới ký kết với 01 đối tác xuất khẩu nên việc lựa chọn đối tác với đơn giá lớn hơn là khá hạn chế và khá phụ thuộc vào đối tác xuất khẩu
Sản phẩm, dịch vụ	Sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao	Chưa đa dạng, chỉ trồng chuối quả
	CƠ HỘI	THÁCH THỨC
Thị trường	Thị trường tiềm năng, có điều kiện phát triển về các đối tác xuất khẩu khác như Nga, Nhật Bản...	Cạnh tranh cao, yêu cầu ngày càng khắt khe về chất lượng
Sản phẩm, dịch vụ	Khả năng tiêu thụ của thị trường trong lĩnh vực ngành hàng thiết yếu là ổn định, ít biến động	Phụ thuộc vào đánh giá của đối tác xuất khẩu

Qua các phân tích đánh giá trên có thể nhận định rằng triển vọng phát triển của Khách hàng là tương đối tốt trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

❖ *Phân tích tình hình quan hệ với ngân hàng*

– Quan hệ giao dịch với BIDV:

Đây là khách hàng mới có giao dịch với BIDV Đông Đắk Lắk với dư nợ hiện tại tại thời điểm đề xuất là 0 đồng và doanh số chuyển tiền qua tài khoản mở tại BIDV Đông Đắk Lắk đến thời điểm 31/05/2020 là khoảng 2.000.000.000 đồng.

Đánh giá lợi ích trong mối quan hệ với khách hàng: Khách hàng mang lại lợi ích cho Ngân hàng về thu phí chuyển tiền và thu lãi tín dụng, BSMS, chi lương qua tài khoản...

Tiềm năng, cơ hội trong thời gian tới trong quan hệ với khách hàng: Tăng cường quan hệ tín dụng, tiến hành bán chéo các sản phẩm dịch vụ như bảo hiểm BIC, tiền gửi không kỳ hạn, cung cấp các sản phẩm tín dụng đa dạng và linh hoạt.

Những điểm cơ bản trong kế hoạch quan hệ với khách hàng: Hiện tại khách hàng đề xuất tăng cường về quan hệ tín dụng. Ngân hàng sẽ có những chính sách về tín dụng để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong năm 2021.

– Quan hệ giao dịch với các tổ chức tín dụng khác: Không có

– Quan hệ với nhóm khách hàng có liên quan: Không có

2.7.1.4. *Phân tích tình hình tài chính của khách hàng*

Căn cứ vào Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2021 của công ty cổ phần Banana Brothers Farm gửi cho Chi nhánh BIDV Đông Đắk Lắk thì tình hình tài chính của doanh nghiệp được phân tích bao gồm những điểm đáng chú ý sau:

Những chỉ tiêu cơ bản trên bảng cân đối kế toán và nhóm các chỉ tiêu tài chính

TT		06 tháng đầu năm 2021	Năm 2020
	TÀI SẢN		
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	28.382	48.527
	Tiền và các khoản tương đương tiền	753	1.499
	Các khoản đầu tư TCNH	0	0
	Các khoản phải thu ngắn hạn	26.930	46.926
	Trả trước cho người bán		
	Hàng tồn kho	74	2
	Tài sản ngắn hạn khác	625	100

B	TÀI SẢN DÀI HẠN	21.441	1.380
	Các khoản phải thu dài hạn	500	500
	Tài sản cố định	2.116	769
	Bất động sản đầu tư	18.594	0
	Các khoản đầu tư TC dài hạn	0	0
	Tài sản dài hạn khác	231	111
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	49.823	49.907
	NGUỒN VỐN		
A	NỢ PHẢI TRẢ	506	20
	Nợ ngắn hạn	506	20
	Nợ dài hạn	-	-
B	NGUỒN VCSH	49.317	49.907
	Vốn chủ sở hữu	50.000	50.000
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi khác	-	-
	Lợi nhuận chưa phân phối	(683)	(113)
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	49.823	49.907

(Nguồn: Báo cáo đề xuất tín dụng thẩm định dự án trồng chuỗi công nghệ cao)

Một số chỉ tiêu tài chính 06 tháng đầu năm 2021

I	Chỉ tiêu thanh khoản	Công thức tính	Giá trị (đồng)	Kết quả 2020
1	Khả năng thanh toán hiện hành	TSNH	28.382	56,09
		Nợ ngắn hạn	506	
2	Khả năng thanh toán nhanh	TSNH - HTK	28.382	56,09
		Nợ ngắn hạn	506	
3	Khả năng thanh toán tức thời	Tiền và các khoản tương đương tiền	753	1,49
		Nợ ngắn hạn	506	
4	Thời gian thanh toán công nợ	Giá trị các khoản phải trả bình quân	263	#DIV/0!

		GVHB trung bình ngày	0	
II	Chỉ tiêu hoạt động			
5	Vòng quay vốn lưu động	Doanh thu thuần	0	0,00
		TSNH bình quân	38.455	
6	Vòng quay HTK	GVHB	0	0,00
		HTK bình quân	38	
7	Vòng quay các khoản phải thu	Doanh thu thuần	0	0,00
		Các khoản phải thu bình quân	36.928	
8	Hiệu suất sử dụng tài sản cố định	Doanh thu thuần	0	0,00
		Giá trị còn lại của TSCĐ bình quân	1.443	
9	Vốn lưu động thuần	Nguồn vốn dài hạn - TSDH	49.317	27.876
			21.441	
10	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Doanh thu thuần	0	0,00
		Tổng tài sản bình quân	49.865	
III	Chỉ tiêu đòn cân nợ			
1	Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản	Tổng nợ phải trả	506	1,02%
		Tổng tài sản	49.823	
2	Nợ dài hạn/VCSH	Nợ dài hạn	0	0,00%
		VCSH	50.000	
3	Hệ số tài sản cố định/VCSH	TSCĐ	2.116	4,23%
		VCSH	50.000	
4	Tốc độ gia tăng tài sản	Tài sản kỳ hiện tại - Tài sản kỳ trước	-84	0%
		Tài sản kỳ trước	49.907	
IV	Chỉ tiêu thu nhập			
1	Tỷ suất LN/DT	LNST	-569	#DIV/0!
		Doanh thu thuần	0	
2	ROE	LNST	548	1,810%
		VCSH	30.282	
3	ROA	EAT + (1-t)I	548	1,100%
		Tổng tài sản bình quân	49.823	

4	Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu	DT năm nay - DT năm trước	0	#DIV/0!
		DT năm trước	0	
5	Tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận	LN năm nay - LN năm trước	-456	404%
		LN năm trước	-113	

(Nguồn: Báo cáo đề xuất tín dụng thẩm định dự án trồng chuối công nghệ cao)

Chỉ tiêu về thanh khoản, chỉ tiêu về hoạt động, chỉ tiêu đòn cân nợ, chỉ tiêu thu nhập: Các chỉ tiêu này chưa có cơ sở để đánh giá do khách hàng mới thành lập nên chỉ có báo cáo tài chính cuối năm 2020 và 06 tháng đầu năm 2021, không thể lấy chỉ tiêu của 06 tháng đầu năm 2021 để tính tỷ lệ được và khách hàng chưa có doanh thu, chưa có lợi nhuận, hiện đang lỗ lũy kế theo kế hoạch.

2.7.1.5. Thẩm định phương án SXKD và khả năng trả nợ

❖ Thẩm định phương án sản xuất kinh doanh của khách hàng

– Chi phí đầu tư cơ sở vật chất thiết bị đối với 100ha cây chuối: Với giả định cơ sở vật chất được khấu hao trong 05 năm và 01 năm theo quy trình trồng chuối thì trồng được 03 vụ, vậy chi phí cơ sở vật chất tính trong 01 vụ là $19.717.000.000đ/05 \text{ năm} = 3.943.400.000đ/03 \text{ vụ} = 1.314.467.000đ/vụ$.

– Chi phí cây giống, trồng câu và bón lót: Chi phí để trồng và bón lót trên 01ha là 22.032.000đ, vậy 100ha là 2.203.200.000đ.

– Chi phí vận hành: Chi phí vận hành trên 01 vụ/ha là 135.324.000 đồng, vậy 100ha là 1.353.240.000 đồng.

– Chi phí hoàn thành sản phẩm: Chi phí hoàn thiện sản phẩm trên 01 vụ/ha là 194.356.800 đồng, vậy 100ha là 1.943.568.000 đồng.

– Chi phí quản lý doanh nghiệp: Giả sử 01 vụ là 03 tháng thì chi phí quản lý doanh nghiệp là 816.958.390 đồng * 03 tháng = 2.450.875.170 đồng.

– Chi phí khác: Chi phí thuê đất là 15.000.000đ/ha/năm vậy 01 năm hết 1.500.000.000đ và 01 vụ hết 500.000.000đ.

– Doanh thu: Khách hàng hiện đã trồng 100 ha cây chuối, hứa hẹn đến tháng 02 đến tháng 03 là có thu nhập đầu tiên. Với mô hình 100 ha cây chuối hiện có với mật độ trồng 1ha là 1.000 cây, 01 cây cho ra 01 buồng chuối, 01 buồng chuối có thể đạt bình quân là 9kg/cây/vụ và đạt bình quân 08 nãi/01 buồng (chỉ tính quả đạt đề xuất). Chuối sau khi thu thì được đóng gói với trọng lượng mỗi hộp không thấp hơn 13,5kg/hộp.

Như vậy với 100ha cây chuối có thể thu được là khoảng 67.000 hộp.

Mà theo hợp đồng khách hàng đã ký thì đơn giá chuỗi loại A là 8USD/hộp và tỷ giá hiện tại là 22.000đ/USD.

Vậy tổng doanh thu/01 vụ là 67.000 hộp * 22.000đ*8 = 11.792.000.000đ.

Như vậy theo quy trình trồng được 03 vụ chuỗi, ta có thể tổng hợp được phương án kinh doanh của khách hàng trong năm như sau:

TT	Chỉ tiêu	Chuỗi quả thành phẩm	Ghi chú
I	Doanh thu	35.376.000.000	
1	Giảm giá hàng bán	35.376.000.000	
2	Doanh thu thuần	0	
II	Chi phí	29.596.050.510	
1	CP cơ sở vật chất	3.943.401.000	
2	CP trồng cây và bón lót	6.609.600.000	
3	CP vận hành	4.059.720.000	
4	CP hoàn thành sản phẩm	5.830.704.000	
5	CP quản lý doanh nghiệp	7.352.625.510	
6	CP khác	1.800.000.000	
+	CP khấu hao	300.000.000	
+	CP thuê đất	1.500.000.000	
III	LNTT và lãi vay	5.779.949.490	
IV	CP lãi vay	1.360.000.000	8%/năm
V	LNTT	4.419.949.490	
VI	Thuế TNDN	972.388.888	22%
VII	LNST	3.447.560.602	
+	Xác định CPSX cần thiết:	Số tiền	ĐVT
	Tổng DT dự kiến (1)	35.376.000.000	đ
	Khấu hao cơ bản (2)	300.000.000	đ
	Chi phí thuế (3)	972.388.888	đ
	Lợi nhuận định mức (4)	4.419.949.490	đ
	CPSX cần thiết=(1)-(2)-(3)-(4)	29.683.661.622	đ
+	Xác định nhu cầu vốn lưu động		
	CPSX cần thiết (1)	29.683.661.622	đ
	Vòng quay VLD bình quân trong năm (2)	2	vòng
	Nhu cầu VLD=(1)/(2)	14.841.830.811	đ
+	Cơ cấu vốn		

	Nhu cầu vốn phương án (1)	14.841.830.811	đ
	Vốn tự có xem như tự có (2)	4.841.830.811	đ
	Vốn khác (3)	-	đ
	Hạn mức tín dụng=(1)-(2)-(3)	10.000.000.000	đ

(Nguồn: Báo cáo đề xuất cấp tín dụng thẩm định dự án trồng chuối)

Nhân xét: Khách hàng không phát sinh nợ tại các tổ chức tín dụng và khách hàng vay vốn lần đầu tạo BIDV Đông Đắk Lắk.

Để đáp ứng toàn bộ nhu cầu vốn phương án công ty đã sử dụng nguồn vốn tự có, nguồn vốn đi vay để tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động.

Qua thẩm định phương án cũng như khảo sát thực tế quy mô tại doanh nghiệp nhận thấy mạng lưới, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực đủ điều kiện và năng lực để thực hiện phương án theo kế hoạch đề ra.

❖ *Thẩm định nguồn trả nợ:*

Nguồn trả nợ chủ yếu của khách hàng là doanh thu của dự án dự tính là 33.120.000.000đ. Nguồn trên được trích dùng để thanh toán nợ gốc và lãi khi đến hạn.

2.7.1.6. *Biện pháp bảo đảm tiền vay:*

Biện pháp bảo đảm tiền vay chính là QSDĐ với giá trị định giá là 3.771.000.000đ; hệ số là 0,8; giá trị quy đổi là 3.016.800.000đ. Tài sản đảm bảo là hợp pháp.

2.7.1.7. *Đánh giá rủi ro và các biện pháp phòng ngừa*

– Các rủi ro chủ yếu:

+ Rủi ro về chi phí: Hiện nay do tác động của suy thoái kinh tế cộng với giá cả ngày càng cao nên chi phí cũng tăng dẫn đến giảm lợi nhuận doanh nghiệp.

+ Rủi ro về nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào: Doanh nghiệp có đầu vào ổn định là các nhà phân phối giống tại thị trường Việt Nam nên có đầu vào ổn định vì vậy có thể hạn chế được rủi ro này.

+ Rủi ro về giá bán: Hiện nay do tác động suy thoái kinh tế cộng với yếu tố trượt giá USD được công bố bình quân là 3%/năm dẫn đến giảm lợi nhuận doanh nghiệp.

+ Rủi ro về thanh toán: Xảy ra khi người mua mất khả năng thanh toán, vì vậy khách hàng cần có những chính sách bán hàng cụ thể để phòng ngừa rủi ro này.

+ Rủi ro từ thị trường tiêu thụ: Không đáng kể vì hàng hóa mà doanh nghiệp đang phân phối được ưa chuộng, khả năng tiêu thụ lớn.

– Biện pháp từ công ty:

+ Công ty chủ động đánh giá lại thị trường kinh doanh, rà soát lại đối tác khách hàng cũng như áp dụng các chính sách bán hàng sao cho phù hợp, quản lý chặt chẽ chi phí đầu vào để hạn chế rủi ro.

+ Công ty phải chủ động mở rộng thị trường để tạo thị trường đầu ra ổn định, giảm thiểu nguy cơ rủi ro giảm doanh thu do thiếu thị trường.

+ Tự chủ về dòng tiền, theo dõi các khoản nợ ngắn hạn để thanh toán đúng và kịp thời.

+ Tổ chức bộ máy quản lý chặt chẽ, năng động, hiệu quả để giảm thiểu các loại chi phí, tránh thất thoát hàng hóa do kiểm soát thiếu chặt chẽ.

– Biện pháp từ Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk

+ Cho vay trên cơ sở hợp đồng khung đã ký với các nhà cung cấp, nếu trường hợp cho vay thanh toán các khoản mua ngoài thì phải căn cứ và biện pháp giám sát mới thực hiện giải ngân.

+ Cung cấp các sản phẩm tín dụng linh hoạt hơn kèm theo các biện pháp kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, giá trị vật tư đảm bảo vốn vay nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh và giảm rủi ro cho ngân hàng.

+ Cán bộ tín dụng thường xuyên kiểm tra sử dụng vốn vay, cập nhật biến động giá cả đặc biệt là giá USD. Kiểm tra hàng tồn kho, công nợ các loại từ đó có chính sách tín dụng hợp lý đối với DN. Tiến hành đôn đốc thường xuyên việc thực hiện các cam kết tín dụng của khách hàng.

2.7.1.8. Đề xuất của Phòng KHDN

– Kết quả chấm điểm và xếp loại khách hàng: A

– Đề xuất chính sách quan hệ với khách hàng thời gian tới: Tăng cường

– Các loại sản phẩm sẽ quan hệ:

+ HMTD: 10.000.000.000đ

+ Thời hạn: 12 tháng

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động trồng chuỗi công nghệ cao

+ Chính sách khách hàng về lãi suất, phí: Theo quy định của BIDV Đông Đắk Lắk tại thời điểm rút vốn vay.

– Hình thức và tài sản đảm bảo: Thế chấp QSDĐ và tài sản gắn liền với đất, áp dụng tỷ lệ tài sản đảm bảo là 100% với giá trị tài sản đảm bảo sau khi nhân hệ số tài sản đảm bảo hiện tại là 3.016.800.000đ

– Các điều kiện tín dụng khác: Bổ sung thêm tài sản đảm bảo trước khi giải ngân khi giải ngân vượt quá giá trị đảm bảo sau khi nhân hệ số hiện tại. Duy trì số dư trên TKTG thanh toán để đảm bảo hoạt động SXKD. Sử dụng linh hoạt các sản phẩm dịch vụ

khác của BIDV. Chuyển doanh thu bán hàng qua tài khoản mở tại BIDV Đông Đắk Lắk tối thiểu tương ứng với tỷ trọng dư nợ tại BIDV trên tổng dư nợ của công ty.

– Thẩm quyền phê duyệt cấp tín dụng theo quy định của BIDV: Giám đốc chi nhánh

2.7.2. Trường hợp thẩm định dự án đầu tư trang trại lợn nái ứng dụng công nghệ cao

Đây là một số nội dung được trích trong BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP TÍN DỤNG được thực hiện tại Phòng Khách hàng Doanh nghiệp BIDV Đông Đắk Lắk

2.7.2.1. Thông tin khách hàng:

Tên khách hàng: Ông Nguyễn Văn C và Bà Trần Thị L

Địa điểm kinh doanh: Thôn Thạch Lũ, xã Ea Yong, huyện Krong Pak, tỉnh Đắk Lắk

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số [REDACTED] do Phòng tài chính kế hoạch UBND huyện Krong Pak cấp ngày ngày [REDACTED]/2021.

Hoạt động kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Hình thức sở hữu: Tư nhân

Cấp phê duyệt tín dụng: Hội đồng tín dụng cơ sở

2.7.2.2. Đề xuất của khách hàng

❖ Đề xuất cấp tín dụng theo món:

Giấy đề nghị vay vốn ngày 01/10/2021 của Nguyễn Văn C và Trần Thị L cụ thể như sau:

– Đề nghị cấp tín dụng trị giá 20.000.000.000đ trong đó vay trung hạn 5 năm là 12.000.000.000đ và vay ngắn hạn mức vốn lưu động là 8.000.000.000đ.

– Mục đích: Đầu tư dự án xây dựng trại nuôi lợn; Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn

– Sản phẩm: Theo món đối với vay trung hạn, hạn mức vốn lưu động đối với vay ngắn hạn.

– Thời hạn: 05 năm đối với vay trung hạn và tùy theo mục đích sử dụng vốn lưu động đối với vay ngắn hạn.

❖ Biện pháp bảo đảm tín dụng dự kiến:

QSDĐ số CA 604673, số CM 647184, số CM 647818, số AB 472653, số CY 208199, số CY 208198, số CM 351633, số CĐ 342200, số CY 208193, số CY 208194, số CY 208195, số CY 208197, số BV 798547, số CY 208196, số AB 387866, số M 920523, số M 920524, số CĐ 348691, số BA 740884, số CY 393518, số CY 385244, số CL 068346 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất với giá trị định giá là 15.059.000.000đ; hệ số của QSDĐ là 0,8; hệ số của tài sản gắn liền trên đất là 0,4; giá trị quy đổi là 12.047.200.000đ.

2.7.2.3. *Đánh giá chung về khách hàng*

❖ *Tư cách và năng lực pháp lý, năng lực điều hành và quản lý SXKD của khách hàng:*

– Đánh giá về lịch sử hoạt động của khách hàng:

+ Lịch sử khách hàng: Khách hàng được cấp giấy phép kinh doanh số [REDACTED] do Phòng tài chính kế hoạch UBND huyện Krông Pak cấp ngày ngày [REDACTED]/2021, tuy nhiên khách hàng hiện đã và đang hoạt động với 02 trang trại lợn thịt với tổng quy mô là 2.000 con, 01 trang trại tại thôn Thạch Lũ xã EaYong (1.200 con) và 01 trang trại tại Buôn Pan xã EaYong (800 con); hiện 02 trang trại này hoạt động đã lâu và kinh doanh có hiệu quả.

+ Từ ngày thành lập vốn điều lệ khách hàng đăng ký là 20 tỷ đồng. Đại diện hộ kinh doanh là ông Nguyễn Văn C.

+ Hoạt động kinh doanh chính của khách hàng là chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn theo mô hình quản lý kiểu hộ gia đình.

+ Loại hình kinh doanh của công ty hiện nay: Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn

+ Điều kiện địa lý: xã EaYong nằm giáp trung tâm huyện và nằm về phía Tây huyện Krông Pak. Trên địa bàn có quốc lộ 26 chạy ngang qua, là tuyến giao thông huyết mạch của huyện thuận lợi trong việc giao lưu phát triển kinh tế; vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ lợn thành phẩm.

+ Vị trí xây dựng dự án cách UBND xã EaYong khoảng 6,4km về phía Bắc, cách Quốc lộ 26 khoảng 6,1km về phía Bắc, cách khu dân cư tập trung khoảng 2km về phía Đông Bắc, cách trung tâm TP. Buôn Ma Thuột khoảng 36km.

– Đánh giá về tư cách và năng lực pháp lý: Khách hàng vay vốn là người có đầy đủ tư cách pháp nhân và năng lực pháp luật dân sự. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh còn hiệu lực.

– Đánh giá về mô hình tổ chức và bố trí lao động của khách hàng: Quy mô hoạt động của dự án đầu tư hoạt động theo hộ kinh doanh nên mô hình tổ chức gọn nhẹ, nhân công dự kiến là 25 người cụ thể: Khu nái bầu 5 người; Khu nái đẻ 10 người; Khu heo cai sữa 3 người; Khu heo thịt 1 người; Quản lý chung 6 người.

– Đánh giá về năng lực quản trị điều hành: Ông Nguyễn Văn C, 49 tuổi với sức khỏe tốt, có thời gian hoạt động đối với lĩnh vực liên quan là 04 năm. Chủ hộ kinh doanh có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Là người có uy tín, ý thức tổ chức và đạo đức tốt, đặc biệt có quan hệ rộng với các cấp, chính quyền tại địa phương. Có khả năng nắm bắt thị trường nhanh nhạy tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của mình.

❖ *Đánh giá hoạt động kinh doanh của khách hàng:*

– Thông tin chung:

+ Trại lợn nái được xây dựng tại Thôn Thạch Lũ, xã Ea Yong, huyện Krong Pak, tỉnh Đắk Lắk với tổng diện tích 15.473,3m² với mục tiêu chăn nuôi lợn nái 800 con và cung cấp lợn con giống theo phương pháp nuôi công nghệ hiện đại và khép kín.

+ Ngành nghề ghi trong đăng ký kinh doanh với ngành nghề kinh doanh hiện tại phù hợp với pháp luật và phương án dự kiến vay vốn, phù hợp với giấy phép kinh doanh, phù hợp với chiến lược, định hướng của BIDV.

+ Các sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của khách hàng: Chăn nuôi lợn nái, sản xuất lợn con.

+ Chiến lược SXKD trong thời gian tới: Sản xuất lợn con cung cấp cho chính mình và cung cấp cho các trại heo thịt trong khu vực tỉnh Đắk Lắk.

– Đánh giá năng lực SXKD: KH đã có mặt bằng là của chính mình, hồ sơ thủ tục hợp pháp để xây dựng trang trại. Về mặt nhân lực, vật lực, yếu tố kỹ thuật đáp ứng đủ để KH xây dựng trang trại. KH cũng là chủ sở hữu của CTY TNHH XD TM DV Đức Tài là công ty có quy mô lớn và năng lực tốt trong lĩnh vực thi công xây dựng trên địa bàn.

– Đánh giá khả năng cung cấp nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào: KH sẽ ký hợp đồng cung cấp giống, thức ăn, thuốc thú y... với Cty Cổ phần Green Feed Việt Nam hoặc các đại lý cung cấp thức ăn gia súc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nên nguồn cung cấp đầu vào là ổn định.

– Đánh giá phương thức tiêu thụ và mạng lưới phân phối:

+ Mạng lưới phân phối: KH hiện đang có 02 trại heo thí với quy mô 1.800 con phục vụ cung cấp 02 trại hiện tại của KH. Số lượng lợn con sản xuất còn lại sẽ cung cấp giống cho các trại chăn nuôi lợn thịt khác thông qua Cty cổ phần Green Feed Việt Nam.

+ Mạng lưới địa bàn tiêu thụ: Được tiêu thụ chủ yếu trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông và các vùng khác ở Tây Nguyên.

+ Tình hình và khả năng trả nợ của các khách hàng: Thanh toán trước khi nhận hàng, hoặc cho trả chậm tùy theo hợp đồng. Các đối tác mua hàng có uy tín và khả năng thanh toán nhanh chóng nên KH ít bị chiếm dụng vốn trong kinh doanh.

– Đánh giá, phân tích về sản lượng và doanh thu: Trang trại mới được xây dựng đang trong quá trình đầu tư nên hiện tại chưa có doanh thu.

– Đánh giá về khả năng xuất khẩu hàng hóa: Không có xuất khẩu hàng hóa.

❖ *Phân tích hoạt động và triển vọng của khách hàng*

	ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
Thị trường	Tìm hiểu kỹ về nhu cầu sản phẩm, nhiều đối tác đã liên hệ để mua sản phẩm của khách hàng thông qua Cty cổ phần Green Feed Việt Nam. Có đối tác là các trang trại chăn nuôi heo thịt có quan hệ chặt chẽ, phối hợp tốt	Thời gian tham gia thị trường chưa lâu
Sản phẩm, dịch vụ	Sản phẩm có uy tín với đối tác và bạn hàng	Chưa khẳng định được vị trí riêng biệt trên thị trường
	CƠ HỘI	THÁCH THỨC
Thị trường	Nhu cầu thị trường lớn	Cạnh tranh ngày càng gay gắt
Sản phẩm, dịch vụ	Được sản xuất từ công nghệ mới nên chất lượng ổn định mà ít chi phí	Kiểm soát chất lượng sản phẩm càng chặt chẽ

Qua cơ sở các phân tích đánh giá trên cho thấy triển vọng phát triển của khách hàng trong ngắn hạn là tốt và trong dài hạn là ổn định và phát triển tốt.

❖ *Phân tích tình hình quan hệ với ngân hàng:*

– Quan hệ giao dịch với BIDV: đây là KH có giao dịch với BIDV thường xuyên thông qua cá nhân ông Nguyễn Văn C – giám đốc của Cty TNHH XD TM Đức Tài và Cty TNHH Môi trường và Đô thị Đức Tài. Thường xuyên có tiền gửi tiết kiệm tại chi nhánh với số tiền bình quân là 1 tỷ đồng.

+ Đánh giá lợi ích trong mối quan hệ với khách hàng: Là KH mang lại lợi ích cho Ngân hàng về thu phí chuyển tiền và thu lãi tín dụng, bảo hiểm...

+ Tiềm năng, cơ hội trong thời gian tới trong quan hệ với khách hàng, kể cả khả năng bán chéo sản phẩm: Tăng cường quan hệ tín dụng, tiến hành bán chéo các sản phẩm dịch vụ, bảo hiểm BIC và có khả năng bán các sản phẩm về tiền gửi không kỳ hạn...

+ Những điểm cơ bản trong kế hoạch quan hệ với khách hàng: Tiếp tục phát triển mối quan hệ tín dụng với khách hàng, lượng doanh thu chuyển về ngân hàng trong thời gian tới đạt trên 10 tỷ/năm kèm theo bán chéo các sản phẩm dịch vụ của BIDV đến khách hàng.

+ Đánh giá về uy tín của khách hàng trong quá trình quan hệ tín dụng: Chưa có phát sinh.

– Quan hệ tín dụng của nhóm khách hàng có liên quan tại BIDV Đông Đắk Lắk:

KH	Mối quan hệ	Xếp hạng tín dụng	Tổng giới hạn tín dụng được cấp	Tổng số dư tín dụng tín đến thời điểm báo cáo		
				Dư ngắn hạn	Dư nợ TDH	Dư bảo lãnh
Cty TNHH Môi trường và Đô thị Đức Tài	Ông Nguyễn Văn C là Giám đốc đại diện công ty	A	Không	3.995.000.000		1.740.973.000
Cty TNHH XD TM DV Đức Tài	Ông Nguyễn Văn C là Giám đốc đại diện công ty	A	30 tỷ đồng	16.500.000.000		2.824.564.950

(Nguồn: Báo cáo đề xuất cấp tín dụng thẩm định dự án trang trại lợn nái)

+ Hoạt động kinh doanh chính của nhóm KHLQ: Cty TNHH Môi trường Đức Tài kinh doanh dịch vụ công ích; Cty TNHH XD TM DV Đức Tài hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp và kinh doanh vật liệu xây dựng. Hiện tại 02 DN hạch toán độc lập về doanh thu cũng như chi phí phát sinh trong hoạt động SXKD.

+ Tình hình quan hệ tín dụng của nhóm KHLQ không ảnh hưởng đến hoạt động cấp tín dụng của chi nhánh.

+ Đánh giá rủi ro của nhóm KHLQ về đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro: KH hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chăn nuôi lợn ứng dụng công nghệ cao nên rủi ro đối với KH có liên quan là hạn chế và kiểm soát được.

2.7.2.4. Phân tích tình hình tài chính của KH

KH đang trong giai đoạn xây dựng chưa đi vào hoạt động, tuy nhiên hiện tại KH có khả năng tài chính mạnh, KH đã chi ra vốn tự có để xây dựng gần như hoàn chỉnh trang trại lợn nái với tổng vốn đầu tư hơn 30 tỷ đồng.

2.7.2.5. Thẩm định phương án xây dựng trại lợn nái và khả năng trả nợ

❖ Thông tin dự án đầu tư

- Tên dự án: Trang trại lợn nái ứng dụng công nghệ cao (800 nái)
- Thực trạng dự án: Đã hoàn tất cơ sở về pháp lý và xây dựng gần xong
- Giấy phép xây dựng số 08/2021/GPXD ngày 30/07/2021 và KH đã có báo cáo tác động môi trường theo quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk, đảm bảo tuân thủ các nội dung về đảm bảo vệ sinh, an toàn môi trường trên địa bàn.
- Địa điểm đầu tư: Thôn Thạch Lũ, Xã EaYong, huyện Krông Pak, tỉnh Đắk Lắk
- Sản phẩm dự án: Lợn giống với công suất thiết kế tương đương với 950 con lợn nái/năm. Tuy nhiên KH chỉ hoạt động với quy mô là 800 con lợn nái/năm.
- Tổng dự toán đầu tư và nguồn vốn:

Hạng mục	Nguồn vốn (VNĐ)
-Vốn cố định	42.000.000.000
+Giá trị đất	0
+Giá trị heo giống	10.000.000.000
+Xây dựng cơ bản	32.000.000.000
-Vốn lưu động	8.000.000.000
Tổng cộng	50.000.000.000

(Nguồn: Báo cáo đề xuất cấp tín dụng thẩm định dự án trang trại lợn nái)

Vốn cố định 42.000.000.000đ được dùng để chuẩn bị đầu tư, xây dựng nhà xưởng, lắp đặt máy móc thiết bị cho nhà máy và heo nái.

Vốn lưu động: Nhu cầu vốn lưu động được xác định cụ thể hàng năm, ngay từ năm đầu đi vào hoạt động kinh doanh, dự án cần vốn lưu động 8.000.000.000đ để đảm bảo cho dự án hoạt động kinh doanh.

Khấu hao là 3.719.065.092đ quy đổi vào đầu lợn con được sinh ra trong năm là 181.786đ, tính trên 20.458 lợn con trong năm được sinh ra.

Sản phẩm của dự án là lợn con với thị trường tiêu thụ nội địa. KH đã liên kết với Cty Cổ phần Green Feed Việt Nam tận dụng nguồn lợn giống, thức ăn gia súc, bao tiêu sản phẩm để sản xuất lợn con từ đó mang lại nguồn lợi cho chính KH. Ngoài ra về mặt kinh tế xã hội thì dự án tạo công ăn việc làm ổn định cho khoảng 10 lao động tại địa phương, góp phần vào ngân sách nhà nước.

❖ *Thẩm định dự án đầu tư và nguồn trả nợ*

– Nguồn vốn đầu tư của dự án

+ Tổng vốn đầu tư của dự án là 50.000.000.000đ trong đó vốn tự có là 30.000.000.000đ và vốn vay là 20.000.000.000đ.

+ Công ty chia nguồn vốn thành hai là vốn cố định với 42.000.000.000đ để chuẩn bị đầu tư, xây dựng nhà xưởng, lắp đặt máy móc thiết bị cho nhà máy, lợn giống và vốn lưu động là 8.000.000.000đ để đảm bảo cho dự án hoạt động có hiệu quả.

– Phân tích thị trường và khả năng tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ đầu ra

+ KH sẽ ký các hợp đồng cung cấp giống, thức ăn, thuốc thú y... với Cty cổ phần Greed Feed Việt Nam hoặc các đại lý cung cấp thức ăn gia súc trên địa bàn tỉnh ĐắkLắk nên nguồn cung cấp đầu vào là ổn định.

+ KH hiện đang có 02 trại heo thịt nên số lượng lợn con sản xuất ra sẽ phục vụ cung cấp cho 02 trại này, số lượng lợn con còn lại sẽ cung cấp giống cho các trại chăn nuôi lợn thịt khác thông qua Cty cổ phần Greed Feed Việt Nam. Mạng lưới tiêu thụ chủ yếu là trên địa bàn tỉnh ĐắkLắk, ĐắkNong và các tỉnh khác ở Tây Nguyên.

Từ những yếu tố trên cho thấy việc đầu tư xây dựng trại chăn nuôi lợn nái áp dụng công nghệ cao là thiết thực, chắc chắn mang lại hiệu quả kinh tế cho người đầu tư và lợi ích xã hội cho tỉnh ĐắkLắk.

– Thẩm định tài chính từ việc tiêu thụ sản phẩm dự án:

Phòng KHDN đã xem xét trên quan điểm tổng đầu tư, việc xem xét các thông số tính toán đầu vào khá hợp lý và thận trọng với định hướng, doanh thu thấp, chi phí cao. Một số thông số đưa ra để tính toán như sau:

+ Tổng vốn đầu tư của dự án là 50 tỷ đồng. trong đó vốn tự có là 30 tỷ đồng và vốn vay là 20 tỷ đồng gồm vay trung hạn là 12 tỷ đồng và vay ngắn hạn là 8 tỷ đồng.

+ Các giả định về kỹ thuật như sau: Quy mô nái 800 con với tỷ lệ % đẻ thành công là 90%. Số con chọn nuôi/lừa là 12 con. % heo con mang thai chết là 6%; % heo cai sữa chết là 2% và % heo thịt/loại thải là 3%. % thay đàn/năm là 40%. Heo con bán ra/nái/năm là

26,4. Giá nhập nái là 11,5 triệu đồng. Giá heo con bán ra là 135.000đ. Trọng lượng bán 15kg. Giá bán bình quân con heo cai sữa là 2.025.000đ và giá bán nái loại là 43.000đ.

+ Các giải định về tài chính: Lãi suất vay ngân hàng là 10%; tỷ lệ % vốn vay là 50%; chiết khấu giá cám là 6%; chiết khấu giá cám là 600đ/kg; cước vận chuyển, bốc xếp là 300đ.

+ Phôi/nái/năm là 2,57 lần.

+ Đẻ/nái/năm là 2,43 lần.

+ Cai sữa/nái/năm là 26,4 lần.

+ Heo thịt/nái/năm là 25,1 lần.

+ Doanh thu của dự án:

- Dự án nhập 800 con lợn nái giống (chia làm 4 đợt nhập, mỗi đợt nhập khoảng 200 con, mỗi đợt cách nhau 01 tháng) và 15 lợn đực từ Cty Cổ phần Green Feed Việt Nam. Lợn nái sử dụng giống Landrace và Yorkshirel lợn đực sử dụng giống Duroc.

- Trung bình mỗi đợt thực hiện phối giống khoảng 200 con, tỷ lệ thụ thai đạt 90%, trung bình lợn con sinh là 11 con/lợn nái.

- Lợn con sinh trong 01 đợt là 1980 con. Tỷ lệ lợn con bị chết trong quá trình nuôi dưỡng và chăm sóc là 4,5%. Vậy số lượng lợn con cai sữa/đợt là 1.891 con. Trung bình 01 năm 01 lợn nái sinh được 2,7 lứa như vậy tổng lợn con cai sữa trong 01 năm là 20.422,8 con. Tuy nhiên theo số liệu dùng để tính toán thì 01 năm 01 lợn nái sinh được 2 lứa vậy tổng lợn con cai sữa trong 01 năm là 15.128 con.

- Lợi ích tài chính được xác định từ doanh thu cung cấp do bán lợn cai sữa và thanh lý lợn nái: lợn cai sữa: 135.000đ/kg; lợn nái: 43.000đ/kg

- Tỷ lệ tăng giá bán: 1%

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Trọng lượng	Đơn giá (VNĐ)	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10
Quy mô		800										
Sản lượng (con)			7.555	20.698	20.778	20.778	20.778	20.778	20.778	20.778	20.778	20.778
Heo cai sữa			7.475	20.458	20.458	20.458	20.458	20.458	20.458	20.458	20.458	20.458
Nái loại			80	240	320	320	320	320	320	320	320	320
Doanh thu			15.997	44.448	45.766	46.214	47.492	47.112	47.560	48.009	48.458	48.906
Heo cai sữa	15	135.000	15.137	41.843	42.257	42.671	43.914	43.500	43.914	44.328	44.743	45.157
Nái loại	250	43.000	860	2.606	3.509	3.453	3.578	3.612	3.636	3.681	3.715	3.750

(Nguồn: Báo cáo đề xuất tín dụng thẩm định dự án xây dựng trại lợn nái)

+ Chi phí sử dụng vốn: Chi phí sử dụng vốn tự có 6%/năm; lãi suất vay vốn bình quân 10%/năm

+ Dự án có thời gian xây dựng dưới 1 năm và thời gian khai thác >10 năm. Khấu hao tài sản cố định như sau: Khấu hao được tính hàng năm và quy đổi vào giá thành đầu ra của heo con khi xuất bán.

+ Công suất thiết kế: 26.636 lợn con/năm, tương đương với 950 con lợn nái/năm. Tuy nhiên KH chỉ hoạt động với quy mô là 800 con lợn nái/năm. Công suất khai thác được đánh giá xem xét trong 3 tình huống: Tình huống cơ sở: Tình huống tốt tăng 10% công suất khai thác mỗi năm so với bình thường cơ sở và tình huống xấu giảm 10% công suất khai thác mỗi năm so với tình huống cơ sở. Các chỉ số tính toán hiệu quả tài chính dự án tương ứng với tình huống cơ sở, các trường hợp còn lại để phân tích rủi ro.

+ Giá bán sản phẩm dự tính tùy thuộc vào từng thời kỳ nhưng thấp hơn giá bán thực tế đã khảo sát trên thị trường hiện tại là 170.000đ/kg. Giá bán được điều chỉnh phù hợp theo mức độ tăng giá chung của thị trường tiêu thụ.

+ Định mức chi phí hoạt động sản xuất trực tiếp dựa trên việc tham khảo hoạt động của một số trại lợn nái trong và ngoài tỉnh, dựa trên định mức tiêu hao của máy móc thiết bị đã được lựa chọn và các cam kết định mức tiêu hao.

+ Để đảm bảo công nhân hoạt động sản xuất kinh doanh, tuy nhiên tùy theo công suất hoạt động của trại trong năm để có thể tăng giảm nhân công cho phù hợp. Chi phí sản xuất kinh doanh trực tiếp và chi phí nhân công sẽ được điều chỉnh tăng theo chỉ số tăng giá cả.

+ Các khoản chi phí khác:

- Tỷ lệ tăng chi phí: 3%/năm
- Giá cám áp dụng cho heo con tại thời điểm BCDX: 574.178đ/con/năm
- Giá cám nái áp dụng cho heo nái tại thời điểm BCDX: 476.741đ/con/năm
- Thuốc vaccine: 229.484đ/con/năm
- Điện và nước: 50.000đ/con/năm
- Tinh heo: 16.161đ/con/năm
- Chi phí khác: 73.718đ/con/năm

+ Tổng chi phí được tính theo bảng tổng hợp sau:

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10
CP cám heo con	4.296	12.111	12.463	12.816	13.422	13.521	13.874	14.227	14.580	14.932
CP cám nái	3.564	10.046	10.339	10.631	11.134	11.216	11.509	11.802	12.094	12.387
CP khấu hao náu	1.091	3.077	3.166	3.256	3.410	3.435	3.525	3.614	3.704	3.793
Thuốc & vaccine	1.715	4.836	4.977	5.117	5.359	5.399	5.540	5.681	5.822	5.962
Khấu hao trại	3.719	3.719	3.719	3.719	3.719	3.719	3.719	3.719	3.719	3.719
CP nhân công	1.256	3.541	3.644	3.747	3.925	3.954	4.072	4.194	4.320	4.450
Điện & nước	374	1.054	1.084	1.115	1.168	1.176	1.207	1.238	1.268	1.299
Tinh heo	121	341	350	360	377	380	390	400	410	420
Khác	551	1.553	1.599	1.644	1.722	1.734	1.780	1.825	1.870	1.915
Tổng cộng	16.688	40.277	41.341	42.406	44.235	44.536	45.616	46.700	47.787	48.879

(Nguồn: Báo cáo đề xuất tín dụng thẩm định dự án xây dựng trại lợn nái)

– Đánh giá dự án đầu tư và nguồn trả nợ:

Tỷ lệ tăng giá bán: 1% và Tỷ lệ tăng chi phí: 3%

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10
Sản lượng	7.555	20.698	20.778	20.778	20.778	20.778	20.778	20.778	20.778	20.778
Heo cai sữa	7.475	20.458	20.458	20.458	20.458	20.458	20.458	20.458	20.458	20.458
Nái loại	80	240	320	320	320	320	320	320	320	320
Doanh thu	15.997	44.448	45.766	46.214	47.492	47.112	47.560	48.009	48.458	48.906
Heo cai sữa	15.137	41.843	42.257	42.671	43.914	43.500	43.914	44.328	44.743	45.157
Nái loại	860	2606	3509	3453	3578	3612	3636	3681	3715	3750
CP cám heo con	4.296	12.111	12.463	12.816	13.422	13.521	13.874	14.227	14.580	14.932
CP cám nái	3.564	10.046	10.339	10.631	11.134	11.216	11.509	11.802	12.094	12.387
CP khâu hao náu	1.091	3.077	3.166	3.256	3.410	3.435	3.525	3.614	3.704	3.793
Thuốc & vaccine	1.715	4.836	4.977	5.117	5.359	5.399	5.540	5.681	5.822	5.962
Khâu hao trại	3.719	3.719	3.719	3.719	3.719	3.719	3.719	3.719	3.719	3.719
CP nhân công	1.256	3.541	3.644	3.747	3.925	3.954	4.072	4.194	4.320	4.450
Điện & nước	374	1.054	1.084	1.115	1.168	1.176	1.207	1.238	1.268	1.299
Tinh heo	121	341	350	360	377	380	390	400	410	420
Khác	551	1.553	1.599	1.644	1.722	1.734	1.780	1.825	1.870	1.915
Tổng CP	16.688	40.277	41.341	42.406	44.235	44.536	45.616	46.700	47.787	48.879
CP quản lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
LNTT và CPTC	-690	4.172	4.423	3.808	3.256	2.576	1.944	1.309	669	28
CP lãi vay	2.330	2.330	2.330	1.864	1.398	932	466	0	0	0
Thuế										
LNST và CPTC	-3.020	1.842	2.094	1.944	1.858	1.644	1.478	1.309	670	28

(Nguồn: Báo cáo đề xuất tín dụng thẩm định dự án xây dựng trại lợn nái)

Dòng tiền dự án:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị đầu tư	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10
DT		15.997	44.448	45.766	46.214	47.492	47.112	47.560	48.009	48.458	48.906
Thu thanh lý TSCĐ											
Tổng dòng tiền vào		15.997	44.448	45.766	46.214	47.492	47.112	47.560	48.009	48.458	48.906
Chi đầu tư	42.351										
CP hoạt động		11.877	33.481	34.456	35.431	37.107	37.382	38.372	39.366	40.364	41.366
CP quản lý		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế TNDN		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
CP thanh lý TSCĐ											
Tổng dòng tiền ra	42.351	11.877	33.481	34.456	35.431	37.107	37.382	38.372	39.366	40.364	41.366
Dòng tiền ròng dự án	-42.351	4.120	10.967	11.310	10.783	10.385	9.730	9.188	8.643	8.094	7.540
Tỷ suất sinh lợi kỳ vọng	11%	Lãi suất cho vay dự tính 10%, lãi suất kỳ vọng của vốn tự có dự tính 13%									
NPV	9.906trđ										
IRR	17%										
T	5 năm										

(Nguồn: Báo cáo đề xuất tín dụng thẩm định dự án xây dựng trại lợn nái)

Như vậy dự án có hiệu quả về mặt tài chính, thời gian thu hồi vốn đầu tư là 5 năm, thời gian trả nợ là 05 năm đối với vay trung hạn 12 tỷ đồng và vay ngắn hạn 8 tỷ đồng là hợp lý và khả thi.

2.7.2.6. *Biện pháp bảo đảm tiền vay*

Mô tả biện pháp bảo đảm tiền vay: Thế chấp Bất động sản và phương tiện giao thông cụ thể gồm QSD đất và tài sản gắn liền với đất với giá trị định giá là 15.059.000.000 đồng và giá trị quy đổi là 12.047.200.000 đồng.

Tính pháp lý của tài sản đảm bảo là đầy đủ.

Đánh giá tài sản đảm bảo: Tài sản đảm bảo có tính khả mại bình thường.

2.7.2.7. *Đánh giá rủi ro và các biện pháp phòng ngừa*

– *Các rủi ro chủ yếu:*

+ Rủi ro về chi phí: Hiện nay do tác động của lạm phát đang diễn ra cộng với giá cả ngày càng tăng cao làm cho chi phí tăng dẫn đến giảm lợi nhuận khách hàng.

+ Rủi ro về nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào: KH có các đối tác chuyên cung cấp hàng hóa lớn là Cty Green Feed Việt Nam, nguồn tài chính lành mạnh, hàng hóa dồi dào, sản phẩm uy tín nên ít rủi ro về nguyên liệu đầu vào.

+ Rủi ro về giá bán: Giá hàng hóa ổn định, KH có kinh nghiệm hoạt động lâu năm nên hạn chế được ảnh hưởng.

+ Rủi ro về thanh toán: Xảy ra khi bạn hàng mất khả năng thanh toán, vì vậy khách hàng cần phải có những chính sách bán hàng cụ thể để phòng ngừa rủi ro.

+ Rủi ro từ thị trường tiêu thụ: Không đang kể vì đây là khu vực đang phát triển và có nhiều trang trại lợn thịt được xây dựng.

– *Biện pháp từ khách hàng:*

+ KH chủ động đánh giá lại thị trường kinh doanh, rà soát lại các KH truyền thống cũng như KH mới ở thị trường để loại bỏ khả năng xảy ra rủi ro cho KH trong quá trình thanh toán tiền hàng.

+ KH phải chủ động mở rộng thị trường để tạo thị trường đầu ra ổn định, giảm thiểu nguy cơ rủi ro cao này.

+ KH phải tổ chức bộ máy quản lý chặt chẽ, năng động, hiệu quả để giảm thiểu giá thành sản phẩm, giảm nguy cơ phát sinh dịch bệnh.

– *Biện pháp từ Ngân hàng:*

+ Đối với cho vay trung hạn thì cho vay trên cơ sở khối lượng xây lắp hoàn thành và các chứng từ hợp lý có liên quan; Đối với giải ngân VLĐ thì chủ yếu là chuyển khoản cho đối tác bán hàng thông qua các hợp đồng mua bán để kiểm soát chặt chẽ mục đích sử dụng vốn vay của khách hàng.

+ Cán bộ tín dụng thường xuyên kiểm tra sử dụng vốn vay, cập nhật biến động giá cả đặc biệt là lợn giống, thức ăn gia súc, sắt thép. Kiểm tra hàng tồn kho, công nợ các loại từ đó có chính sách tín dụng hợp lý đối với khách hàng.

2.7.2.8. Đề xuất của Phòng DNKH

Ông Nguyễn Văn C là KH thường xuyên chuyển tiền, gửi tiết kiệm và KH truyền thống của Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk. Nguồn trả nợ ổn định và đảm bảo, sử dụng nhiều sản phẩm dịch vụ tại ngân hàng. Vì vậy Phòng KHDN kính trình Hội đồng tín dụng cơ sở cấp tín dụng theo các nội dung sau:

Số tiền vay là 20 tỷ đồng trong đó

+ Vay trung hạn là 12 tỷ đồng (thời hạn vay 5 năm) với mục đích là đầu tư dự án xây dựng trại nuôi lợn theo phương thức vay theo món và lãi suất theo quy định

+ Vay ngắn hạn 8 tỷ đồng với mục đích là chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn theo phương thức cho vay hạn mức và lãi suất theo quy định.

+ Tài sản bảo đảm: Thế chấp QSDĐ, tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai.

+ Áp dụng tỷ lệ tài sản bảo đảm trên số tiền vay là 100%.

+ Nhóm khách hàng có liên quan: Việc cấp tín dụng cho Ông Nguyễn Văn C đảm bảo tuân thủ theo quyết định số QĐ 8143/QyĐ-BIDV ngày 28/02/2018 của BIDV về nhóm khách hàng có liên quan. Trong đó: Cty TNHH XD TM DV Đức Tài hiện được cấp GHTD là 30.000 triệu đồng, Cty TNHH Môi trường và Đô thị Đức Tài được cấp tín dụng theo món từng lần và dư nợ hiện tại là 3.995 triệu đồng và số dư bảo lãnh là 1.741 triệu đồng.

+ Cấp có thẩm quyền phê duyệt tín dụng: Hội đồng tín dụng cơ sở

2.7.3. So sánh quá trình thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của dự án đầu tư xây dựng trang trại lợn nái ứng dụng công nghệ cao với dự án trồng chuỗi công nghệ cao

2.7.3.1. Giống nhau

Về cơ bản thì quy trình thẩm định dự án đầu tư nói chung và quy trình thẩm định tài chính dự án đầu tư nói riêng thì ở cả 02 dự án đều thực hiện như nhau. Các cán bộ thẩm định đều thực hiện đúng và đủ các bước trong quy trình thẩm định và cho vay đối với từng dự án.

Báo cáo đề xuất cấp tín dụng của cả 02 dự án đều bao gồm 8 nội dung là thông tin khách hàng; đề xuất của khách hàng; đánh giá chung về khách hàng; phân tích tình hình tài chính của khách hàng; thẩm định phương án sản xuất kinh doanh và khả năng trả nợ; biện

pháp bảo đảm tiền vay; đánh giá rủi ro và các biện pháp phòng ngừa và đề xuất của phòng KHDN.

Cả 02 dự án đều được các cán bộ thẩm định sử dụng các phương pháp thẩm định là thẩm định theo trình tự; so sánh đối chiếu các chỉ tiêu và phân tích độ nhạy và phương pháp triệt tiêu rủi ro.

Cả 02 dự án trên đều trải qua các bước cơ bản là đề xuất cấp hạn mức tín dụng, đánh giá chung về khách hàng, phân tích tình hình quan hệ với BIDV, phân tích tình hình tài chính; biện pháp bảo đảm tiền vay, đánh giá các rủi ro và đưa ra biện pháp phòng ngừa và cuối cùng là đề xuất của phòng DNKH lên cấp thẩm quyền.

Dự án trồng chuỗi công nghệ cao và dự án trang trại lợn nái đều là 02 dự án mới nên đều chưa có doanh thu.

Hệ số tài sản bảo đảm về quyền sử dụng đất của 02 dự án đều là 0,8.

Rủi ro về chi phí, rủi ro thanh toán và rủi ro từ thị trường tiêu thụ của 02 dự án đều không đáng kể và có thể phòng ngừa được.

2.7.3.2. Khác nhau

	Dự án trồng chuỗi công nghệ cao	Dự án trang trại lợn nái
Hình thức sở hữu	Công ty cổ phần	Tư nhân
Cấp phê duyệt tín dụng	Giám đốc chi nhánh	Hội đồng tín dụng cơ sở
Phương thức cho vay	Theo hạn mức tín dụng	Theo món đối với vay trung hạn Theo hạn mức tín dụng đối với vay ngắn hạn
Thời hạn vay	01 năm	05 năm đối với vay trung hạn Vay ngắn hạn tùy theo mục đích sử dụng vốn lưu động
Tài sản bảo đảm	Quyền sử dụng đất	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất
Quan hệ giao dịch với BIDV	Khách hàng mới	Khách hàng có giao dịch thường xuyên

Quan hệ với nhóm khách hàng có liên quan	Không	Cty TNHH Môi trường và Đô thị Đức Tài và Cty TNHH XD TM DV Đức Tài
Hệ số tài sản đảm bảo của tài sản gắn liền trên đất	Không có	0,4
Rủi ro chủ yếu	<p>Rủi ro về nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào: cần phải hạn chế rủi ro này</p> <p>Rủi ro về giá bán: có thể gây giảm lợi nhuận doanh nghiệp</p>	<p>Rủi ro về nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào: ít rủi ro về nguyên liệu đầu vào</p> <p>Rủi ro về giá bán: có thể hạn chế được rủi ro này</p>

CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP ĐỂ HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐĂKLĂK

3.1. Định hướng công tác thẩm định dự án đầu tư của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông ĐăkLăk trong thời gian tới

Trong những năm gần đây, tỉnh ĐăkLăk đang chủ trương phát huy tối đa tiềm năng và đổi mới chính sách mời gọi các dự án đầu tư để phát triển kinh tế địa phương. Bám sát theo các chiến lược phát triển mà BIDV đề ra đồng thời tiến hành phân tích tình hình phát triển kinh tế xã hội và tình hình hoạt động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn, BIDV Đông ĐăkLăk xây dựng mục tiêu phát triển của Chi nhánh trong giai đoạn 2022 – 2025 như sau:

- Tăng trưởng huy động vốn tại chỗ hàng năm từ 15%-20%/năm
- Tăng trưởng tín dụng bình quân hàng năm 10%-15%/năm
- Nợ xấu không chế ở mức 1,5%/tổng dư nợ
- Lợi nhuận trước thuế tăng bình quân hàng năm từ 15%-20%/năm
- Thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên đạt mức khá trên địa bàn

Để nhanh chóng đạt được những mục tiêu mà BIDV Đông ĐăkLăk đã đề ra mục tiêu nhằm xây dựng Chi nhánh phát triển thành một Ngân hàng hiện đại, có hiệu quả cao, an toàn, bền vững, tài chính lành mạnh, có kỹ thuật công nghệ cao, kinh doanh đa năng, mở rộng và phát triển các kỹ thuật nghiệp vụ ngân hàng bán lẻ, chất lượng nguồn nhân lực và quản trị ngân hàng đạt mức tiên tiến, có khả năng cạnh tranh mạnh mẽ trên địa bàn phía Đông tỉnh ĐăkLăk. Thì BIDV Đông ĐăkLăk đã tăng cường thực hiện các công việc được thể hiện qua một số điểm sau đây:

- Giữ vững và củng cố vị thế chủ đạo của ngân hàng trong vai trò cung cấp tài chính, tín dụng trên địa bàn các huyện phía Đông tỉnh ĐăkLăk, tập trung đầu tư vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ, kinh tế thương mại dịch vụ, các khu công nghiệp, tài trợ cho các doanh nghiệp cung cấp hàng xuất khẩu và trực tiếp xuất khẩu. Hoạt động theo xu hướng vừa có trọng tâm vừa mở rộng và đa dạng hóa các loại hình kinh doanh sẽ cho phép ngân hàng mở rộng thị trường, tăng doanh thu, củng cố vị thế ưu việt của ngân hàng và chia sẻ rủi ro.

- Nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động thông qua việc nâng cao chất lượng tài sản có, giảm chi phí đầu vào, nâng cao hiệu quả nguồn vốn, tăng dần tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng lợi nhuận của chi nhánh, đáp ứng các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế.
- Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ ngân hàng dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại.
- Nâng cao năng suất và chất lượng lao động. Chú trọng đầu tư vào con người và phát triển năng lực công tác của cán bộ. Tiếp tục duy trì và tăng cường công tác đào tạo tại chỗ, khuyến khích tự đào tạo, tích cực tham gia đào tạo từ xa để không ngừng nâng cao trình độ nghiệp vụ.
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức, nâng cao năng lực quản trị điều hành và nhanh chóng phát triển các kỹ năng quản trị ngân hàng hiện đại. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ. Tăng cường khả năng cạnh tranh, lấy phục vụ khách hàng làm mục tiêu hoạt động.
- Xây dựng chiến lược dài hạn về công tác tiếp thị nhằm quảng bá thương hiệu BIDV

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện và nâng cao chất lượng công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đắk Lắk

3.2.1. Thực hiện tốt quy trình thẩm định tài chính dự án đầu tư

- Có thể nói BIDV là một trong số các ngân hàng ở Việt Nam có quy trình tín dụng chặt chẽ, bài bản nhờ sự chuyên môn hóa cao cho từng bước trong quy trình tín dụng. Bên cạnh đó ban lãnh đạo, cũng như bộ phận nghiên cứu, đào tạo của BIDV cũng thường xuyên có những hướng dẫn cụ thể các vấn đề có liên quan như: Hướng dẫn lập tờ trình tín dụng, hướng dẫn thực hiện các sản phẩm tín dụng... Tuy nhiên một quy trình tín dụng hoàn chỉnh là chưa đủ, mà còn phải có sự tuân thủ nghiêm ngặt của nhân viên khi tham gia vào quy trình cho vay. Mỗi bước trong quy trình tín dụng từ việc tiếp cận khách hàng vay, thu thập thông tin khách hàng cho tới thẩm định tín dụng, giải ngân đều đòi hỏi sự chấp hành chặt chẽ của từng nhân viên thực hiện. Có thể nói tuân thủ tốt quy trình tín dụng chính là một bước cơ bản ban đầu giúp ngân hàng hạn chế những rủi ro có thể gặp phải sau này.
- Việc thực hiện tốt theo quy định tất cả các bước sẽ tạo ra quá trình tự kiểm soát của bản thân việc cấp tín dụng, hạn chế ảnh hưởng của rủi ro đạo đức và cả sự yếu kém trong chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên tín dụng. Đôi khi nhân viên có thể đã làm việc quen với một khách hàng nào đó mà có thể tự ý bỏ qua một số bước trong quy trình cấp tín dụng, điều này có thể dẫn tới những hậu quả khó lường sau này. Cần phải ghi nhớ một bài

học kinh điển rằng: việc cấp tín dụng phải trải qua tất cả các khâu trong quy trình cấp tín dụng, không bỏ qua bất kỳ khâu nào, chỉ có thể đơn giản hóa một số công việc trong một bước nào đó nếu đã có cơ sở chắc chắn.

– Việc giám sát lẫn nhau của các nhân viên từ bước này sang bước khác cũng rất quan trọng. Đôi khi do những yếu kém trong chuyên môn của một nhân viên có thể được nhận ra và sửa chữa bởi các nhân viên thực hiện các bước tiếp theo trong quy trình. Nếu các nhân viên không thực hiện trọn vẹn nhiệm vụ của mình trong quy trình thì có nguy cơ một sai phạm nào đó sẽ đi qua tất cả các bước của quy trình, rủi ro là một tất yếu.

3.2.2. Nâng cao chất lượng thẩm định tín dụng tại ngân hàng

– Rủi ro đó là điều mà không ngân hàng nào mong muốn xảy ra, song trong quá trình cấp tín dụng thì rủi ro luôn luôn song song tồn tại. Với định hướng: “Thực hiện tăng trưởng hoạt động cho vay đối với dự án đầu tư đi đôi với việc nâng cao chất lượng để đảm bảo phát triển bền vững.” Thì việc nâng cao chất lượng thẩm định tài chính tại ngân hàng cần phải được thực hiện đồng thời với những giải pháp có tính chất tăng trưởng.

– Để nâng cao chất lượng thẩm định, chất lượng tín dụng nói chung cũng như chất lượng thẩm định tài chính dự án nói riêng, hạn chế tới mức thấp nhất những rủi ro có thể xảy ra, đòi hỏi cán bộ làm công tác thẩm định phải tinh thông nghiệp vụ, hiểu biết pháp luật, nắm bắt kịp thời nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của đất nước, của từng địa phương trong từng thời kỳ, các thông tin dự báo, thông tin kinh tế kỹ thuật, thị trường và khả năng phân tích tài chính đối với từng loại doanh nghiệp, sự am hiểu về các hoạt động thanh toán trong nước cũng như quốc tế.

– Nghiệp vụ thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay về bản chất cũng mang những đặc điểm giống như hoạt động thẩm định các chỉ tiêu khác. Khi ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho doanh nghiệp nghĩa là ngân hàng đã chấp nhận rủi ro. Vì vậy, cán bộ quản lý khách hàng phải thẩm định khách hàng một cách cẩn thận và kỹ càng trước khi trình ký nhằm đảm bảo an toàn khi cấp tín dụng.

– Để công tác thẩm định được tiến hành đúng quy trình và đảm bảo chính xác, ngân hàng nên phân định rõ chức năng, phân công trách nhiệm cụ thể. Một mặt tiến hành thẩm định trên hồ sơ mà doanh nghiệp đề trình, mặt khác cần phải có cán bộ đi thực tế, tìm hiểu và thẩm định năng lực thực sự của dự án. Không chỉ căn cứ vào thông tin một chiều từ phía khách hàng cung cấp, ngân hàng phải có được thông tin đa chiều để so sánh, đối chiếu và phân tích để quyết định việc cấp tín dụng cho vay hay không.

– Cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban ngành như cơ quan Thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư... để nắm bắt thông tin kịp thời, chính xác nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết

định đầu tư. Ngoài ra, các dữ liệu thông tin khách hàng, ngân hàng có thể thu thập qua kênh CIC, cơ quan Thuế, ngân hàng sẽ loại được những đối tượng khách hàng nợ xấu và nợ Thuế.

- Tổ chức và khai thác một cách có hiệu quả công tác thông tin tín dụng của Ngân hàng nhà nước nhằm nắm bắt thông tin về tình hình quan hệ tín dụng, năng lực tài chính, hồ sơ pháp lý, tình hình nợ xấu... để phòng tránh các rủi ro xảy ra do thiếu thông tin, thông tin bất cân xứng.

- Ngoài việc thẩm định về khả năng tài chính của khách hàng thì cán bộ phải là những người có kỹ năng kinh nghiệm, đánh giá được chất lượng của tài sản đảm bảo để đảm bảo rằng nguồn trả nợ cuối cùng luôn được đánh giá một cách chính xác nhất và thiệt hại cho ngân hàng khi xảy ra rủi ro là ít nhất.

- Công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng hoạt động cho vay của Ngân hàng. Vì thế, ngân hàng phải thực hiện quy trình thẩm định một cách nghiêm túc đồng thời phải dựa trên một số tiêu chí cụ thể để đánh giá. Đặc biệt ngân hàng phải chú trọng tới các chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng vốn bao gồm: Chỉ tiêu thanh khoản, chỉ tiêu hoạt động, chỉ tiêu về lợi nhuận. Trên cơ sở đó, ngân hàng có thể đánh giá được mức độ hiệu quả của phương án mà ngân hàng định tài trợ, xem xét các rủi ro có thể xảy ra cũng như khả năng thực hiện nghĩa vụ đã cam kết của doanh nghiệp đó.

- Công tác thẩm định rất phức tạp, đòi hỏi cán bộ thẩm định phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao. Đối với những khoản tài trợ vượt quá khả năng và phạm vi của Chi nhánh thì cần phải có sự phối hợp chặt chẽ của các chi nhánh, ngân hàng khác và cơ quan có liên quan để cùng tiến hành thẩm định. Chỉ có như vậy, ngân hàng mới có thể ngày càng nâng cao chất lượng công tác thẩm định, đảm bảo phương châm tăng trưởng an toàn và hiệu quả trong hoạt động cho vay nói chung và hoạt động cho vay đối với dự án đầu tư nói riêng.

3.2.3. Tăng cường kiểm tra công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư

- Cần phải thực hiện kiểm tra hoạt động thẩm định dự án đầu tư đặc biệt là thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay thường xuyên, kiểm tra việc chấp hành các quy chế, quy trình cấp tín dụng, phát hiện các sai sót trong xử lý quy trình nghiệp vụ từ đó kịp thời có những điều chỉnh cho phù hợp nhằm hạn chế rủi ro có thể xảy ra. Trong quá trình kiểm tra, có thể kết hợp hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ tác nghiệp trực tiếp. Bộ phận kiểm tra kiểm toán nội bộ phải ngày một nâng cao dần về chất lượng, phát triển về lực nhằm đủ sức hoàn thành nhiệm vụ được giao, thật sự trở thành công cụ quản lý có hiệu quả của Ban lãnh đạo BIDV Đông Đắk Lắk.

– Ngoài hoạt động kiểm soát nội bộ thì kiểm tra, giám sát khách hàng là một nhiệm vụ quan trọng không thể thiếu được trong nghiệp vụ thẩm định dự án đầu tư. Tuy nhiên, nhiệm vụ này thường bị buông lỏng. Vì vậy, sau khi cấp tín dụng, thành lập đoàn công tác xuống kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất nhằm kiểm tra tình hình thực hiện phương án, đảm bảo rằng việc thực hiện đúng các cam kết của mình đã ký với đối tác. Trong quá trình giám sát, ngân hàng cũng có thể tư vấn cho khách hàng cách kinh doanh có hiệu quả hơn, đồng thời giúp dự án giải quyết những khó khăn phát sinh. Điều đó sẽ làm cho mối quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng càng trở nên mật thiết và quá trình thẩm định dự án đầu tư nói chung và quá trình thẩm định tài chính dự án nói riêng được diễn ra một cách thuận lợi hơn.

3.2.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thẩm định

Con người là nhân tố có vai trò quyết định trong toàn bộ hoạt động ngân hàng bao gồm cả hoạt động cho vay và hoạt động thẩm định tài chính. Vì vậy, việc tuyển chọn, đào tạo và sử dụng được một đội ngũ cán bộ có trình độ nghiệp vụ tốt, có đạo đức và tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc là một trong những giải pháp quan trọng để phát triển hoạt động cho vay đối với dự án đầu tư và công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư. Đối với BIDV Đông Đắk Lắk, chính sách con người cần có sự đổi mới toàn diện hơn nữa, cụ thể:

❖ Về tiêu chuẩn hóa cán bộ

Tiêu chuẩn hóa cán bộ cần được thực hiện đồng bộ từ khâu tuyển dụng, đào tạo và sử dụng lao động. Tuyển dụng là khâu đầu tiên và hết sức quan trọng trong chiến lược về con người, nếu tuyển dụng không đạt yêu cầu thì sẽ không có cán bộ giỏi hoặc phải mất thời gian và chi phí cho công tác đào tạo. Tuyển dụng phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

Được đào tạo chính quy tại các trường đại học có uy tín. Ngoài ra, theo yêu cầu của công việc, cần chú trọng tuyển dụng thêm đội ngũ nhân viên trẻ có trình độ, có năng lực, am hiểu về chuyên môn nghiệp vụ và có kiến thức toàn diện.

Có khả năng nhất định về ngoại ngữ và tin học. Trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, giao tiếp quốc tế ngày càng mở rộng, công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi. Ngân hàng là lĩnh vực chịu nhiều áp lực cạnh tranh, cán bộ ngân hàng phải thành thạo ngoại ngữ và tiếp cận được những tiến bộ công nghệ thông tin để thích ứng và đáp ứng được cạnh tranh.

Có trình độ nghiệp vụ cũng như sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt. Cũng như hoạt động khác, hoạt động tín dụng rất cần những cán bộ giỏi để thực hiện tốt khâu thẩm định

và quản lý. Vì vậy, để nâng cao chất lượng của hoạt động tài trợ vốn lưu động trước khi giao hàng, ngân hàng phải có được một đội ngũ nhân viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức cũng như trình độ nghiệp vụ, kinh nghiệm và khả năng tiếp cận công nghệ mới.

Có hiểu biết về xã hội và khả năng giao tiếp, điều này sẽ có những ưu điểm trong tác nghiệp: xem xét đúng và đầy đủ, chính xác các nội dung cần thẩm định, khả năng thu thập và xử lý thông tin tốt. Đặc biệt nhân viên giao tiếp tốt sẽ tạo những ấn tượng tốt cho khách hàng.

Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ theo chức danh và vị trí công tác trên cơ sở các bản mô tả công việc cho từng vị trí. Đổi mới công tác bố trí sắp xếp cán bộ, thay phương thức bổ nhiệm bằng cử tuyển bằng phương thức thi tuyển. Cụ thể:

Bước 1: Xây dựng các chức danh, đưa ra tiêu chuẩn về chính trị và chuyên môn.

Bước 2: Công khai quá trình thi tuyển, có hội đồng chấm kết quả làm căn cứ bổ nhiệm, có ký kết hợp đồng về thời gian và trách nhiệm công việc đảm nhiệm. Có như vậy mới tạo được sự ổn định về tư tưởng của các bộ được bổ nhiệm và hạn chế được tiêu cực trong công tác cán bộ.

❖ Về đào tạo

Tổ chức đào tạo chuyên gia, chuyên viên thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay. Cần chú trọng hơn nữa đến công tác đào tạo và đào tạo lại cho đội ngũ nhân viên đặc biệt là nhân viên tín dụng và phải xem đây không chỉ đơn thuần là chính sách về con người mà còn là một biện pháp thiết thực việc quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng. Cụ thể:

Công tác đào tạo tập trung đào tạo theo các chuyên đề. Ngoài đào tạo về chuyên môn, cũng cần có sự nâng cao trình độ cho cán bộ ngân hàng về tin học, ngoại ngữ và luật pháp.

Đối với nhân viên mới tuyển dụng, cần có chương trình đào tạo lại một cách tổng quát về sản phẩm dịch vụ của ngân hàng, đồng thời tổ chức đào tạo một cách nghiêm túc, có kiểm tra, đánh giá cụ thể và xem đây là một trong những yêu cầu cần thiết để trở thành nhân viên chính thức. Điều này giúp cho đội ngũ nhân viên mới nắm được tổng quát các sản phẩm ngân hàng để có thể quảng bá một cách đầy đủ đến khách hàng cũng như phục vụ khách hàng tốt hơn;

Bên cạnh việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, ban lãnh đạo ngân hàng cần cần nhắc khi bố trí nhân sự để phát huy được thế mạnh và hạn chế được nhược điểm của mỗi cán bộ để họ có thể cống hiến được nhiều nhất. Bố trí công tác một cách khoa học, đúng vị trí chuyên

môn đã được đào tạo sẽ phát huy tối đa năng lực của đội ngũ cán bộ nhân viên. Ngân hàng nên kết hợp kinh nghiệm của những cán bộ lâu năm với sức sáng tạo của các nhân viên.

❖ *Về chế độ đãi ngộ*

Cần có sự quan tâm nhiều hơn đến các yếu tố như: Kinh nghiệm, trình độ học vấn để khuyến khích người lao động không ngừng nâng cao trình độ. Bên cạnh đó, trong thực hiện chính sách lương, cần có sự điều chỉnh bất cập trong việc đánh giá năng lực của nhân viên và hoàn thiện quy chế trả lương theo hướng thực đúng theo công việc và bảo đảm tính bảo mật; đồng thời cải cách cơ chế thưởng phạt theo hướng công minh và thực sự có tính khuyến khích, răn đe, để từ đó phát huy đầy đủ nguồn lực về con người.

Về chế độ thưởng phạt: Bổ sung cơ chế thưởng “nóng” để tạo tính khích lệ và động viên kịp thời, gia tăng giá trị vật chất của phần thưởng bên cạnh giá trị tinh thần, cũng như gia tăng nghĩa vụ thực hiện khi vi phạm. Để bảo đảm quyền lợi đi đôi với trách nhiệm, cơ chế thưởng phạt cần tiếp tục đổi mới theo hướng thiết thực hơn.

Cần có cơ chế đãi ngộ đặc biệt đối với cán bộ giỏi về công tác tại các chi nhánh đóng trên địa bàn vùng sâu vùng xa như BIDV Đông Đắklăk.

3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông ĐắkLăk

3.3.1. Kiến nghị với chính quyền địa phương

BIDV Đông ĐắkLăk hoạt động trên địa bàn các huyện nằm phía Đông của Tỉnh ĐắkLăk, đây là một trong những khu vực có điều kiện kinh tế phát triển còn thấp, trình độ dân trí không đồng đều vì vậy để phát triển hoạt động tín dụng đặc biệt là các hoạt động tín dụng thiê về tài trợ cần có sự hỗ trợ của chính quyền trên một số mặt sau đây:

- Hỗ trợ ngân hàng trong công tác tuyên truyền các tiện ích của hoạt động tài trợ vốn đối với doanh nghiệp. Tạo điều kiện để doanh nghiệp phát triển mạnh, sâu rộng hơn nữa trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thương mại ngày càng hiện đại, tạo công ăn việc làm cho nhân dân địa phương.

- Hỗ trợ ngân hàng trong việc xử lý các tranh chấp xảy ra để bảo vệ quyền lợi chính đáng của bên tài trợ và bên nhận tài trợ.

3.3.2. Kiến nghị với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

❖ *Về quy trình:* Hoàn thiện quy trình cấp tín dụng theo hướng gọn nhẹ các thủ tục giấy tờ, có một quy trình tài trợ vốn lưu động trước khi giao hàng riêng tách khỏi quy trình tín dụng hiện hành.

❖ *Về hệ thống định hạng tín dụng nội bộ:* Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp của BIDV:

– Xây dựng tốt hệ thống cơ sở dữ liệu khách hàng: Có thể nói số khách hàng đến với ngân hàng không hề nhỏ việc xây dựng một hệ thống dữ liệu khách hàng thật tốt sẽ giúp cho quá trình thẩm định khách hàng đạt chất lượng cao. Hiện nay công tác thẩm định và xếp hạng tín nhiệm BIDV cũng như các ngân hàng khác đều dựa trên các thông tin mà khách hàng cung cấp, một số lấy từ CIC. Tuy nhiên với hệ thống báo cáo tài chính chưa đảm bảo yếu tố minh bạch, trung thực như nhiều doanh nghiệp ở nước ta thì nguồn thông tin mà khách hàng cung cấp có độ tin cậy không cao. Trong khi đó thông tin từ CIC cung cấp lại quá nghèo nàn (chỉ cung cấp được dư nợ tại các ngân hàng, và cập nhật chưa kịp thời). Vì vậy xây dựng tốt một hệ thống dữ liệu khách hàng để phục vụ cho công tác thẩm định khách hàng của ngân hàng là một việc làm cần thiết. Với hệ thống dữ liệu đầy đủ, đáng tin cậy công tác thẩm định khách hàng cũng như các đối tác của doanh nghiệp cũng dễ dàng hơn, nâng cao chất lượng tín dụng, giảm thiểu khối lượng công việc cho nhân viên tín dụng, tạo tâm lý tốt cho khách hàng.

– Xây dựng một hệ thống xếp hạng tín nhiệm hoàn thiện:

Xây dựng hệ thống các chỉ tiêu xếp hạng đầy đủ, linh hoạt, có thể bổ sung: Phải đảm bảo các chỉ tiêu xếp hạng bao trùm được hoạt động của cả doanh nghiệp từ chỉ tiêu tài chính cho tới phi tài chính, các chỉ tiêu hoạt động...

Xác định trọng số các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính: Trọng số chính là một nhân tố quan trọng trong quá trình chấm điểm cho doanh nghiệp, tùy vào tình hình của ngân hàng, đối tượng khách hàng, số lượng khách hàng mà xác định trọng số cho phù hợp.

Hệ thống xếp hạng tín nhiệm cần phải được các mục tiêu:

+ Đối với ngân hàng: Hệ thống này phải là công cụ chủ chốt và hữu hiệu trong hoạt động quản lý rủi ro của ngân hàng nhằm xây dựng một hệ thống quản trị rủi ro hiện đại, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh doanh trong giai đoạn mới.

+ Đối với doanh nghiệp: Các doanh nghiệp cũng sẽ được hưởng lợi ích của hệ thống xếp hạng như rút ngắn thời gian thẩm định và phê duyệt các khoản vay nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kịp thời tiếp cận các cơ hội kinh doanh mới.

Yêu cầu đặt ra là phải xây dựng được phần mềm chấm điểm, xếp hạng khách hàng kết nối dữ liệu tập trung. Ngoài chức năng xếp hạng phân loại nợ, hệ thống này còn phải có chức năng hỗ trợ ra quyết định cho vay, cho phép trích lập dự phòng trực tiếp và xuất ra được các báo cáo quản trị. Vận dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý rủi ro, tự động hóa việc phân loại tín dụng. Giảm bớt tác động của những sai sót xuất phát từ cảm tính cá nhân của nhân viên chấm điểm.

❖ *Về công tác đào tạo:* Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phổ biến, hướng dẫn những văn bản quy định, đồng thời tạo điều kiện cho các chi nhánh trực thuộc có điều kiện trao đổi, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau về hoạt động tài trợ thương mại.

Ngoài ra, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cần sớm thành lập bộ phận chuyên trách hỗ trợ về Luật pháp trong hoạt động tài trợ thương mại. Kinh nghiệm của các ngân hàng nước ngoài và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam cho thấy bộ phận này rất cần thiết và hữu ích. Đây là việc cần làm ngay bởi trong xu thế hội nhập toàn cầu, các giao dịch bảo lãnh trong và ngoài nước ngày càng nhiều để phòng khi có tranh chấp xảy ra mới quay lại xem hồ sơ gốc, tìm hiểu luật và xin tư vấn các văn phòng luật sư thì quá trễ. Việc ra đời bộ phận chuyên trách hỗ trợ, tư vấn về pháp luật sẽ giúp nhân viên tác nghiệp bớt áp lực về công việc và tập trung vào nghiệp vụ nhiều hơn, góp phần chăm sóc khách hàng được tốt hơn, chuyên nghiệp hơn và quan trọng là ngân hàng sẽ hạn chế được rủi ro về pháp lý và tránh được bất lợi khi có tranh chấp xảy ra.

❖ *Về công nghệ:* Trước yêu cầu hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, hệ thống BIDV cần phải hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, tạo tiền đề cho sự phát triển, mở rộng hoạt động kinh doanh và các kênh phân phối sản phẩm.

3.3.3. Kiến nghị với Chính phủ

❖ *Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại NHTM*

– Hiện nay các văn bản pháp luật quy định về hoạt động tín dụng đang được dần hoàn thiện. Tuy nhiên, để điều chỉnh sát sao hoạt động tại các Ngân hàng thương mại thì các văn bản pháp luật của nhà nước cần phải liên tục được sửa đổi bổ sung cho phù hợp với những thay đổi trong thực tế hoạt động của các ngân hàng.

– Cần ban hành thêm văn bản hướng dẫn cụ thể, chi tiết hơn về điều kiện khả năng tài chính và tình hình tài chính gồm những vấn đề như: giải thích khi nào dự án đầu tư được coi là có khả năng tài chính để trả nợ, khả năng tài chính ở mức độ nào so với khoản

vay là an toàn khi cho vay. Đưa ra định nghĩa về “tình hình tài chính” để tránh gây nhầm lẫn, đồng nhất với khả năng tài chính. Giải thích được khi nào tình hình tài chính được coi là lành mạnh, minh bạch. Phạm vi công khai và mức độ lành mạnh được đánh giá trên tiêu chí nào để không xảy ra những trường hợp chủ dự án hay doanh nghiệp cung cấp thông tin, số liệu để thẩm định không bị ảnh hưởng đến bí mật kinh doanh, làm ảnh hưởng đến cạnh tranh trên thị trường.

– Cần ban hành thêm quy định pháp luật về việc xây dựng quy trình thẩm định và thẩm định tài chính dự án đầu tư an toàn hơn, hiệu quả hơn, có lợi cho khách hàng và đảm bảo được an toàn cho Ngân hàng. Ngoài ra, cần bổ sung và hoàn thiện các quy định của pháp luật về thẩm định tài chính dự án đầu tư tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các NHTM được dễ dàng hơn.

– Cần sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành còn mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu tính nhất quán để tránh tình trạng văn bản dưới luật có hiệu lực cao hơn văn bản luật, văn bản do các cơ quan cấp dưới ban hành có hiệu lực cao hơn cấp trên ban hành. Ngoài ra, cần rà soát để loại bỏ các quy định không phù hợp, chồng chéo với các văn bản pháp luật khác.

– Ban hành thêm văn bản quy định về cán bộ thực hiện công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư phải mang tính chất độc lập với dự án đầu tư có nhu cầu vay vốn tại ngân hàng, tuyệt đối không có những lợi ích trực tiếp hay gián tiếp từ chính dự án đầu tư đó. Cán bộ thẩm định không được thẩm định tài chính dự án mà chủ dự án đó có liên quan, có quan hệ huyết thống với cán bộ thẩm định.

KẾT LUẬN

Công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay ảnh hưởng rất lớn đến việc đưa ra quyết định có cho vay hay không của NHTM. Khi quyết định cho vay đối với dự án đầu tư thì NHTM không chỉ có thu nhập từ lãi tín dụng mà còn có nhiều rủi ro, những rủi ro không chỉ để lại hậu quả xấu cho các NHTM nói riêng mà còn ảnh hưởng đến cả hệ thống tài chính tiền tệ quốc gia, đến toàn bộ nền kinh tế. Đòi hỏi NHTM phải nghiên cứu, phân tích, thẩm định kỹ và chính xác để đưa ra những giải pháp quản lý, ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro trước khi đưa ra quyết định cho vay để bảo đảm an toàn cho hệ thống NHTM nói riêng và hệ thống Ngân hàng nói chung.

Đề tài “Thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đắk Lắk” đã giải quyết được những vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, làm rõ cơ sở lý luận về mục đích, yêu cầu và quy định thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của NHTM.

Thứ hai, phân tích, đánh giá và phản ánh hoạt động cho vay và công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đắk Lắk.

Thứ ba, đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đắk Lắk.

Thứ tư, đưa ra một số kiến nghị đối với Chính phủ, Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk và chính quyền địa phương để thực hiện giải pháp hoàn thiện công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đắk Lắk.

Em xin chân thành cảm ơn ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung cùng các anh chị trong Ngân hàng BIDV Đông Đắk Lắk, đặc biệt là các anh chị trong phòng Khách hàng Doanh nghiệp đã tận tình hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành tốt đề tài này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoàng Tuấn Anh (2014), “*Hoạt động tài trợ vốn lưu động trước khi giao hàng đối với Doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông ĐắkLắk*”, Tài liệu chưa xuất bản đã được sự đồng ý của tác giả, PTP Khách hàng Doanh nghiệp – BIDV Đông ĐắkLắk.
- [2] Chính phủ (2020), *Nghị định số 21/2020/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở*, Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 02 năm 2020.
- [3] Nguyễn Ngọc Hà (2016), “*Hoàn thiện công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư tại Ngân hàng TMCP Bản Việt*”, Luận văn thạc sĩ, trường Đại học Đà Nẵng.
- [4] Khoa Quản trị kinh doanh (2012), *Giáo trình Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư năm 2012*, Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
- [5] Nguyễn Tiến Long (2019), *Giáo trình Thẩm định dự án đầu tư năm 2019*, Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.
- [6] Ngân hàng Nhà nước (2005), *Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN về việc ban hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng*, Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 22 tháng 04 năm 2005.
- [7] Ngân hàng Nhà nước (2016), *Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng*, Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.
- [8] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2021), *Thông tư số 11/2021/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 30 tháng 07 năm 2021.
- [9] Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển BIDV – Chi nhánh Đông ĐắkLắk (2019), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2019, ĐắkLắk*
- [10] Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển BIDV – Chi nhánh Đông ĐắkLắk (2020), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2020, ĐắkLắk*
- [11] Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển BIDV – Chi nhánh Đông ĐắkLắk (2021), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2021, ĐắkLắk*

[12] Từ Quang Phương (2013), *Giáo trình Kinh tế đầu tư năm 2013*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

[13] Quốc hội (2015), *Luật số 91/2015/QH13 về Bộ luật dân sự*, Quốc hội ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015.

[14] Quốc hội (2017), *Luật số 17/2017/QH14 về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng*, Quốc hội ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2017.

[15] Quốc hội (2020), *Luật số 61/2020/QH14 về Luật Đầu tư*, Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020.

[16] Lê Thảo Trang (2021), “*Pháp luật về thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Chi nhánh Đông Đắk Lắk*”, Tài liệu chưa được xuất bản đã được sự đồng ý của tác giả, Khoa Luật – Trường Đại học Đà Lạt.